**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TOÁN 6 NĂM HỌC 2024- 2025 BỘ SÁCH CTST**.

Ngày soạn: 4/9/2024

Ngày dạy: 6/9/2024

**CHƯƠNG 1: SỐ TỰ NHIÊN**

# TIẾT 1 - BÀI 1. TẬP HỢP. PHẦN TỬ CỦA TẬP HỢP

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

- Biết cách đọc và viết một tập hợp.

- Biết cách sử dụng các kí hiệu về tập hợp ( “” , “”) .

- Nhận biết được một phần tử thuộc hay không thuộc một tập hợp.

**2. Năng lực**

***- Năng lực riêng:***

+ Sử dụng được các kí hiệu về tập hợp.

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Một số đồ vật hoặc tranh ảnh minh họa cho khái niệm tập hợp ( bộ sưu tập đồ vật, ảnh chụp tập thể HS, bộ đồ dùng học tập, bộ cốc chén..)

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; đồ vật, tranh ảnh như trên.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục đích:** HS cảm thấy khái niệm tập hợp gần gũi với đời sống hàng ngày.

**b. Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu hoặc tranh ảnh.

**c. Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu hình ảnh và giới thiệu “tập hợp gồm các bông hoa trong lọ hoa”, “ tập hợp gồm ba con cá vàng trong bình”... và yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm các ví dụ tương tự trong đời sống hoặc mô tả tập hợp trong tranh ảnh mà mình đã chuẩn bị.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Từ các ví dụ trên chúng ta sẽ đi tìm hiểu rõ hơn về tập hợp, các kí hiệu và cách mô tả, biểu diễn một tập hợp”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Làm quen với tập hợp**

**a. Mục tiêu:**

**+** Làm quen với tập hợp

+ Hình thành kĩ năng nhận biết phần tử của một tập hợp.

**b. Nội dung:**

**+** GV giảng, trình bày.

+ HS tiếp thu, quan sát SGK, thảo luận, trả lời.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS quan sát Hình 1 SGK-tr7:    Yêu cầu HS viết vào vở:  *+ Tên các đồ vật trên bàn ở Hình 1*  *+ Tên các bạn trong tổ của em*  *+ Các số tự nhiên vừa lớn hơn 3 vừa nhỏ hơn 12.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động cá nhân  - GV quan sát và trợ giúp các nếu HS cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời của mình.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chính xác hóa và giải thích:  *+ Các đồ vật ở trong Hình 1 tạo thành một tập hợp. Mỗi đồ vật trên bàn được gọi là một phần tử của/ thuộc tập hợp đó”.*  *+ Tương tự, “các bạn trong tổ của em tạo thành một tập hợp”, “Các số tự nhiên lớn hơn 3, nhỏ hơn 12 tạo thành một tập hợp”.* | **1. Làm quen với tập hợp**  - Tên đồ vật trên bàn: sách, thước kẻ, ê ke, bút  - Tên các bạn trong tổ: Lan, Mai, Ngọc, Hoa, Tuấn.  - Các số tự nhiên lớn hơn 3 nhỏ hơn 12: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11. |

**Hoạt động 2: Các kí hiệu**

**a. Mục đích:**

+ HS biết và sử dụng được hai cách mô tả ( viết) một tập hợp.

+ Củng cố cách viết các kí hiệu “” và “”.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c. Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung mục này trong SGK và đọc các ví dụ minh họa ở trang 7.  Sau khi đọc xong, GV yêu cầu HS sử dụng kí hiệu để viết ba tập hợp trong HĐKP ở trên và viết một vài phần tử thuộc/ không thuộc trong tập hợp đó.  - GV viết ví dụ:  A = {thước kẻ, bút, eke, sách}  bút , tẩy  A  - GV yêu cầu HS viết tương tự cho 2 tập hợp còn lại và hoàn thành thực hành 1.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Hoạt động cá nhân hoàn thành các yêu cầu và phần luyện tập  + GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **+** HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  + Ứng với mỗi phần luyện tập, một HS lên bảng chữa, các học sinh khác làm vào vở.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2. Các kí hiệu**  Ví dụ: Gọi B là tập hợp tên các bạn trong tổ em.  B = { Lan, Mai, Ngọc, Hoa, Tuấn}  Lan , Huyền  B.  *Thực hành 1:*  Gọi M là tập hợp các chữ cái có mặt trong từ “gia đình”  M = {a, đ, i, g, h, n}  + Khẳng định đúng: a , b , i  + Khẳng định sai: o |

**Hoạt động 3: Cách cho một tập hợp**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung trong SGK trong vòng 2p ( GV gợi ý cách đọc kí hiệu gạch đứng “|” là “ sao cho”, “trong đó”, “ thỏa mãn”,…  - GV phân tích cho HS qua ví dụ khác:  “*B là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 1 và nhỏ hơn 10*”  + GV gọi 1 HS biểu diễn tập hợp B dưới dạng *liệt kê tất cả các phần tử của tập hợp B*.  + GV giảng: Ngoài cách *liệt kê tất cả các phân tử của tập hợp B*, ta còn có thể viết B = { x | x là số tự nhiên, 1< x < 10}. Đây là cách chỉ ra *tính chất đặc trưng cho các phần tử x của tập hợp B*.  - GV cho HS rút ra *Nhận xét* như trong SGK – tr8.  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **Thực hành 2** vào vở và cho 2 HS lên chữa bài.  - GV cho HS làm **Thực hành 3** và yêu cầu 1 HS lên bảng làm ý a), b); 1 HS làm ý c).  - GV cho HS đọc, tìm hiểu mục “**Em có biết?**” và phân tích, giới thiệu thêm cách minh họa tập hợp bằng một vòng kín ( “ Sơ đồ Venn”).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động cá nhân  - GV quan sát và trợ giúp các nếu HS cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS hoàn thành vở sau đó lên bảng trình bày.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và tổng quát lại 2 cách cho một tập hợp:  + *Cách 1: Liệt kê các phần tử của tập hợp.*  *+ Cách 2: Chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp.* | **3. Cách cho tập hợp**  VD: “*B là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 1 và nhỏ hơn 10*”  + B = {2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9}  + B = { x | x là số tự nhiên, 1< x < 10}.  *Nhận xét:*  a) Liệt kê các phần tử của tập hợp.  b) Chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp.  **Thực hành 2:**  a) E ={0; 2; 4; 6; 8}.  - Tính chất đặc trưng của tập hợp E là: E gồm các số tự nhiên chẵn nhỏ hơn 10.  => E = { x | x là số tự nhiên chẵn và x < 10}.  b) P = { x | x là số tự nhiên và 10 < x < 20}.  P = { 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19}.  **Thực hành 3:**  a) A = {8, 9, 10, 11, 12, 13, 14}  b) 10 ∈ A; 13 ∈ A      16 ∉ A, 19 ∉ A  c)  Cách 1: B = {8, 10, 12, 14}.  Cách 2: B = { x | x là số tự nhiên chẵn, và 7 < x < 15}. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1 và 2 SGK – tr9*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**1.** D = {x|x là số tự nhiên và 5 <x<12}

D = {6 ;7 ;8 ;9 ;10 ;11}

7 ; 5 ; 10 ; 17 ; 0 

**2. B =** {x|x là số tự nhiên lẻ và x>30)

Các khẳng định đúng là a) và c)

Các khẳng định sai là b) và d)

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục đích:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b. Nội dung:** GV đưa ra câu hỏi, HS giải đáp nhanh

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu Slide và yêu cầu HS hoàn thành nhanh bài tập vận dụng trang 8 -SGK.*

Dưới đây là quảng cáo khuyến mãi cuối tuần của một siêu thị.



Hãy viết tập hợp các sản phẩm được giảm giá trên 12 000 đồng mỗi ki-lô-gam.

*- HS suy nghĩ nhanh và trả lời câu hỏi*

Gọi G là tập hợp các sản phẩm được giảm giá trên 12000, ta có:

G = {xoài, cá chép, gà}

*- HS nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Hiểu và ghi nhớ hai cách cho một tập hợp.

- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **Bài 3; 4 (SGK TR9)**

BSH:- Chuẩn bị bài mới “ **Tập hợp số tự nhiên. Ghi số tự nhiên**”

……………………………………………………………………………………

Ngày soạn:4/9/2024

Ngày dạy: 6/9; 9/9/2024

# TIẾT 2+3 - BÀI 2. TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN. GHI SỐ TỰ NHIÊN.

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

- Phân biệt được hai tập hợp ­ và ­\*.

- Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí trong một số tự nhiên biểu diễn ở hệ thập phân.

**2. Năng lực**

***- Năng lực riêng:***

+ Biểu diễn được số tự nhiên trong phạm vi 30 bằng cách sử dụng chữ số La Mã.

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Tài liệu giảng dạy; SGK; SBT; Giáo án PPT ( Tìm một số hình ảnh về các số tự nhiên trong lịch sử loài người)

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; SBT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu biết về văn hóa, thói quen sử dụng chữ số từ lịch sử.

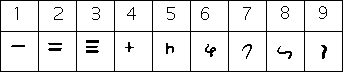
**b. Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu hoặc tranh ảnh và chú ý lắng nghe.

**c. Sản phẩm: :** HS nắm được các cách viết sô tự nhiên khác nhau qua giai đoạn, năm tháng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

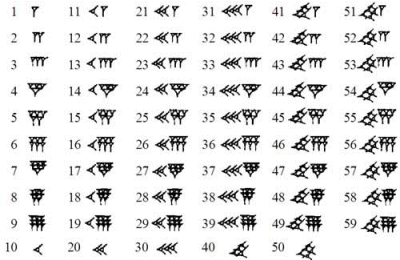
GV giới thiệu và chiếu một số hình ảnh liên quan đến cách viết số tự nhiên từ thời nguyên thủy ( hình ảnh dưới phần hồ sơ dạy học) “ Trong lịch sử loài người, số tự nhiên bắt nguồn từ nhu cầu đếm và từ rất sớm. Các em quan sát hình chiếu và nhận xét về cách viết số tự nhiên đó.”

****

**Chữ số Ấn Độ cuối thế kỉ 1**

****

**Bảng chữ số Ả Rập**

****

**Chữ số Babylon**

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Cách ghi số tự nhiên đó như thế nào, có dễ đọc và sử dụng thuận tiện hơn không?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tập hợp** **­ và** **­\*.**

**a. Mục tiêu:**

**+** Phân biệt được tập hợp số tự nhiên (  ) và tập các số tự nhiên khác 0 ( ­\*­).

+ Củng cố lại cách biểu diễn một tập hợp,

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc đoạn giới thiệu về tập hợp ­ và ­\*.  - GV gọi 1, 2 HS trình bày tập hợp  và ­\*.  - GV giảng và nhắc lại hoàn chỉnh để HS hiểu và ghi nhớ hơn.  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **Thực hành 1.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và tổng quát lại tập hợp  và ­\*:  **= { 0; 1; 2; 3; 4;...}**  **­\*= { 1; 2; 3; 4; 5;...}** | **1**. **Tập hợp** **­ và** **­\*.**  - Tập hợp số tự nhiên:  **= { 0; 1; 2; 3; 4;...}**  - Tập hợp số tự nhiên khác 0:  **­\*= { 1; 2; 3; 4; 5;...}**  **Thực hành 1:**  a) Tập hợp N và N\* khác nhau là:  +  là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 0.  + ­\* là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 0.  b) C = {1, 2, 3, 4, 5} |

**Hoạt động 2: Thứ tự trong tập hợp số tự nhiên**

**a. Mục đích:**

**+** Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số tự nhiên.

+ Nhận biết được tia số và mối liên hệ với các điểm biểu diễn chúng trên tia số.

+ So sánh được hai số tự nhiên cho trước.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nhắc lại về tập hợp  và tia số:  Tập hợp các số tự nhiên được kí hiệu bởi  = { 0; 1; 2; 3; ...}.  Mỗi phần tử 0; 1; 2; 3;... của  được biểu diễn bởi một điểm trên tia số gốc O như hình dưới đây:    - GV phân tích tia số:   * Điểm biểu diễn số tự nhiên n gọi là điểm n. VD: Điểm 3, điểm 4, điểm 8... * Tia số nằm ngang có chiều mũi tên đi từ trái sang phải, nếu a < b thì điểm a nằm bên trái điểm b.   - GV giảng: Trong hai số tự nhiên a và b khác nhau, có một số nhỏ hơn hoặc lớn hơn số kia.   * Nếu a nhỏ hơn b, ta viết a < b. * Nếu a lớn hơn b, ta viết a > b. * Ta viết: a  b để chỉ a < b hoặc a = b;   b  a để chỉ b > a hoặc b = a.   * Mỗi số tự nhiên có đúng một số liền sau cách nó 1 đơn vị. VD: 9 là số liền sau của 8 ( còn 8 là số liền trước của 9). Hai số 8 và 9 là hai số tự nhiên liên tiếp.   - GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 2.**  - GV hướng dẫn, HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP.**  - GV cho HS rút ra kiến thức trọng tâm:  Nếu **a < b** và **b < c** thì **a < c**. => **Tính chất bắc cầu.**  - Gv cho HS hoàn thành **Thực hành 3**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và nêu kiến thức trọng tâm cần nhớ. | **2. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên:**  **Thực hành 2:**  a) 17, 19, 21 là ba số lẻ liên tiếp tăng dần.  b) 103, 101, 99, 97 là bốn lẻ liên tiếp giảm dần.  **HĐKP:**  a) a > 2021  mà 2021 > 2020  => a > 2020  b) a < 2000  mà 2000 < 2021  => a < 2020  **=> Tính chất bắc cầu:**  Nếu  => a < c  **Thực hành 3:**  A = {35, 30, 25, 20, 15, 10, 5, 0}. |

**Hoạt động 3: Ghi số tự nhiên**

**a. Mục tiêu:**

+ HS nhận biết được cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân và mối quan hệ giữa các hàng.

+ Biết thêm các số tự nhiên trên lớp triệu, là lớp tỉ.

+ HS hiểu giá trị mỗi chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.

+ HS viết được số La Mã từ 1 đến 30.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **a) Hệ thập phân:**  - GV dẫn dắt HS qua bài toán sau:  *Đọc và số sau bằng chữ: 107 463 847.*  ( một trăm linh bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi bảy)  - GV giới thiệu thêm số tự nhiên trên lớp triệu là lớp tỉ và đặt vấn đề cho HS: *Số 2 107 463 847 sẽ đọc và viết bằng chữ như thế nào*?  ( hai tỉ một trăm linh bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi bảy).  - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung đã trình bày trong SGK.  - GV lưu ý cho HS: *Khi viết các số tự nhiên có 4 chữ số trở lên, ta nên viết tách riêng từng nhóm ba chữ số kể từ phảo sang trái cho dễ đọc. Chẳng hạn: 300 000 000.*  - GV cho HS đọc hiểu *Ví dụ 2* và phân tích cho HS so sánh hai số trong phạm vi lớp tỉ như các số trong phạm vi lớp triệu. Ta có thể áp dụng tương tự cho số tự nhiên bất kỳ.  - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi **Thực hành 4.**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu tiếp nội dung SGK viết về Cấu tạo thập phân của một số.  - GV giảng, phân tích rõ cho HS hiểu qua Ví dụ sau:  Số **1754** có **1** nghìn, **7** trăm, **5** chục, **4** đơn vị.   * **1754** = **1** × 1000 + **7** × 100 + **5** × 10 + **4**.   - GV cho HS trao đổi, hoàn thành **Thực hành 5.**  **b) Hệ La Mã:**  - GV chiếu bảng số La Mã kí hiệu và giá trị 3 thành phần để ghi và ghép thành số La Mã.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Chữ số** | I | V | X | | **Giá trị tương ứng** | 1 | 5 | 10 |   - GV giới thiệu và cho HS đọc và ghi nhớ các thành phần chính trong bảng trên.  - GV dẫn dắt: Ghép các chữ số I, V, X với nhau ta được các số La Mã từ 1 đến 10   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |   - GV phân tích:  + Từ các số này, nếu thêm vào bên trái mỗi số một chữ số X ta được các số La Mã từ 11 đến 20.  VD: XI là 11, XII là 12, ... , XX là 20.  + Nếu thêm vào bên trái hai chữ số X ta được các số La Mã từ 21 đến 30.  VD: XXI là 21; XXV là 25; ..  - GV cho HS tìm những đồ vật có xuất hiện số La Mã.  ( mặt đồng hồ, số thự tự các chương mục của sách, thứ tự của thế kỉ...)  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 6.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và nêu kiến thức trọng tâm cần nhớ. | **3. Ghi số tự nhiên**  ***a) Hệ thập phân***  **Thực hành 4:**  Số 2023 có 4 chữ số:  + Chữ số hàng đơn vị là 3,  + Chữ số hàng chục là 2,  + Chữ số hàng trăm là 0,  + Chữ số hàng nghìn là 2.  Số 5 427 198 653 có 10 chữ số:  + Chữ số hàng đơn vị là 3,  + Chữ số hàng chục là 5,  + Chữ số hàng trăm là 6,  + Chữ số hàng nghìn là 8,…  \* Cấu tạo thập phân của số:  - Mỗi chữ số tự nhiên viết trong hệ thập phân đều biểu diễn được thành ***tổng giá trị các chữ số của nó.***  TQ:  = ( **a** × 10) + **b**, với a ≠ 0  = (**a** × 100) + ( **b** × 10) + **c**  VD:Số **1754** có **1** nghìn, **7** trăm, **5** chục, **4** đơn vị.   * **1754** = **1** × 1000 + **7** × 100 + **5** × 10 + **4**.   **Thực hành 5:**  a) Biểu diễn số:  **345** = **3** × 100+ **4** × 10 + **5** = 300 + 40 + 5  **2 021** = 2 × 1000 + **0** x 100 + **2** × 10 + **1** = 2 000 + 20 + 1  b) 96 208 984: Chín mươi sáu triệu hai trăm lẻ tám nghìn chín trăm tám mươi bốn.  Số này có 8 chữ số, số triệu là 6, số trăm là 9.  ***b) Hệ La Mã***   |  |  | | --- | --- | | Số La Mã | Giá trị tương ứng | | XII | **12** | | **XX** | 20 | | XXII | **22** | | **XVII** | 17 | | **XXX** | 30 | | **XXVI** | 26 | | **XXVIII** | 28 | | XXIV | **2** | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1 + 2 + 3 ( SGK – tr12)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án* (**Bài 1, 2** trình bày miệng ; **Bài 3** 2 HS trình bày bảng.)

**Bài 1 :**

a) 15 ∈  N;        b) 10,5 ∉ N\*;

c)  ∉ N ;          d) 100 ∈ N.

**Bài 2 :**

a) Sai

b) Sai

c) Đúng

d) Sai

**Bài 3:**

2 756 = 2 × 1000 + 7 × 100 + 5 × 10 + 6

2 053 = 2 × 1000 + 0 × 100 + 5 × 10 + 3

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

+ Học sinh nắm được một số chú ý liên quan đến số La Mã.

+ Củng cố kiến thức qua các bài tập vận dụng.

**b. Nội dung:**

**+** HS tìm hiểu trong phần mục « **Em có biết ?**».

HS vận dụng kiến thức để giải một số bài toán thực tế.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS đọc hiểu mục «****Em có biết ?****» (SGK –tr12).*

*- GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức làm* ***bài tập******3 + 6*** *– (SBT-tr9).*

**Bài 3: (SBT – tr9)**

a) 1 441 457 889 đọc là : Một tỉ bốn trăm bốn mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi chín.

1 386 638 130 đọc là : Một tỉ ba trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn một trăm ba mươi.

b) Có : 1 441 457 889 > 1 386 638 130

=> Dân số nước Trung Quốc lớn hơn nước Ấn Độ.

**Bài 6: (SBT – tr9)**

Kết quả sau khi dịch chuyển que tăm :

*- HS nhận xét, bổ sung.*

*- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Học thuộc nội dung bài.

- Làm các bài tập 2 + 4 + 5 (SBT-tr9)

BSH:- Chuẩn bị bài mới “ **Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên**”

Ngày soạn: 11/9/2024

Ngày dạy: 12-13/9/2024

# TIẾT 4+5 - BÀI 3. CÁC PHÉP TÍNH TRONG TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN.

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

- Nhớ lại quy tắc cộng trừ nhân chia số tự nhiên.

- Nhận biết các tính chất của các phép tính.

**2. Năng lực**

***- Năng lực riêng:***

+ Vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán một cách hợp lí.

+ Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính như tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có,...

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Tài liệu giảng dạy; SGK; SBT; Giáo án PPT .

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; SBT; bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** HS hình thành như cầu sử dụng các tính chất trong thực hiện phép tính.

**b. Nội dung:** HS quan sát trên màn chiếu hoặc SGK hoàn thành yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm: :** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho bài toán:

“**Cho T = 11 × ( 2001 + 2003 + 2007 + 2009) + 89 × ( 2001 + 2003 + 2007 + 2009)**

**Có cách nào tính nhanh giá trị của biểu thức T không?**”.

- GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Chúng ta đã được học các phép tính cộng, trừ, nhân, chia ở tiểu học, trong chương trình lớp 6, chúng ta sẽ ôn lại và tiếp tục tìm tiểu các tính chất của phép tính để áp dụng tính nhanh một số bài toán.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép cộng và phép nhân**

**a. Mục tiêu:**

+ HS nhớ, nhận biết lại khái niệm: số hạng, tổng; thừa số, tích và sử dụng được

**+** Nhớ lại quy tắc cộng và nhân các số tự nhiên; kiểm tra khả năng vận dụng của HS.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc đề bài **Thực hành 1** và yêu cầu thảo luận nhóm giải bài toán.  - GV cho HS lên bảng trình bày bài giải.  - GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức, trao đổi và thực hiện **HĐKP1**.  - GV cho HS đọc *Chú ý* và *Ví dụ* SGK.  - GV phân tích và nhấn mạnh lại *Chú ý* và *Ví dụ* để HS hiểu và ghi nhớ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chữa lại đáp án, lưu ý HS kiến thức trọng tâm cần nhớ và đánh giá quá trình học. | **1**. **Phép cộng và phép nhân**  **Thực hành 1:**  Số tiền An đã mua là:  5 × 6000 + 6 × 5000 + 2 × 5000 = 70 000 (đồng).  Số tiền còn lại của An là:  100 000 – 70 000 = 30 000 đồng.  **HĐKP1:**  1 890 + 72 645 = 74 535 => Đúng.  Trong đó: 1 890 và 72 645 là các số hạng, 74 535 là tổng.  363 × 2 018 = 732 534 => Đúng  Trong đó: 363 và 2 018 là các thừa số, 732 534 là tích.  ***Chú ý:*** Trong một tích mà các thừa số đều bằng chữ hoặc chỉ có một thừa số bằng số, ta có thể không viết dấu nhân ở giữa các thừa số; dấu “×” trong tích các số cũng có thể thay bằng dấu “.”.  *Ví dụ*: a × b = a.b; 6 × a × b =6.a.b = 6ab;  363 × 2018 =363.2018 |

**Hoạt động 2: Tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên**

**a. Mục đích:**

**+** Nhận biết được các tính chất của phép cộng và phép nhân.

+ Vận dụng các tính chất vào các bài toán để tính nhanh và hợp lý.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm và hoạt động trong 3p:  + GV yêu cầu Nhóm 1 và Nhóm 3 hoàn thành **HĐKP2** ý a), b), d)  + GV yêu cầu Nhóm 2 và Nhóm 4 hoàn thành **HĐKP2** ý c), e)  - GV chữa lại và cho HS trao đổi rút ra nhận xét sau mỗi ý.  - GV rút ra kiến thức trọng tâm và yêu cầu 1 vài HS đọc.  - GV cho HS 2p đọc, ghi nhớ các tính chất và yêu cầu HS gấp sách thực hiệ viết lại 7 tính chất bằng công thức ra nháp (2 HS nhanh nhất sẽ đươc chấm lấy điểm miệng).  - GV yêu cầu HS vận dụng các tính chất, hoàn thành **Thực hành 2**.  - GV cho HS đọc đề **Thực hành 3,** GV phân tích cho HS hiểu rõ rồi cho HS phát biểu quy tắc tính nhanh tích của một số với 9, với 99 dựa vào hai ví dụ đã có trong SGK:  + Để tính tích của một số với 9 ta thêm số 0 vào cuối số đó rồi trừ cho chính số đó.  + Để tính tích của một số với 99 ta thêm hai số 0 vào cuối số đó rồi trừ cho chính số đó.  - Dực trên sự hướng dẫn của GV, HS hoàn thành **Thực hành 3**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đối với hoạt động nhóm: Các nhóm treo bảng phụ lên bảng, đại diện 1HS mỗi nhóm trình bày.  - Đối với hoạt động cá nhân:HS giơ tay phát biểu tại chỗ, trình bày bảng, các HS khác chú ý và nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án, lưu ý HS và cho HS nhắc lại các tính chất. | **2. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên:**  **Thực hành 2:**  a) 17 + 23 = 23 + 17  b) (12 + 28) + 10 = 12 + (28 +10)  c) 17. 23 = 23 . 17  d) (5 . 6) . 3 = 5 . (6 . 3)  e) 23 . (43 + 17) = 23 . 43 + 23 . 17.  **\* Các tính chất:** a, b, c  - Tính chất giao hoán:  **a + b = b + a**  **a.b = b.a**  - Tính chất kết hợp:  **(a + b) + c = a + (b + c)**  **(a . b). c = a .(b . c)**  - Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng:  **a . (b + c) = a .b + a.c**  - Tính chất cộng với số 0, nhân với số 1.  **a + 0 = a**  **a . 1 = a**  **Thực hành 2:**  T = 11 . (1 + 3 + 7 + 9) + 89 . (1 + 3 + 7 + 9)  T = (11 + 89) . [(1 + 3 + 7 + 9)]  T = `100 . 20  T = 2000  **Thực hành 3:**  a) 1 234 . 9 = 1 234 . (10 – 1) = 12 340 – 1 234 = 11 106  b) 1 234 . 99 = 1 234 . (100 – 1) = 123 400 – 1 234 = 122 166. |

**Hoạt động 3: Phép trừ và phép chia hết.**

**a. Mục tiêu:**

+ HS nhớ và nhận biết lại các khái niệm : Số bị trừ, số trừ, hiệu; Số bị chia, số chia, thương.

+ HS nhớ và củng cố lại quy tắc trừ và phép chia hết hai số tự nhiên

+ Vận dụng quy tức trừ và chia vào các bài toán thực tế.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc, tìm hiểu và hoàn **HĐKP3.**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu quan niệm về phép trừ và phép chia hết trong SGK-tr14,15.  - GV đánh giá mức độ hiểu của HS qua các câu hỏi sau:  + *Kết quả phép trừ a – b = x nghĩa là gì?*  *Xác định các thành phần trong phép trừ trên.*  + *Kết quả của phép chia hết a : b =x nghĩa là gì? Xác định các thành phần trong phép chia trên.*  - GV yêu cầu trao đổi, hoàn thành **Vận dụng.**  - GV lưu ý cho HS phần ***Chú ý***.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và nêu kiến thức trọng tâm cần nhớ. | **3. Phép trừ và phép chia hết**.  **HĐKP3:**  a) Số tiền còn thiếu là:  200 000 – 80 000 = 120 000 (đồng)  b) Cần phải thực hiện gây quỹ trong:  120 000 : 20 000 = 6 (tháng)  **Vận dụng:**  a) Ta có: 36 – 12 = 24  Vậy 24 năm nữa thì số tuổi An bằng tuổi mẹ An năm nay.  b) Ta có: 36 : 12 = 3  Vậy năm nay số tuổi của mẹ An bằng 3 lần số tuổi của An.  \* ***Chú ý:*** Phép nhân cũng có tính chất phân phối đối với phép trừ:  a. (b –c) = a.b –a.c ( b > c ) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, 2 HS trình bày bảng.*

**Bài 1 :**

a) 2 021 + 2 022+ 2 023 + 2 024 + 2 025 + 2 026 + 2 027 + 2 028 + 2 029

= (2 021 + 2 029) + (2 022 + 2 028) + (2 023 + 2 027) + (2 024 + 2 026) + 2 025

= 4 050 + 4 050 + 4 050 + 4 050 + 2025

= 18 225

b) 30 . 40 . 50 . 60

= 40 . 50 . 30 . 60

= 2000 . 1800

= 3 600 000.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố và khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 2+ 3+ 4*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, 3 HS trình bày bảng.*

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bài 2 : Giải :**

Mẹ Bình đã mua hết số tiền là:

9 × 6 500 + 5 × 4 500 + 2 × 5 000 = 91 000 (đồng).

**Bài 3: Giải:**

Từ lúc đúng 8 giờ đến lúc đúng 12 giờ trưa cùng ngày nó sẽ đánh:

8 + 9 + 10 + 11 + 12 = (8 + 12) + (9 + 11) + 10 = 20 + 20 + 10 = 5 (tiếng đánh).

Vậy: Từ lúc đúng 8 giờ đến lúc đúng 12 giờ trưa cùng ngày nó sẽ đánh **5 tiếng đánh.**

**Bài 4:Giải:**

Độ dài đường xích đạo so với khoảng cách giữa hai thành phố trên là:

40 000 : 2 000 = 20 (lần).

Vậy: Độ dài đường xích đạo dài gấp **20 lần** khoảng cách giữa hai thành phố trên.

*- HS nhận xét, bổ sung.*

*- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Ghi nhớ các tính chất của các phép tính.

- Làm các bài tập 2 + 3 (SBT-tr12)

BSH:- Chuẩn bị bài mới “ **Lũy thừa với số mũ tự nhiên**”

……………………………………………………………………………………

Ngày soạn:14/9/2024

Ngày dạy: 18/9;21/9/2024

# TIẾT 6+7 - BÀI 4. LŨY THỪA VỚI SỐ MŨ TỰ NHIÊN.

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

- Phát biểu được định nghĩa lũy thừa; số mũ; cơ số; bình phương; lập phương.

- Nhận biết được hai quy tắc: nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số.

- Nhân, chia hai lũy thừa cùng có số và số mũ tự nhiên.

**2. Năng lực**

***- Năng lực riêng:***

+ Tính được giá trị của một lũy thừa.

+ Thực hiện phép nhân, phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Tài liệu giảng dạy; SGK; SBT; Giáo án PPT, bảng phụ vẽ sẵn bảng **bài 1** (SGK-tr18)

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; SBT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu**

**+** Giúp HS có hứng thú với nội dung bài học.

+ Hình dung được kiến thức tìm hiểu trong bài.

**b. Nội dung:** HS quan sát trên màn chiếu hoặc SGK hoàn thành yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide và yêu cầu HS nhắc lại “diện tích hình vuông”; “diện tích hình lập phương” biết cạnh của mỗi hình là a.

- GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát, trao đổi, nhớ lại kiến thức và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó đặt vấm đề, dẫn dắt HS vào bài học mới: “ Diện tích hình vuông là : a. a = a2 ; Diện tích hình lập phương là: a.a.a = a3. Vậy an =? ” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Lũy thừa**

**a. Mục tiêu:**

- Nhằm làm cho HS thấy có nhu cầu phải tính những tích của nhiều thừa số bằng nhau.

- Nhận biết được biểu thức lũy thừa, cơ số, số mũ, biết cách đọc lũy thừa từ đó biết cách tính lũy thừa bậc n.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc hiểu nội dung đầu mục.  - GV giảng, phân tích cho HS hiểu và yêu cầu HS lấy VD tương tự:  “Ta đã biết cách viết gọn tổng của nhiều số hạng bằng nhau thành phép nhân, chẳng hạn:  6 + 6 + 6 + 6 = 6 . 4  Đối với tích của nhiều thừa số bằng nhau: 6. 6. 6 = 64.  Ta gọi 64 là một lũy thừa.”  - GV yêu cầu HS hoàn thành **HĐKP1.**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung mục này trong SGK và đánh giá kết quả dực trên các câu hỏi, hoạt động sau:  + *an nghĩa là gì?*  *+ a bình phương là gì?*  *+ a lập phương là gì?*  - GV yêu cầu 1 vài HS đọc lại nội dung kiến thức trọng tâm.  - GV lưu ý HS phần quy ước và cách đọc.  - GV phân tích Ví dụ 1 cho HS nắm được các thành phần trong lũy thừa và yêu cầu HS lấy Ví dụ tương tự.  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **Thực hành 1**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chữa lại đáp án, lưu ý HS kiến thức trọng tâm cần nhớ và đánh giá quá trình học. | **1**. **Lũy thừa**  Ví dụ: 10.10.10.10.10.10 = 106  **HĐKP1:**  a) 5 . 5 . 5 = 53  b) 7 . 7. 7. 7. 7. 7 = 76  **Lũy thừa bậc n** của a kí hiệu an, là tích của n thừa số a:  **an =**  ( n  N\*)  n thừa số  an đọc là “ a mũ n” hoặc “ a lũy thừa n”  trong đó : a là cơ số.  n là số mũ.  => Phép nâng nhiều thừa số bằng nhau gọi là **phép nâng lũy thừa.**  ***\* Chú ý***: Ta có a1 = a.  a2 cũng được gọi là bình phương ( hay bình phương của a).  a3 cũng được gọi là lập phương (hay lập phương của a).  VD:  93 đọc là “ chín mũ ba” hoặc “chín lũy thừa ba” hoặc “lũy thừa bậc ba của 9” hoặc “lập phương của 9”.  93 = 9.9.9 = 729  **Thực hành 1:**  a) 3 . 3 . 3 = 33 = 27      6 . 6 . 6 . 6 = 64 = 1296  b) 32 còn gọi là 3 mũ 2 hay lũy thừa bậc 2 của 3      53 còn gọi là 5 mũ 3 hay lũy thừa bậc 3 của 5  c) 310 đọc là 3 mũ 10, 3 lũy thừa 10 hay lũy thừa bậc 10 của 3  => 310 thì 3 là cơ số, 10 là số mũ.      1105 đọc là 10 mũ 5, 10 lũy thừa 5 hay lũy thừa bậc 5 của 10  => 105 thì 10 là cơ số, 5 là số mũ. |

**Hoạt động 2: Nhân hai lũy thừa cùng cơ số**

**a. Mục đích:**

**+** HS khám phá và vận dụng quy tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành **HĐKP2.**  - Từ **HĐKP2,** GV dẫn dắt khái quát hóa thành quy tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số:  ***Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng số mũ:***  **am.an= am+n**  -GV lấy ví dụ bằng cách phân tích *Ví dụ 2* .  - GV cho 1 vài HS đọc lại quy tắc.  - GV yêu cầu HS áp dụng quy tắc làm bài **Thực hành 2.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -HS giơ tay phát biểu tại chỗ, trình bày bảng, các HS khác chú ý và nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án, lưu ý HS và cho HS nhắc lại quy tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số. | **2. Nhân hai lũy thừa cùng cơ số**  **HĐKP2:**  a) 3 . 33 = 3.3.3.3 = 34  b) 22 . 24 = 2.2.2.2.2.2 = 26  **\* Quy tắc:**  ***Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng số mũ:***  **am.an= am+n**  **Thực hành 2:**  33 . 34 = 33+4 = 37  104 . 33 = 104+3 = 107  x2 . x5 = x2+5 = x7 |

**Hoạt động 3: Chia hai lũy thừa cùng cơ số**

**a. Mục tiêu:**

+ HS khám phá và vận dụng quy tắc chia hai lũy thừa cùng cơ số.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc, tìm hiểu và hoàn **HĐKP3.**  - Từ **HĐKP3,** GV dẫn dắt khái quát hóa thành quy tắc chia hai lũy thừa cùng cơ số:  ***Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và trừ số mũ:***  **am.an= am+n** ( a 0; m  n)  -GV lấy ví dụ bằng cách phân tích *Ví dụ 3* .  - GV cho 1 vài HS đọc lại quy tắc.  - GV yêu cầu HS áp dụng quy tắc làm bài **Thực hành 3.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và nêu lại quy tắc chia hai lũy thừa cùng cơ số. | **3. Chia hai lũy thừa cùng cơ số**  **HĐKP3:**  a) Có: 55. 52 = 57  => 57 : 52 = 55 và 57 : 55 = 52  b)Nhận xét: Số mũ của thương bằng hiệu của số mũ số bị chia và số mũ của số chia.  Từ đó ta tính:      79 : 72 = 79−2 = 77      65 : 63 = 65−3= 62  **\* Quy tắc:**  ***Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và trừ số mũ:***  **am.an= am+n** ( a 0; m  n)  Quy ước: a0 = 1 (a 0).  **Thực hành 3:**  117 : 113= 117-3 = 114      117 : 117= 117-7 = 110= 1      72 . 74 = 72+4 = 76      72 . 74: 73 = 72+4-3= 73  b) 97 : 92 = 95 => **Đúng.**      710 : 72 = 75=> **Sai.**  ( 710 : 72 = 710-2 = 78.)      211 : 28 = 6=> **Sai.**  (211 : 28= 211-8 = 23= 8)      56 : 56 = 5 => **Sai.**  (56 : 56= 1.) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV treo bảng phụ và yêu cầu HS hoàn thành bài tập 1.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, lên bảng.*

**Bài 1 :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** |
| 37.33 | 517 |
| 59 : 57 | 23 |
| 211: 28 | 310 |
| 512.55 | 52 |

- *GV yêu cầu HS hoàn thành Bài 2.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, 2 HS lên bảng trình bày.*

**Bài 2:**

a) 57 . 55 = 57+5 = 512.

   95 : 80 =95 : 1 = 95.

   210 : 64 . 16 = 210 : 26 . 24= 210-6+4= 28.

b) 54 297 = 5 . 10000 + 4 . 1000 + 2 . 100 + 9 . 10 + 7

                = 5 . 104 = 4 . 103 + 2 . 102 + 9 . 10 + 7

     2 023 = 2 . 1000 + 0. 100 + 2 . 10 + 3

               = 2 . 103 + 2 . 10 + 3

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố và khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức dã học,vận dụng làm bài tập*.*

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 3+ 4*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, 3 HS trình bày bảng*

**Bài 3: Giải:**

Viết dân số của Việt Nam dưới dạng tích của một số với một lũy thừa của 10 như sau:

98 000 000 = 98. 1 000 000 = 98 . 106

**Bài 4: Giải:**

a) Khối lượng của Trái Đất = 6 . 1021tấn

Khối lượng của Mặt Trăng = 75 . 1018 tấn

b) Khối lượng Trái Đất gấp khối lượng Mặt Trăng:

(6 . 1021) : (75 . 1018) = 6 000. 1018 : 75.1018 = 80 (lần)

*- HS nhận xét, bổ sung.*

*- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Ghi nhớ các quy nhân chia hai lũy thừa cùng cơ số.

- Làm các bài tập 4 (SBT-tr14)

BSH:- Chuẩn bị bài mới “ **Thứ tự thực hiện các phép tính**”

Ngày soạn:18/9/2024

Ngày dạy: 20/9; 23/9/2024

# TIẾT 8+9- BÀI 5. THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH.

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

- Biết thực hiện đúng thứ tự các phép tính trong một biểu thức.

- Biết sử dụng máy tính cầm tay tính giá trị của biểu thức.

**2. Năng lực**

***- Năng lực riêng:***

**+** Tính được giá trị biểu thức số, biểu thức chữ bằng cách vận dụng các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.

+ Lập được biểu thức tính kết quả của một số bài toán thực tiễn quen thuộc.

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Tài liệu giảng dạy; SGK; Giáo án PPT, máy tính xách tay có cài sẵn phần mềm giả lập máy tính Casio fx – 570 VN PLUS, máy chiếu.

**2 – HS**: Đồ dùng học tập; SGK; SBT; máy tính cầm tay.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu**

**+** Gây chú ý để HS quan tâm tới thứ tự thực hiện các phép tính.

**b. Nội dung:** HS quan sát trên màn chiếu hoặc SGK hoàn thành yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Nhận biết được kiến thức chuẩn bị tìm hiểu trong bài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS thực hiện phép tính:

**6 – ( 6 : 3 + 1) . 2**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện tính theo suy nghĩ cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV hỏi đáp nhanh đáp án của tất cả HS và gọi 1 vài HS nếu cách thực hiện phép tính.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó đặt vấn đề, dẫn dắt HS vào bài học mới: “ Muốn biết kết quả của bạn nào đúng, bạn nào sai. Tại sao bạn này đúng? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Thứ tự thực hiện phép tính**

**a. Mục tiêu:**

+ Nhớ lại và nhận biết được một đối tượng đã cho có phải là biểu thức hay không.

+ Nhận biết và nắm được hệ thống các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.

+ Kiểm tra khả năng nhận biết các kiến thức và vận dụng vào đời sống.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS nhớ và nhắc lại về biểu thức.  - GV chốt lại khái niệm biểu thức một cách ngắn gọn: *Gồm các phép toán cộng, trừ, nhân, chia và nâng lên lũy thừa của các con số hoặc chữ.*  ( GV không bắt HS học thuộc mà chỉ cần HS nhận biết được đối tượng cụ thể cho có phải là biểu thức không)  - GV yêu cầu HS suy nghĩ và hoàn thành **HĐKP.**  - GV dẫn dắt, yêu cầu HS đọc hiểu quy ước về thực hiện các phép tính trong một biểu thức .  - GV phân tích và lấy Ví dụ cho HS dễ hình dung (GV vừa giảng vừa bao quát lớp bảo đảm 100% ghi chép đầy đủ, chính xác):   * Đối với biểu thức có dấu ngoặc   Nếu chỉ có phép cộng và phép trừ ( hoặc chỉ có phép nhân và phép chia) thì thực hiên các phép tính từ trái qua phải, chẳng hạn:   * 52 – 8 + 11 = 44 + 11 = 55 * 60 : 10 × 5 = 30   Nếu có phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa thì ta thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa trước, rồi đến nhân chia, cuối cùng đến cộng và trừ, chẳng hạn:   * 10 + 2 . 42 = 10 + 2. 16   = 10 + 32 = 42   * Đối với biểu thức không có dấu ngoặc:   Nếu chỉ có một dấu ngoặc thì ta thực hiện phép tính trong dấu ngoặc trước. Chẳng hạn:   * ( 10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3   Nếu có các dấu ngoặc tròn **( )** , dấu ngoặc vuông **[ ]**, dấu ngoặc nhọn **{ }** thì ta thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc tròn trước, rồi thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc vuông, cuối cùng thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc nhọn. Chẳng hạn:   * {15 + 2.[8-(5-3)]} : 9   = 15 + 2.[8-2]} : 9  = {15 + 2.6} : 9  = {15+12} :9  = 27 : 9 = 3  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 1 được trình bày trong SGK – tr19.  - GV yêu cầu HS áp dụng quy tắc để hoàn thành **Thực hành 1** ( 2 HS lên bảng trình bày).  - GV cho HS trao đổi, thảo luận nhóm hoàn thành **Thực hành 2**( 2 HS lên bảng trình bày).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - HS giơ tay, trình bày bảng, cácHS khác hoàn thành vở.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chữa lại đáp án, cho 1 vài HS nêu lại thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức và đánh giá quá trình học của HS. | **1**. **Thứ tự thực hiện phép tính**  **HĐKP:**  Có các kết quả khác nhau đó vì:  + An có kết quả bằng 0 vì An thực hiện lần lượt các phép tính từ trái sang phải (sai thứ tự các phép tính):  **6 – 6 : 3 . 2 = 0 : 3. 2 = 0**  + Bình có kết quả bằng 2 vì Bình thực hiện đúng theo quy tắc nhân chia trước, cộng trừ sau:  **6 – 6 : 3 . 2 = 6 – 2. 2 = 6 - 4 = 2**  + Chi có kết quả bằng 5 vì Chi thực hiện 3.2 trước ( sai thứ tự phép tính):  **6 – 6 : 3 . 2 = 6 – 6 : 6= 6 -1 = 5**  **\* Khi thực hiện các phép tính trong một biểu thức:**  **-** Với các biểu thức không có dấu ngoặc: **Lũy thừa****Nhân và chia****Cộng và trừ**  **VD:**   * 52 – 8 + 11 = 44 + 11 = 55 * 60 : 10 × 5 = 30 * 10 + 2 . 42 = 10 + 2. 16   = 10 + 32 = 42  - Với các biểu thức có dấu ngoặc: trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau:  **( )**  **[ ]**  **{ }**  **VD:**   * ( 10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3 * {15 + 2.[8-(5-3)]} : 9   = 15 + 2.[8-2]} : 9  = {15 + 2.6} : 9  = {15+12} :9  = 27 : 9 = 3  **Thực hành 1:**  a) 72 . 19 - 362 : 18 = 1368 – 72 = 1296.  b) 750 : {130 – [(5 . 14 – 65)3 + 3]}  = 750 : {130 – [(70 – 65)3 + 3]}  = 750 : {130 – [(5)3 + 3]}  = 750 : (130 – 128)  = 750 : 2  = 375  **Thực hành 2:**  a) (13x- 122) : 5 = 5  13x- 122 = 25  13x = 25 + 122  13x = 25 + 144  13x = 169  x = 169 : 13  => x = 13  b) 3x [82 - 2.(25 - 1)] = 2 022  3x = 2 022: [82 - 2 . (25 - 1)]  3x = 2 022 : [ 64 – 2.31]  3x = 2 022 : 2  x = 1 011 : 3  => x = 337 |

**Hoạt động 2: Sử dụng máy tính cầm tay**

**a. Mục đích:**

- HS biết chức năng và sử dụng một số phím chức năng chính của máy tính: Mở (tắt) máy; Xóa màn hình ; Chọn chế độ tính toán số học ; Nhận kết quả.

- HS biết thực hiện các phép tính số học cơ bản : Cộng, trừ, nhân, chia hai số tự nhiên ; Lũy thừa của một số tự nhiên ; Bình phương ; Lập phương ; Tìm thương ( và dư, nếu có).

- HS biết nhập biểu thức tính toán ( có dấu ngoặc) : biểu thức hiện trên màn hình giống như sách, vở.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV giới thiệu: Có rất nhiều loại MTCT. Em hãy nêu 1 số loại máy tính cầm tay mà em biết.  - Sau khi HS trả lời, GV chiếu Slide và giới thiệu 1 số loại máy tính cầm tay.  - GV dẫn dắt: “Trên thị trường có rất nhiều loại máy tính cầm tay khác nhau, chúng ta sẽ tìm hiểu các tính năng trên của máy Casio fx 570VN PLUS, một loại máy tính cầm tay khá phổ biến.”  - GV chiếu Slide “Bản giả lập Máy tính fx 500 VN PLUS” và giới thiệu một số phím chức năng chính của MTCT ( HS nghe và thực hành theo):    + Nút mở máy:  + Nút tắt máy:  + Các nút số từ 0 đến 9.  + Nút dấu cộng, dấu trừ, dấu nhân, dấu chia.  + Nút dấu “=” cho phép hiện ra kết quả trên màn hình số.  + Nút xóa:  + Nút xóa toàn bộ phép tính vừa thực hiện:  + Nút dấu ngoặc trái và phải:  + Nút tính lũy thừa:  - GV yêu cầu HS đọc hiểu và thực hiện theo *Ví dụ 2.*  - GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức hoàn thành **Thực hành 3.**  - GV lưu ý cho HS :  *Khi nhập phép nhân một số với tổng, trước dấu ngoặc không cần bấm phím* .  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -HS giơ tay phát biểu tại chỗ, trình bày bảng, các HS khác chú ý và nhận xét, bổ sung.  - Đối với bài **Thực hành 3**, HS lên thực hiện thao tác trên bản gải lập máy tính cho cả lớp cùng theo dõi và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án, lưu ý HS và cho HS nhắc lại quy tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số. | **2. Sử dụng máy tính cầm tay**  **Thực hành 3:**  a) 93. ( 4327 – 1928) + 2500  - Nút ấn:  -Kết quả:    b) 53. (64.19 + 26.35) – 210  - Nút ấn:  - Kết quả: |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành Bài 1+ 2.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, mỗi bài 2 HS lên bảng trình bày.*

**Bài 1:**

a) 2 023 + 252: 53 + 27

= 2 023 + (5 . 5)2 : 53+ 27

= 2 023 + 52 . 2 : 53+ 27

= 2 023 + 5 + 27

= 2 055

b) 60 : [7 . (112 - 20 . 6) + 5]

= 60 : [7 . (112 - 20 . 6) + 5]

= 60 : [7 . (121 - 20 . 6) + 5]

= 60 : [7 . (121 - 120) + 5]

= 60 : (7 . 1 + 5)

= 60 : 12

= 5

**Bài 2:**

a) (9x + 23) : 5 = 2

9x + 23 = 2 . 5

9x + 23 = 10

9x = 10 - 23

9x = 10 – 8

9x = 2

=> x = 

b) [34 - (82 + 14) : 13]x = 53 + 102

[34 - (82 + 14) : 13]x =225

x = 225 : [34 - (82 + 14) : 13]

x = 225 : (34 - 78 : 13)

x = 225 : (34 - 6)

x = 225 : 75

=> x = 3

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố và khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 3+ 4*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở ( 2 HS lên thực hiện trên bản giả lập máy tính bài 3, 1HS lên bảng trình bày bài 4)*

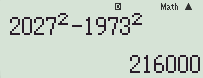
**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bài 3:**

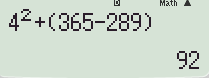
a) 20272 – 19732

- Nút ấn: 

- Kết quả: 

b) 42 + (365 – 289) . 71

- Nút ấn: 

- Kết quả: 

**Bài 4: Giải:**

Tổng số tiền mua văn phòng phẩm của cơ quan là:

35 . 10 + 67 . 5 + 100 . 5 + 35 . 7 + 35 . 5 = 1 605 (nghìn đồng).

Đáp án: 1 605 nghìn đồng.

*- HS nhận xét, bổ sung.*

*- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Ghi nhớ thứ tự thực hiện các phép tính.

- Làm các bài tập 1+ 3 (SBT-tr17).

BSH:- Chuẩn bị bài mới “ **Chia hết và chia có dư. Tính chất chia hết của một tổng.**”

Ngày soạn:24/9/2024

Ngày dạy: 27-28/9/2024

# TIẾT 10+11 – BÀI 6: CHIA HẾT VÀ CHIA CÓ DƯ. TÍNH CHẤT CHIA HẾT CỦA MỘT TỔNG

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết: + Phép chia hết, phép chia có dư trong tập hợp số tự nhiên.

+ Tính chia hết của một tổng .

- Hiểu và biết cách sử dụng các kí hiệu ” , “”

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Vận dụng được tính chất chia hết của một tổng để giải bài toán và giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, giáo án.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; Ôn lại phép chia hết, phép chia có dư.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt tình huống: “Có thể chia đều 7 quyển vở cho 3 bạn được không?”.

+ GV cho HS suy nghĩ và thực hành chia cho cả lớp cùng quan sát.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý lắng nghe , trao đổi và dự đoán trả lời

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để biết ta có thể chia đều số vở đó cho 3 bạn được không? Tại sao? Cách chia như thế nào? Ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Chia hết và chia có dư**

**a) Mục tiêu:**

+ Hình thành khái niệm chia hết và biết sử dụng kí hiệu “” ; “****”

+ Biết cách xác định quan hệ chia hết, chia có dư trong trường hợp đã cho.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc đề **HĐKP1,** suy nghĩ và hoàn thành**.**  - GV gợi ý HS thực hiện phép chia 15 : 3 và 7 : 3.  - GV dẫn dắt để HS rút ra nhận xét như trong SGK.  - GV phân tích cho HS hiểu rõ và yêu cầu HS đọc hiểu kiến thức trọng tâm trình bày trong SGK.  - GV nhấn mạnh lại kiến thức trọng tâm và lưu ý HS : Số dư phải nhỏ hơn số chia. ( 0  r < b).  - Gv yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi **Thực hành 1**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính. | **1. Chia hết và chia có dư**  **HĐKP1:**  - Vì 15 3 => Có thể chia đều 15 quyển vở cho 3 bạn. Mỗi bạn được 5 quyển vở.  - Vì 7 : 3 = 2 dư 1 => 7  3 => Không thể chia đều 7 quyển vở cho 3 bạn.  \* **Kiến thức trọng tâm:**  Cho a, b   ( b 0). Ta luôn tìm được đúng hai số q, r   : a = b.q + r ( 0  r < b) ( q, r lần lượt là **thương** và **số dư** trong phép chia a cho b.)  + Nếu r = 0 tức a = b . q, ta nói a chia hết cho b, kí hiệu **a**  **b** và ta có phép chia hết a : b = q.  + Nếu r ≠ 0, ta nói a không chia hết cho b, kí hiệu a  b và ta có phép chia có dư.  **Thực hành 1:**  a) 255 : 3 = 85 ( dư 0)  157 : 3 = 52 dư 1.  5105 : 3 = 1701 dư 2.  b)  Ta có 17 = 4 . 4 + 1  Ta thấy 17 bạn vào cho 4 xe taxi sẽ dư ra 1 người.  Vậy không thể sắp xếp cho 17 bạn vào 4 xe taxi. |

**Hoạt động 2: Tính chất chia hết của một tổng**

**a) Mục tiêu:**

+ HS hình thành tính chất chia hết của một tổng.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK, chú ý lắng nghe và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** Hs nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi **HĐKP2.**  - GV cho HS rút ra nhận xét, GV khái quát thành *Tích chất 1* và cho HS ghivào vở.  - GV phân tích cho HS *Ví dụ 1* để HS hiểu và nắm được cách trình bày.  - GV lưu ý cho HS:  + *Tính chất 1* cũng đúng với một hiệu: (a  b)  **Nếu a**  **n và b**  **n thì ( a-b)**  **n.**  + *Tính chất 1* có thể mở rộng cho một tổng có nhiều số hạng:  **Nếu a**  **n và b**  **n, c**  **n thì ( a+b+c)**  **n.**  **Trong một tổng, nếu mọi số hạng đều chia hết cho cùng một số thì tổng cũng chia hết cho số đó.**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi hoàn thành **HĐKP3.**  - GV cho HS rút ra nhận xét, GV khái quát thành *Tích chất 2* và cho HS ghivào vở.  - GV lưu ý cho HS:  + *Tính chất 2* cũng đúng với một hiệu (a > b)  **Nếu a** ⋮̸ **n và b**  **n thì ( a-b)** ⋮̸ **n.**  **Nếu a**  **n và b** ⋮̸ **n thì ( a-b)** ⋮̸ **n.**  + *Tính chất 2* có thể mở rộng cho một tổng nhiều số hạng:  **Nếu a** ⋮̸ **n, b**  **n, c**  **n thì ( a + b + c)** ⋮̸ **n.**  **Nếu trong một tổng chỉ có đúng một số hạng không chia hết cho một số, các số hạng còn lại đều chia hết cho số đó thì tổng không chia hết cho số đó.**  - GV phân tích cho HS *Ví dụ 2* để HS hiểu rõ lưu ý.  - GV yêu cầu HS hoạt động, suy nghĩ và thảo luận nhóm hoàn thành **Thực hành 2.**  - GV yêu cầu HS hoàn thành **Vận dụng.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2. Tính chất chia hết của một tổng.**  **HĐKP2:**  - Hai số chia hết cho 11 là: 22 và 33.  Ta có 22 + 33 = 55 ⋮ 11  - Hai số chia hết cho 13 là: 26 và 39  Ta có 26 + 39 = 65 ⋮ 13  *Tính chất 1:*  **Cho a, b, n** **, n**  **0. Nếu a**  **n và b**  **n thì ( a+b)**  **n.**  **\* Nhận xét:**  - *Tính chất 1* cũng đúng với một hiệu: (a  b)  **Nếu a**  **n và b**  **n thì ( a-b)**  **n.**  - *Tính chất 1* có thể mở rộng cho một tổng có nhiều số hạng:  **Nếu a**  **n và b**  **n, c**  **n thì ( a+b+c)**  **n.**  **Trong một tổng, nếu mọi số hạng đều chia hết cho cùng một số thì tổng cũng chia hết cho số đó.**  **HĐKP3:**  - Vì 12  6 và 10 ⋮̸ 6  => 12 + 10 = 22 ⋮̸ 6  12 – 10 = 2 ⋮̸ 7  - Vì 14  7 và 9 ⋮̸ 7  => 14 + 9 = 23 ⋮̸ 7  14 – 9 = 5 ⋮̸ 7  *Tính chất 2:*  **Cho a, b, n** **, n**  **0. Nếu a** ⋮̸ **n và b**  **n thì ( a+b)** ⋮̸ **n.**  **\* Nhận xét:**  + *Tính chất 2* cũng đúng với một hiệu (a > b)  **Nếu a** ⋮̸ **n và b**  **n thì ( a-b)** ⋮̸ **n.**  **Nếu a**  **n và b** ⋮̸ **n thì ( a-b)** ⋮̸ **n.**  + *Tính chất 2* có thể mở rộng cho một tổng nhiều số hạng:  **Nếu a** ⋮̸ **n, b**  **n, c**  **n thì ( a + b + c)** ⋮̸ **n.**  **Nếu trong một tổng chỉ có đúng một số hạng không chia hết cho một số, các số hạng còn lại đều chia hết cho số đó thì tổng không chia hết cho số đó.**  **Thực hành 2:**  a) + Vì 1200 ⋮ 4 và 440 ⋮ 4  => 1200 + 440 ⋮ 4.  + Vì 440 ⋮ 4 và 324 ⋮ 4  => 440 – 324 ⋮ 4.  + Vì 2 . 3 . 4 . 6 ⋮ 4 và 27 ⋮̸ 4  => 2 . 3 . 4 . 6 ⋮̸ 4.  b) Có: 13 ⋮̸ 5 và 17 ⋮̸ 5 nhưng 13 + 17 = 30 ⋮ 5.  **Vận dụng:**  A = 12 + 14 + 16 + x  Ta có: 12 ⋮ 2, 14 ⋮ 2 và 16 ⋮ 2  Nên x ⋮ 2 thì A ⋮ 2          x ⋮̸ 2 thì A ⋮̸ 2. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **Bài 1 + 2 + 3**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**Bài 1:**

a ) **Đúng.**Vì 1560 ⋮ 15 và 390 ⋮ 15 nên 1560 + 390 ⋮ 15.

b) **Đúng.**Vì 456 ⋮̸ 10 và 555 ⋮̸ 10 nên 456 + 555 ⋮̸ 10.

c) **Sai.**Vì 77 ⋮ 7 và 49 ⋮ 7 nên 77 + 49 ⋮ 7.

d)**Đúng.**Vì 6 624 ⋮ 6 và 1 806 ⋮ 6 nên 6 624 – 1 806 ⋮ 6.

**Bài 2:**

a) 144 = 3 . 48 => 144 : 3 là phép chia hết.

b) 144 = 13 . 11 + 1 => 144 chia 13 dư 1.

c) 144 = 30 . 4 + 24 => 144 chia 30 dư 24.

**Bài 3:**

a) Ta có: 1 298 = 354 . 3 + 236

Vậy: q = 3 và r = 236.

b) Ta có: 40 685 = 985 . 41 + 300

Vậy: q = 41 và r = 300.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 4**

**Bài 4:**

Tổng số quyển sách lớp 6A thu được là : 36 + 40 + 15 = 91 quyển.

Ta có: 91 = 4 . 22 + 3 nên 91 ***không chia hết cho 4***.

Vì vậy không thể chia được số sách đã thu được thành 4 nhóm với số lượng quyền bằng nhau.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Làm BT 1 + 5 (SBT – tr 19)

BSH:- Chuẩn bị bài mới “**Dấu hiệu chia hết cho 2, 5**”

Ngày soạn: 28/9/2024

Ngày dạy: 30/9; 4/10/2024

# TIẾT 12+13 - BÀI 7: DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2, CHO 5

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Phát biểu được dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5.

- Nhận biết một số chia hết cho 2 và 5.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Vận dụng được các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 trong giải quyết vấn đề toán học và trong thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, giáo án.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; Ôn tập về phép chia hết và phép chia có dư.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt vấn đề qua bài toán: “Tìm số dư của phép chia 71 001 cho 2 và cho 5?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành bài toán ra nháp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Làm thế nào để biết một số có chia hết cho 2, cho 5 hay không mà không cần thực hiện phép chia. Để biết được đó là cách nào?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Dấu hiệu chia hết cho 2.**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 2 .

+ Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành **HĐKP1.**  - GV nhận xét, rút ra **Dấu hiệu chia hết cho 2.**  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu **Dấu hiệu chia hết cho 2.**  - GV cho HS đọc hiểu *Ví dụ 1* để hình dung cách trình bày.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 1**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 2 . | **1. Dấu hiệu chia hết cho 2.**  **HĐKP1:**  Các đội A, B, C, H, I có tổng số người là số chẵn nên chia hết cho 2.  Vì vậy, trong các đội thì các đội có thể xếp được thành hai hàng có số người bằng nhau là đội **A, B, C, H, I.**  **Dấu hiệu chia hết cho 2:**  Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 (tức chữ số chẵn) thì **chia hết cho 2** và chỉ những số đó mới chia hết cho 2.  **Thực hành 1:**  a) Các số lớn hơn 1000 và chia hết cho 2 là các số chẵn và lớn hơn 1000.  Ví dụ: 1002, 1256  b) Các số lớn hơn 100 và không chia hết cho 2 là các số lẻ và lớn hơn 1000.  Ví dụ: 103, 159 |

**Hoạt động 2: Dấu hiệu chia hết cho 5.**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 5.

+ Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV nhận xét, rút ra **Dấu hiệu chia hết cho 5.**  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu **Dấu hiệu chia hết cho 5.**  - GV cho HS đọc hiểu *Ví dụ 2* để hình dung cách trình bày.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 2**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 5 . | **2. Dấu hiệu chia hết cho 5.**  **HĐKP2:**  Các số chia hết cho 5 là: 10, 15, 25, 95.  Chữ số tận cùng của các số chia hết cho 5 là 0 và 5.  **Dấu hiệu chia hết cho 5:**  Các số có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 thì chia hết cho 5 thì **chia hết cho 5** và chỉ những số đó mới chia hết cho 5.  **Thực hành 2:**  a) Thay dấu \* bởi các chữ số 0, 2, 4, 6, 8 thì  chia hết cho 2.  b) Thay dấu \* bởi các chữ số 0, 5 thì  chia hết cho 5.  c) Thay dấu \* bởi chữ số 0 thì   chia hết cho cả 2 và 5. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **Bài 1 + 2 (***SGK – tr25)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**Bài 1 :**

a) Số chia hết cho 2 là 1010. Bởi vì 1 010 có chữ số tận cùng là 0.

b) Số chia hết cho 5 là 19 445. Bởi vì 19 445 có chữ số tận cùng là 5.

c) Số chia hết cho 10 là 1 010. Bởi vì 19 445 có chữ số tận cùng là 0.

**Bài 2:**

a) 146 +  550 chia hết cho 2. Vì 146 ⋮ 2 và 550 ⋮ 2 nên 146 +  550 ⋮ 2.

b) 575 – 40 chia hết cho 5. Vì 575 ⋮ 5 và 40 ⋮ 5 nên 575 – 40 ⋮ 5

c) 3 . 4 . 5 + 83 không chia hết cho 2, không chia hết cho 5

d) 7 . 5 . 6 – 35 . 4 chia hết cho 2 và chia hết cho 5.

Vì 7 . 5 . 6 ⋮ 2 và 35 . 4 ⋮ 2 nên 7 . 5 . 6 – 35 . 4 ⋮ 2.

Vì 7 . 5 . 6 ⋮ 5 và 35 . 4 ⋮ 5 nên 7 . 5 . 6 – 35 . 4 ⋮ 5.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 3 + 4 .**

**Bài 3:**

a) Ta có: 35 ⋮ 5

               40 ⋮ 5

=> Lớp 6A và 6D có thể chia thành 5 tổ có cùng số tổ viên.

b) Ta có: 36 ⋮ 2

               40 ⋮ 2

=> Lớp 6B và 6D có thể chia tất cả các bạn thành các đôi bạn học tập.

**Bài 4:**

Ta có: 19 ⋮̸ 5 và 40 ⋮ 5 nên 19 + 40 ⋮̸ 5.

Vì vậy Bà Huệ không thể chia số quả xoài và quýt thành 5 phần bằng nhau.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Ghi nhớ và ôn lại Các dấu hiệu chia hết cho 2 và 5.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm thêm **Bài 2 + 4 – tr21**

BSH:- Chuẩn bị bài mới “**Dấu hiệu chia hết cho 3 và 9**”.

Ngày soạn:2/10/2024

Ngày dạy:4- 7/10/2024

# TIẾT 14+15 - BÀI 8: DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3, CHO 9

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Phát biểu được dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9.

- Nhận biết một số chia hết cho 3 và 9.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Vận dụng được các dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 trong giải quyết vấn đề toán học và trong tình huống thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, SGK, tài liệu giáo án.

**2 - HS** : SGK, đồ dùng học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt vấn đề qua bài toán: “Tìm số dư của phép chia 27 009 cho 3 và cho 9?”.

+ GV hỏi thêm: “Một số chia hết cho 3 thì có chia hết cho 9 không?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành bài toán ra nháp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Làm thế nào để biết một số có chia hết cho 3, cho 9 hay không mà không cần thực hiện phép chia. Và một số chia hết cho 3 có chia hết cho 9 không?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Dấu hiệu chia hết cho 9.**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 9.

+ Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc hiểu **HĐKP1**, trao đổi, thảo luận hoàn thành **HĐKP1.**  - GV chốt lại đáp án: Khẳng định của bạn An hợp lí và có thể làm tương tự cho các số khác.  - GV nhận xét, rút ra **Dấu hiệu chia hết cho 9.**  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu **Dấu hiệu chia hết cho 9.**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 1**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 9 . | **1. Dấu hiệu chia hết cho 9.**  **HĐKP1:**  Khẳng định của An là đúng. Vì mọi số đều viết được dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 9.  *Nhận xét:* Mọi số đều viết dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 9.  **Dấu hiệu chia hết cho 9:**  Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì **chia hết cho 9** và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.  **Thực hành 1:**  **a)** 245 có 2 + 4 + 5 = 11 ⋮̸ 9 nên 245 ⋮̸ 9      9 087 có 9 + 0 + 8 + 7 = 24 ⋮̸ 9 nên 9 087 ⋮̸ 9      398 có 3 + 9 + 6 = 18 ⋮ 9 nên 398 ⋮ 9      531 có 5 + 3 + 1 = 9 ⋮ 9 nên 531 ⋮ 9  Vậy các số 398, 531 chia hết cho 9.  **b)** Hai số chia hết cho 9 là 936, 18       Hai số không chia hết cho 9 là 987, 192. |

**Hoạt động 2: Dấu hiệu chia hết cho 3.**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 3.

+ Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dẫn dắt, phân tích cho HS đọc hiểu nội dung trong SGK rồi rút ra nhận xét.  - GV cho HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV nhận xét, rút ra **Dấu hiệu chia hết cho 3.**  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu **Dấu hiệu chia hết cho 3.**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 2**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 3 . | **2. Dấu hiệu chia hết cho 3.**  **HĐKP2:**  315 = 3 . 100 + 1 . 10 + 5         = 3.(99 + 1) + 1.(9 + 1) + 5         = 3.99 + 3 + 9 + 1 + 5         = (3 +1+5) + (3.3.11 + 3) . 3  418 = 4 . 100 + 1 . 10 + 8         = 4 . (99 + 1) + 1 . (9 + 1) + 8         = 4 . 99 + 4 + 9 + 1 + 8         = (4 +1+8) + (4 .3 .11 + 3) . 3  **Dấu hiệu chia hết cho 3:**  Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3.  **Thực hành 2:**  Trong hai số 315 và 418 thì số 315 chia hết cho 3.  Vì số 315 có 3 + 1 +5 = 9 chia hết cho 3. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **Bài 1 + 2 (***SGK – tr27)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**Bài 1 :**

**a)** 1 + 1 + 7 = 9 ⋮ 9 nên 117 ⋮ 9

    3 + 4  + 4 + 7 = 18 ⋮ 9 nên 3 447 ⋮ 9

    5 + 0  + 8 + 5 = 18 ⋮ 9 nên 5 085 ⋮ 9

    5 + 3  + 4 = 12  ⋮̸ 9 nên 534  ⋮̸ 9

    1 + 2  + 3 = 6  ⋮̸ 9 nên 123  ⋮̸ 9

**A** = {117, 3 447, 5 085}.

**b)**    5 + 3  + 4 = 12 ⋮ 3 nhưng 12  ⋮̸ 9 nên 534 ⋮ 3 và 534  ⋮̸ 9.

       1 + 2  + 3 = 6 ⋮ 3 nhưng 6  ⋮̸ 9 nên 123 ⋮ 3 và 534  ⋮̸ 9.

**B** = {534, 123}.

**Bài 2:**

**a)** 1 + 2 + 0 + 6 = 9

+ 9 ⋮ 3 nên 1 206 ⋮ 3

+ 9 ⋮ 9 nên 1 206 ⋮ 9

    5 + 3 + 0 + 6 = 14

+ 14  ⋮̸ 3 nên 5036  ⋮̸ 3

+ 14  ⋮̸ 9 nên 5036  ⋮̸ 9

- Vì 1 206 ⋮ 3 và 5 306  ⋮̸ 3 nên 1 206 + 5 306  ⋮̸**3.**

- Vì 1 206 ⋮ 9 và 5 306  ⋮̸ 9 nên 1 206 + 5 306 ⋮̸**9.**

**b)** 4 + 3 + 6 = 13

+ 13  ⋮̸ 3 nên 436  ⋮̸ 3

+ 13  ⋮̸ 9 nên 436  ⋮̸ 9

    3 + 2 + 4 = 9

+ 9 ⋮ 3 nên 324 ⋮ 3

+ 9 ⋮ 9 nên 324 ⋮ 9

- Vì 436  ⋮̸ 3 và 324 ⋮ 3 nên 436 – 324  ⋮̸**3.**

- Vì 436  ⋮̸ 9 và 324 ⋮ 9 nên 436 – 324  ⋮̸**9.**

**c)** 2 . 3 . 4 . 6 ⋮ 3

   2 . 3 . 4 . 6 = 2 . 4 . 18 ⋮ 9

   2 + 7 = 9

+ 9 ⋮ 3 nên 27 ⋮ 3

+ 9 ⋮ 9 nên 27 ⋮ 9

- Vì 2 . 3 . 4 . 6 ⋮ 3 và 27 ⋮ 3 nên 2 . 3 . 4 . 6 + 27 ⋮**3.**

- Vì 2 . 3 . 4 . 6 ⋮ 9 và 27 ⋮ 9 nên 2 . 3 . 4 . 6 + 27 ⋮**9.**

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vận dụng :* **Bài 3**

**Bài 3:**

**a)** 2 + 0 + 3 = 5 ⋮̸ 3 => 203 ⋮̸ 3.

    1 + 2 + 7 = 10 ⋮̸ 3 nên 203 ⋮̸ 3.

    9 + 7 = 16 ⋮̸ 3 nên 203 ⋮̸ 3.

    1 + 7 + 3 = 11 ⋮̸ 3 nên 203 ⋮̸ 3.

***=> Không thể chia số bi trong mỗi hộp thành 3 phần bằng nhau được.***

**b)** Tổng số bi là: 203 + 127 + 97+ 173 = 600

Nếu Tuấn rủ thêm 2 bạn cùng chơi thì tổng số người chơi là 3 người.

Ta có: 6 + 0 + 0 = 6 chia hết cho 3 nên số 600 chia hết cho 3 => 600 viên bi chia đều cho 3 người.

***=> Nếu Tuấn rủ thêm 2 bạn cùng chơi bi thì có thể chia đều tổng số bi cho mỗi người.***

**c)** Nếu Tuấn rủ thêm 2 bạn cùng chơi thì tổng số người chơi là 9 người.

Ta có: 6 + 0 + 0 = 6 không chia hết cho 9 nên số 600 không chia hết cho 9 => 600 viên bi không thể chia đều cho 9 người.

***=> Nếu Tuấn rủ thêm 8 bạn cùng chơi bi thì không thể chia đều tổng số bi cho mỗi người.***

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Ghi nhớ và ôn lại Các dấu hiệu chia hết cho 9 và 3.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm thêm **Bài 2 + 4 – tr23**

BSH:- Chuẩn bị bài mới “**Ước và bội**”.

Ngày soạn:4/10/2024

Ngày dạy: 9/10/2024

# TIẾT 16+17 - BÀI 9: ƯỚC VÀ BỘI

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được ước, bội của một số tự nhiên.

- Sử dụng được kí hiệu tập hợp các ước, tập hợp các bội của một số tự nhiên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Tìm được tập hợp các ước, tập hợp các bội của một số tự nhiên cho trước.

+ Vận dụng được kiến thức về bội, ước của một số tự nhiên vào giải quyết một số tình huống thực tiễn đơn giản.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, SGK, tài liệu giáo án.

**2 - HS** : SGK, đồ dùng học tập, giấy A4 ( để cắt 1 số mảnh giấy nhỏ và ghép thành các băng giấy), giấy màu, hồ dán, kéo cắt giấy, tờ bìa.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt vấn đề qua bài toán **HĐKP1:**

a)Lớp 6A có 36 học sinh. Trong một tiết mục đồng diễn thể dục nhịp điệu, lớp xếp thành đội hình gồm những hàng đều nhau. Hãy hoàn thành bảng sau vào vở để tìm các cách mà lớp có thể xếp đội hình:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cách xếp đội hình** | **Số hàng** | **Số học sinh trong một hàng** |
| Thứ nhất | 1 | 36 |
| Thứ hai | 2 | 18 |
| ... | ... | ... |

b) Viết số 36 thành tích của hai số bằng các cách khác nhau.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động nhóm hoàn thành bài toán.

HS đưa ra đáp án:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cách xếp đội hình** | **Số hàng** | **Số học sinh trong một hàng** |
| Thứ nhất | 1 | 36 |
| Thứ hai | 2 | 18 |
| Thứ ba | 3 | 12 |
| Thứ tư | 4 | 9 |
| Thứ năm | 6 | 6 |

b) 36 = 1 . 36

     36 = 2 . 18

     36 = 3 . 12

     36 = 4 . 9

     36 = 6 . 6

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “ 36 chia hết cho các số 1, 2, 3, 4, 6, 9, 12, 18, 36, ta nói 36 là gì của các số đó và mỗi số đó có quan hệ như thế nào với 36?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Ước và bội.**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhận biết được khái niệm ước, bội của một số tự nhiên và kí hiệu.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chữa, phân tích lại cho HS **HĐKP1.** Từ đó dẫn dắt, rút ra khái niệm ước va bội như trong SGK.  - GV yêu cầu 1 vài HS đọc lại khái niệm ước và bội trong mục Kiến thức trọng tâm.  - GV cho HS đọc phần Chú ý trong SGK và khắc sâu cho HS nhớ.  - GV yêu cầu HS áp dụng khái niệm hoàn thành **Thực hành 1**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Khái niệm ước và bội. | **1. Ước và bội**  Nếu số tự nhiên a chia hết cho số tự nhiên b thì ta nói a là **bội** của b, còn b gọi là **ước** của a.  ***Chú ý:***  + Số 0 là bội của tất cả các số tự nhiên khác 0. Số 0 không là ước của bất kì số tự nhiên nào.  + Số 1 chỉ có một ước là 1. Số 1 là ước của mọi số tự nhiên.  + Mọi số tự nhiên a lớn hơn 1 luôn có ít nhất hai ước là 1 và chính nó.  **Thực hành 1:**  **1)** a) 48 là bội của 6      b) 12 là ước của 48      c) 48 là ước/bội của 48      d) 0 là bội của 48  **2)** Ư(6) = {1; 2; 3; 6}.  **3)** Ư(24) = {1;2;3;4;6;8;12;24}.  => Số 24 là bội của 1, 2, 3, 4, 6, 8, 12, 24. |

**Hoạt động 2: Cách tìm ước.**

**a) Mục tiêu:**

Biết cách tìm được tập hợp các ước của một số tự nhiên cho trước.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt, rút ra cách tìm ước của một số a như Kiến thức trọng tâm trong SGK.  - GV phân tích và cho HS đọc hiểu *Ví dụ 2* để HS hiểu và hình dung cách làm.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 2**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính**: Cách tìm Ư (a).** | **2. Cách tìm ước.**  **HĐKP2:**  Số 18 có thể chia hết cho các số 1, 2, 3, 6, 9, 18.  **Cách tìm Ư(a):**  Muốn tìm các ước của số tự nhiên a ( a >1), ta có thể lần lượt chia a cho các số tự nhiên từ 1 đến a để xét xem a chia hết cho những số nào, khi đó các số ấy là ước của a,  **Thực hành 2:**  a) Ư(17) = {1; 17}.  b) Ư(20) = { 1; 2; 4; 5; 10; 20}. |

**Hoạt động 3: Cách tìm bội.**

**a) Mục tiêu:**

Biết cách tìm được tập hợp bội của một số tự nhiên cho trước.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoàn thành **HĐKP3** dưới sự hướng dẫn của GV:  *a)* *Chuẩn bị một số mảnh giấy nhỏ có chiều dài là 3cm. Ghép các mảnh giấy nhỏ đó thành các băng giấy như hình mình họa dưới đây:*    *Hãy tính độ dài của hai băng giấy tiếp theo*  *b) Làm thế nào để tìm được các bội của 3 một cách nhanh chóng?*  - GV dẫn dắt, rút ra cách tìm bội của một số a như Kiến thức trọng tâm trong SGK.  - GV lưu ý cho HS phần ***Chú ý***.  - GV phân tích, HS đọc hiểu Ví dụ 3 để hiểu rõ và hình dung cách làm.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 3**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính**: Cách tìm B(a).** | **3. Cách tìm bội.**  **HĐKP3:**  **a)** – Độ dài của miếng băng tiếp theo là: 3 . 5 = 15 (cm).      – Các số đo dài của các băng giấy là các bội của 3.  **b)** Muốn tìm bội của 3 một cách nhanh chóng, ta nhân 3 lần lượt với 0, 1, 2, 3,…  **Cách tìm B(a):**  Muốn tìm các bội của số tự nhiên a  0, ta có thể nhân a lần lượt với 0, 1, 2, 3, …  ***Chú ý:***  Bội của a có dạng tổng quát là a . k với k  . Ta có thể viết:  B (a) = { a . k | k }  **Thực hành 3:**  **a)** B(4) = {0, 4, 8, 12, 16, 20, 24, 28, 32, 36, 40, 44,…}.  **b)** B(7) = {0, 7, 14, 21, 28, 35, 42, 49, 56, 63, 70, 77,…}. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **Bài 1 + 2 + 3 (***SGK – tr30)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**Bài 1 :**

a) 6 ∈ Ư(48)

b) 12 ∉ Ư(30)

c) 7 ∈ Ư(42)

d) 18 ∉ B(4)

e) 28∈ B(7)

g) 36 ∈ B(12)

**Bài 2:**

a) Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 15; 30}.

b) B(6) = {0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; 48}.

c) C ={x  | x  18 và 72  x} = {18; 36; 72}.

**Bài 3:**

**a)** – Độ dài của miếng băng tiếp theo là: 3 . 5 = 15 (cm).

    – Các số đo dài của các băng giấy là các bội của 3.

**b)** Muốn tìm bội của 3 một cách nhanh chóng, ta nhân 3 lần lượt với 0, 1, 2, 3,…

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vận dụng :* **Bài 4**

**Bài 4:**

**a)** Để viết được số 20, người muốn thắng cuộc phải viết được số 16, vì dù người chơi tiếp có thể viết 17 hay 18 ( số lớn hơn 16, nhưng không lớn hơn quá 3 đơn vị), người muốn thắng cuộc vẫn viết được số 20. Tương tự, để viết số 16, người muốn thắng cuộc phải viết được số 12. Cứ như thế, người muốn thắng cuộc phải viết được số 8, số 4, số 0.

Vậy ai biết được cần phải viết được dãy số 0, 4, 8, 12, 16, 20 ( gồm các số là bội của 4) thì người đó sẽ thắng.

Có thể Bình đã biết bí quyết này nên luôn thắng được Minh.

Minh có cơ hội thắng được Bình khi Minh nắm được bí quyết trên và có cơ hội viết được một trong các số 0, 4, 8, 12, 16, 20 trước Bình.

**b)** Có thể đề xuất luật chơi mới tương tự, chẳng hạn, thay số 20 bởi số 30 ( hay một số khác), hoặc thay số 3 bằng một số khác,…

*- GV cho HS đọc và tìm hiểu* ***Em có biết ?:***

+ GV lưu ý HS :

* Để xác định một năm nào đó có phải là năm nhuận ( theo dương lịch) hay không thì chỉ cần lấy năm đó chia cho 4. Nếu năm đó có chia hết cho 4 thì năm đó sẽ nhuận, nếu không chia hết thì không phải là năm nhuận.
* Tuy nhiên, với những năm có 2 chữ số 0 ở cuối, thì ta phải lấy năm đó chia cho 400. Nếu năm đó không chia hết cho 400 thì năm đó là năm nhuận, nếu không chia hết thì không phải là năm nhuận.

Ví dụ : Năm 2000 là năm nhuận vì chia hết cho 400. Nhưng năm 2100 không phải là năm nhuận vì 2100 không chia hết cho 400.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Ghi nhớ khái niệm ước và bội; Cách tìm ước và bội.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm thêm **Bài 2 + 4 – tr25**

BSH:- Chuẩn bị bài mới “**Số nguyên tố. Hợp số. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.**”.

**Ngày soạn:9/10/2024**

**Ngày dạy:10/10; 14/10/2024**

# TIẾT 18+19 - BÀI 10: SỐ NGUYÊN TỐ. HỢP SỐ. PHÂN TÍCH MỘT SỐ RA THỪA SỐ NGUYÊN TỐ.

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được các khái niệm về số nguyên tố, hợp số và cách phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Phân tích được một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản, biết dùng lũy thừa để viết gọn dạng phân tích.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, bài giảng, giáo án.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; Bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở vấn đề khái niệm số nguyên tố sẽ được học trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt vấn đề: “Những số tự nhiên nào lớn hơn 1 và có ít ước nhất?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS đọc, suy nghĩ, thảo luận nhóm và suy đoán, giải thích.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Những số tự nhiên lớn hơn 1 và có ít ước nhất gọi là gì?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Số nguyên tố. Hợp số**

**a) Mục tiêu:**

+ Hình thành và nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.

+ Vận dụng dấu hiệu chia hết để kiểm tra số nào là hợp số và số nào là số nguyên tố.

+ Giải thích đươc một số lớn là hợp số bằng cách sử dụng dấu hiệu chia hết và phát triển khả năng suy luận cho HS.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và luyện tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm thực hiện **HĐKP.**  + GV phân tích, rút ra Kiến thức trọng tâm như trong SGK.  + GV yêu cầu 1 vài HS đọc khái niệm số nguyên tố, hợp số như trong SGK.  + GV yêu cầu HS đọc hiểu Ví dụ 1 để hình dung rõ hơn về khái niệm.  + GV lưu ý HS phần *Chú ý*:  ***Số 0 và số 1 không là số nguyên tố và cũng không là hợp số.***  + GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 1**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Số nguyên tố. Hợp số** | **1. Số nguyên tố. Hợp số**  **HĐKP1:**  **a)** Ư(1) = 1      Ư(2) = {1; 2}      Ư(3) = {1; 3}      Ư(4) = {1; 2; 4}      Ư(5) = {1; 5}      Ư(6) = {1; 2; 3; 6}      Ư(7) = {1; 7}      Ư(8) = {1; 2; 4; 8}      Ư(9) = {1; 3; 9}      Ư(10) = {1; 2; 5; 10}  **b)** Nhóm 1: gồm 1      Nhóm 2: gồm 2, 3, 5, 7      Nhóm 3: gồm 4, 6, 8, 9, 10.  **Thực hành 1:**  a) Ư(11) = {1; 11}  => Số 11 là số nguyên tố vì chỉ có 2 ước là 1 và chính nó.   Ư(12) = {1; 2; 3; 4; 6; 12}  Ư(25) = {1; 5; 25}  => Số 12 và 25 là hợp số vì có nhiều hơn 2 ước.  b) Em không đồng ý. Bởi vì số 0 và số 1 không là số nguyên tố cũng không là hợp số. |

**Hoạt động 2: Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.**

**a) Mục tiêu:**

+ Ôn lại khái niệm ước và thừa số để có khái niệm thừa số nguyên tố.

+ Phân tích một số ra thừa số nguyên tố đồ cây và sơ đồ cột.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***a) Thế nào là phân tích một số ra thừa số nguyên tố?***  - GV yêu cầu HS đọc mục a) trong SGK và trả lời câu hỏi:  *Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố là thế nào?*  => GV nhận xét từ đó đưa ra khái niệm ***phân tích ra thừa số nguyên tố***.  - GV yêu cầu một vài HS phát biểu lại khái niệm.  - GV phân tích, cho HS đọc hiểu ví dụ.  - GV nêu ví dụ cho HS dễ hiểu và hình dung.  VD: VD: 24 = 2.3.2.2 = 2.2.2.2.3 = 23.3  - GV lưu ý cho HS phần *Chú ý.*  ***b) Cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố***  - GV yêu cầu HS đọc hiểu hai cách phân tích trình bày như trong SGK.  - GV giảng, phân tích cho HS hiểu sau đó chia lớp thành 4 nhóm thi đua phân tích số 280 ; 40 và 98 xem nhóm nào là nhanh và đúng hơn  - GV cho các nhóm nhận xét sau đó chữa và chú ý cách viết kết quả phân tích của các nhóm.  - GV yêu cầu HS áp dụng kiến thức hoàn thành **Thực hành 2** và **Thực hành 3** và 2 bạn cùng bàn kiểm tra chéo nhau.  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra nhận xét:  “Dù phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng cách nào thì ta cũng được cùng một kết quả.”  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  + Đối với HĐ nhóm, HS trình bày vào bảng nhóm rồi treo lên bảng.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: 2 cách phân tích một số thừa số nguyên tố:  + Phương pháp phân tích theo sơ đồ cột dọc.  + Phương pháp phân tích theo sơ đồ cây. | **2. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.**  ***a) Phân tích một số tự nhiên ra thừa số nguyên tố:***  - Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố là viết số đó dưới dạng một tích các thừa số nguyên tố.  VD: 24 = 2.3.2.2 = 2.2.2.2.3 = 23.3  *Ví dụ 2:*  - Số 7 là số nguyên tố và dạng phân tích ra thừa số nguyên tố của nó là 7. ( 7=7)  - Số 12 là hợp số và 12 được phân tích ra thừa số nguyên tố là:  12 = 2 . 2 . 3 = 122 . 3  ***\* Chú ý:***  - Mọi số tự nhiên lớn hơn 1 đều phân tích được thành tích các thừa số nguyên tố.  - Mỗi số nguyên tố chỉ có một dạng phân tích ra thừa số nguyên tố là chính số đó.  - Có thể viết gọn dạng phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng cách dùng lũy thừa.  ***b) Cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố***  *C1: Phương pháp phân tích theo sơ đồ cột dọc:*  VD:     * 36 = 22.32      * 280 = 23. 5. 7   ***Chú ý:***  Khi viết kết quả phân tích một số ra thừa số nguyên tố, ta thường viết các ước nguyên tố theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.  **Thực hành 2:**    *C1: Phương pháp phân tích theo sơ đồ cây:*  VD: Ta có thể phân tích 18 ra thừa số nguyên tố theo các sơ đồ cây như sau:    **Thực hành 3:**  42  6  **7**  **2**  **3**  18  3  **6**  **2**  **3**  **a) b)**    **18 = 2.32** **42 = 2.3.7**  **c)**  280  10  **28**  **4**  **7**  **2**  **5**  **2**  **2**  **280 = 23.5.7**  ***Nhận xét:***  Dù phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng cách nào thì ta cũng được cùng một kết quả. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **Bài 1 + 4 + 5 + 6 + 7**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**Bài 1 :**

**a)** 213 là số nguyên tố. Vì chỉ có 2 ước là 1 và chính nó.

**b)** 245 là hợp số. Vì 245 có nhiều hơn 2 ước.

**c)** 3 737 là số nguyên tố. Vì chỉ có 2 ước là 1 và chính nó.

**d)** 67 là số nguyên tố. Vì chỉ có 2 ước là 1 và chính nó.

**Bài 4 :**

a) **Sai.** Vì tích của một số nguyên tố với 2 là một số chẵn.

b) **Đúng.** Vì tích của số nguyên tố 2 với số nguyên tố nào khác cũng là số chẵn.

c) **Sai.** Vì các số nguyên tố đều lớn hơn 1 nên tích của hai số nguyên tố p và q luôn có 4 ước là 1; p; q; p.q, do đó là hợp số.

**Bài 5:**

**a)** 80 = 2 . 2 . 2 . 2 . 5 = 24 . 5

=> 80 chia hết cho số nguyên tố 2 và 5.

**b)** 120 = 2 . 2 . 2 . 3 . 5 = 23  . 3 . 5

=> 120 chia hết cho số nguyên tố 2, 3 và 5.

**c)** 225 = 3 . 3 . 5 . 5 = 32 . 52

=> 225 chia hết cho số nguyên tố 3 và 5.

**d)** 400 = 2 . 2 . 2 . 2 . 5 . 5 = 24.52

=> 400 chia hết cho số nguyên tố 2 và 5.

**Bài 6:**

a) 30 = 2 . 3 . 5

=> Ư(30) = {1; 2; 3; 6; 10; 15; 30}.

b) 225 = 3 . 3 . 5 . 5 = 32 . 52

=> Ư(225) = {1; 3; 5; 9; 15; 25; 45; 75; 225}.

c) 210 = 2 . 3 . 5 . 7

=> Ư(210) = {1; 2; 3; 5; 6; 7; 10; 14; 15; 21; 30; 35; 42; 70; 105; 210}.

d) 242 = 2 . 2 . 11 = 22 . 11

=> Ư(242) = {1; 2; 11; 22; 121; 242}.

**Bài 7 : a = 23.32.7**

Các số là ước của a là: 4, 7, 9, 21 và 24.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 2+ 8.**

**Bài 2 :**

Vì 37 là số nguyên tố chỉ chia hết cho 1 và chính nó nên không thể chia được các cặp số.

Vì vậy, các bạn lớp hoàng không thực hiện được.

**Bài 8 :**

**Bình có thể dùng những chiếc bánh chưng để xếp vừa khít vào khay. Vì 60 chia hết cho 15.**

*- GV cho HS đọc hiểu và phân tích mục* **Em có biết ? (**nếu còn thời gian)

+ GV yêu cầu dùng kết quả câu 6 để kiểm nghiệm lại cách tính số các ước cảu một số tự nhiên đã được giới thiệu.

+ Gv yêu cầu HS tìm số ước của 36 ; 150 ; 176.

36 = 22.32  nên 36 có (2+1)(2+1) = 9 (ước)

150 = 2.3.52 nên 150 có (1+ 1)( 1+ 1)(2+1) = 12 (ước)

176 == 24.11 nên 176 có (4+1)(1+1) = 10 (ước)

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Xem lại bài và luyện tập phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng 2 cách: theo sơ đồ cột dọc và sơ đồ cây.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm thêm Bài **3( SBT –tr28)** **+ 5+ 6+ 7 (SBT-tr29)**

BSH:- Xem trước Bài: **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM.**

NS: 15/10/2024

ND: 17/10/2024 **Tiết 20. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Nhận biết được cách lập bảng các số nguyên tố không vượt quá 100.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Vận dụng kiến thức về số nguyên tố, hợp số lập được bảng các số nguyên tố không vượt quá 100.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, bài giảng, giáo án ppt, phiếu học tập; SBT

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; SBT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Củng cố lại kiến thức cho HS.

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS chữa bài **3( SBT –tr28)** **+ 5 ( SBT-tr29)**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- 2 HS lên bảng trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để biết một số là số nguyên tố hay không, chúng ta kiểm tra bằng cách tìm ước hoặc tra trong bảng số nguyên tố. Bài hôm nay chúng ta cùng thực hành lập bảng các số nguyên tố” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Lập bảng số nguyên tố không vượt quá 100.**

**a) Mục tiêu:**

+ Giới thiệu cho HS cách lập bảng các số nguyên tố không vượt quá 100.

+ Củng cố kiến thức số nguyên tố, hợp số .

**b) Nội dung:** HS quan sát phiếu học tập để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành được phiếu học tập theo yêu cầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV phát phiếu bài tập cho HS và yêu cầu HS quan sát phiếu học tập.

- GV giới thiệu bảng các số tự nhiên từ 1 đến 100 gồm 10 hàng 10 cột.

- GV tổ chức thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn, hoàn thành theo yêu cầu của phần “**a) Hoạt động 1”** trong phiếu học tập.

- GV cho HS hoạt động cá nhân suy nghĩ và trả lời lần lượt các câu hỏi trong phần “**b) Hoạt động 1”.**

- GV dẫn dắt, dẫn tới các khẳng định:

+ Số nguyên tố nhỏ nhất là số 2. Số nguyên tố lớn nhất trong phạm vi 100 là số 97.

+ Không phải mọi số nguyên tố đều là số lẻ, chẳng hạn số 2.

+ Không phải mọi số nguyên tố đều là hợp số, chẳng hạn số 2.

- GV phân tích và cho HS đọc hiểu phần *Chú ý*:

Có 25 số nguyên tố trong phạm vi 100 là: 2, 3, 5, 7, 11, 13, 17, 19, 23, 29, 31, 37, 41, 43, 47, 53, 59, 61, 67, 71, 79, 83, 89, 97.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.

+ GV: quan sát và trợ giúp HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Một số HS trình bay câu trả lời.

+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa bảng số nguyên tố ( trong phạm vi 100).

**Hoạt động 2: Dùng bảng số nguyên tố.**

**a) Mục tiêu:**

+ Biết cách dùng bảng số nguyên tố: tra cứu một số có phải là số nguyên tố không.

**b) Nội dung:** HS quan sát phiếu học tập và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành được phiếu bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS quan sát SGK hoặc phiếu học tập và giới thiệu bảng số nguyên tố ở cuối chương ( SGK - tr47).

- GV cho HS hoàn thành yêu cầu của **Hoạt động 2** vào phiếu học tập.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành yêu cầu.

- GV: quan sát và trợ giúp HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ

- HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, tổng kết.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập* **Bài 1+ 2 (SBT- tr28) ; Bài 4 (SBT-tr29)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án và trình bày miệng tại chỗ.*

**Bài 1 :**

41 **P**

57 **P**

83 **P**

**529**  **P**

**Bài 2 :** Dùng bảng số nguyên tố trong phiếu học tập hoặc trong SGK (tr47) tìm các số nguyên tố sau :

117 ; 131 ; 313 ; 469 ; 647.

Các số nguyên tố là : 131 ; 313 ; 647.

**Bài 4:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kết luận** | **Đ/S** |
| i. Mỗi số chẵn lớn hơn 2 đều là hợp số. | **Đ** |
| ii. Tổng của hai số nguyên tố lớn hơn 2 luôn là một hợp số. | **Đ** |
| iii. Tổng của hai hợp số luôn là một hợp số. | **S** ( VD : 10 + 9 = 19) |
| iv. Tích của hai số nguyên tố có thể là một số chẵn. | **Đ** (trong trường hợp nhân với số nguyên tố 2) |

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**Họ và tên : ………………………….**

**Lớp :………**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Hoạt động 1 : Lập bảng các số nguyên tố không vượt quá 100**

***a) Quan sát bảng các số tự nhiên từ 1 đến 100 gồm 10 hàng, 10 cột như dưới đây :***

- Gạch chân số 1.

- Tô màu số 2, gạch chân tất cả các số là bội của 2 mà lớn hơn 2.

- Tô màu số 3, gạch chân tất cả các số là bội của 3 mà lớn hơn 3.

- Tô màu số 5, gạch chân tất cả các số là bội của 5 mà lớn hơn 5.

- Tô màu số 7, gạch chân tất cả các số là bội của 7 mà lớn hơn 7.

- Tô màu số 11, gạch chân tất cả các số là bội của 11 mà lớn hơn 11.

- Tiếp tục quá trình này cho đến khi tất cả các số được tô màu hoặc bị gạch chân.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 | 49 | 50 |
| 51 | 52 | 53 | 54 | 55 | 56 | 57 | 58 | 59 | 60 |
| 61 | 62 | 63 | 64 | 65 | 66 | 67 | 68 | 69 | 70 |
| 71 | 72 | 73 | 74 | 75 | 76 | 77 | 78 | 79 | 80 |
| 81 | 82 | 83 | 84 | 85 | 86 | 87 | 88 | 89 | 90 |
| 91 | 92 | 93 | 94 | 95 | 96 | 97 | 98 | 99 | 100 |

**=> Các số nguyên tố trong bảng trên là :**

***b) Trả lời câu hỏi :***

*- Số nguyên tố nhỏ nhất là số : ……*

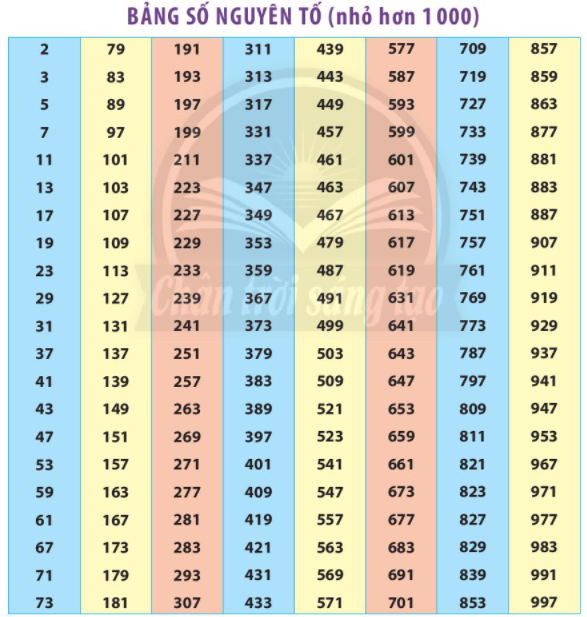
*- Số nguyên tố lớn nhất trong phạm vi 100 là số : ………*

*- Có phải mọi số nguyên tố đều là số lẻ không ? Vì sao ?*

*- Có phải mọi số chẵn đều là hợp số không ? Vì sao ?*

**Hoạt động 2 :**

*Em hãy tìm các số nguyên tố trong các số sau :* **113 ; 143 ; 217 ; 529.**



**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại bảng số nguyên tố.

- Xem và đọc trước bài: “**Ước chung. Ước chung lớn nhất.”**

**Ngày soạn:18/10/2024**

**Ngày dạy: 21/10/2024**

# TIẾT 21+22+23- BÀI 12: ƯỚC CHUNG, ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được các khái niệm về ước chung, ước chung lớn nhất, phân số tối giản và hai số nguyên tố cùng nhau

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho và chỉ ra được ước chung lớn nhất của các số đó.

+ Tìm được tập hợp các ước chung của hai số hoặc ba số thông qua tìm ước chung lớn nhất.

+ Vận dụng được khái niệm và cách tìm ƯCLN của hai hoặc ba số trong rút gọn phân số và giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, giáo án.

**2 - HS** : SGK; Đồ dùng học tập; Ôn tập khái niệm về ước đã học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở đến nội dung cần học về ước chung và uớc chung lớn nhất.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt vấn đề thông qua phần khởi động trong SGK: “Làm thế nào để tìm được số lớn nhất vừa là ước của 504, vừa là ước của 588?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS đọc, suy nghĩ, thảo luận nhóm và suy đoán, giải thích.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới : Để giúp chúng ta giải được bài toán nhanh nhất, ngoài cách làm của các bạn, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Ước chung.**

**a) Mục tiêu:**

+ Củng cố cách tìm ước của một số tự nhiên.

+ Hình thành khái niệm ước chung và thấy được ý nghĩa của việc tìm ƯC.

+ Biết cách tìm ước chung của hai số a; b và mở rộng cho 3 số.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc, tìm hiểu **HĐKP1,** hướng dẫn và yêu cầu HS trao đổi nhóm hoàn thành.  - GV phân tích rút ra kiến thức và cho HS đọc hiểu khái niệm, kí hiệu về ƯC.  - GV phân tích và cho HS đọc hiểu *Ví dụ 1*.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 1**.  - GV dẫn dắt, cho một vài HS phát biểu **Cách tìm ước chung của hai số a và b.**  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 2 để hiểu và rõ cách trình bày.  - GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 2.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **1. Ước chung.**  a) Có **3 cách** chia nhóm  *Cách 1:* Chia 1 nhóm gồm 12 nam và 8 nữ.  *Cách 2:* Chia 2 nhóm, mỗi nhóm 6 nam, 4 nữ.  *Cách 3:* Chia 4 nhóm, mỗi nhóm 3 nam, 2 nữ.  b) Ư(18) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}.      Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}.  **=>** ƯC(8,30) = {1; 2; 3; 6}  - **Ước chung** của hai hay nhiều số là ước của tất cả các số đó.  - Tập hợp các ước chung của hai số a và b kí hiệu là ƯC(a, b).  x  ƯC (a, b) nếu ax và bx.  - Tương tự, tập hợp các ước chung của a, b, c kí hiệu là ƯC (a, b,c).  x  ƯC (a, b, c) nếu ax, bx và cx  **Thực hành 1:**  a) Đúng  Ư(24) = {1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24}  Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}  => ƯC(24,30) = {1; 2; 3; 6}.  b) Sai  Ư(28) = {1; 2; 4; 7; 14; 28}  Ư(42) = {1; 2; 3; 6; 7; 14; 21; 42}  => ƯC(28,42) = {1; 2; 7; 14}.  c) Đúng  Ư(18) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}  Ư(24) = {1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24}  Ư(42) = {1; 2; 3; 6; 7; 14; 21; 42}  => ƯC(18, 24, 42} = {1; 2; 3; 6}.  **\* Cách tìm ước chung của hai số a và b:**  - Viết tập hợp các ước của a và ước của b: Ư(a), Ư(b).  - Tìm những phần tử chung của Ư(a) và Ư(b).  **Thực hành 2:**  a) Ư(36) = {1; 2; 3; 4; 6; 9; 12; 18; 36}      Ư(45) = {1; 3; 5; 9; 15; 45}  => ƯC(36; 45) = {1; 3; 9}.  b) Ư(18) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}      Ư(36) = {1; 2; 3; 4; 6; 9; 12; 18; 36}      Ư(45) = {1; 3; 5; 9; 15; 45}  => ƯC(18, 36, 45) = {1; 3; 9}. |

**Hoạt động 2: Cách tìm ước chung lớn nhất**

**a) Mục tiêu:**

+ Hình thành khái niệm ƯCLN và thấy được ý nghĩa của việc tìm ƯCLN.

+ Gợi cho HS biết mối liên hệ giữa ƯCLN của hai số a, b và các thừa số nguyên tố chung (nếu có) của chúng.

+ Biết cách tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dẫn dắt, cho HS đọc, tìm hiểu đề bài **HĐKP2.**  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt, hướng dẫn HS rút ra khái niệm.  - GV cho 1 vài HS đọc hiểu khái niệm và kí hiệu trong SGK.  - GV lưu ý cho HS Nhận xét trong SGK.  - GV phân tích, cho HS đọc hiểu Ví dụ 3, rồi cho HS rút ra nhận xét.  - GV nhấn mạnh lại Nhận xét để HS ghi nhớ.  - GV yêu cầu HS vận dụng khái niệm hoàn thành **Thực hành 3**.  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 4.  - GV phân tích, hướng dẫn HS cách làm và cho HS tự giải lại Ví dụ 4 vào vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS  . **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận, phát biểu, trình bày bảng, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính:  **Khái niệm ƯCLN; Cách tìm ước chung từ ƯCLN.** | **2. Ước chung lớn nhất.**  **HĐKP2:**  *Nhận xét:* Với mọi a, b  , ta có:  ƯCLN ( a, 1) = 1; ƯCLN(a, b, 1) = 1  **Thực hành 3:**  Ư(24) = {1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24}  Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}   * ƯC (24, 30) = { 1; 2; 3; 6} * ƯCLN (24, 30) = {6}   Ví dụ 4: Giải:  Gọi số nhóm nhiều nhất có thể chia được là: x (nhóm)   * x  ƯCLN (12, 18)   Có: Ư (12) = { 1; 2; 3; 4; 6; 12}  Ư (18) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}   * ƯC (12, 18) = { 1; 2; 3; 6} * ƯCLN ( 12, 18) = 6   Do đó, cần chia lớp thành 6 nhóm.  Số học sinh nữ trong mỗi nhóm là: 12 : 6 =2 (HS)  Số học sinh nam trong mỗi nhóm là: 18 : 6 = 3 (HS)  Vậy mỗi nhóm có 2 nữ và 3 nam. |

**Hoạt động 3: Tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.**

**a) Mục tiêu:**

+ Gợi cho HS biết mối liên hệ giữa ƯCLN của hai số a, b và các thừa số nguyên tố chung (nếu có) của chúng.

+ Củng cố cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

+ Biết cách tìm ƯCLN thông qua sự phân tích ra thừa số nguyên tố.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nêu vấn đề: “Đối với các số nhỏ, chúng ta có thể tìm ƯCLN của hai hay nhiều số thông qua cách tìm ước của từng số sau đó tìm ƯC của các số đó và số lớn nhất trong tập ƯC chính là ƯCLN của các số đó. Nhưng đối với các số lớn có rất nhiều ước, chẳng hạn như số 504 có 24 ước, trong khi đó số 588 có 18 ước. Vì vậy, nếu dùng phương pháp liệt kê các ước của hai số 504 và 588 rồi chọn ƯCLN sẽ gặp nhiều khó khăn. Vậy có cách nào đơn giản hơn để tìm ƯCLN của 504 và 588 không?”  - GV dẫn dắt “Chúng ta thấy ƯCLN (a, b) là ước của a và b nên các thừa số nguyên tố của ƯCLN (a, b) là thừa số nguyên tố chung của a và b. Vì vậy, để tìm ƯCLN (a, b) ta cần phân tích a và b ra thừa số nguyên tố.”  - GV lấy VD, thuyết trình giảng, hướng dẫn cho HS: Tìm ƯCLN (24, 30)  B1: Phân tích các số 24 và 30 ra thừa số nguyên tố, ta được:  24 = 2.2.2.3 = 23. 3  30 = 2.3.5  B2: Ta thấy 2 và 3 là các thừa số nguyên tố chung của 24 và 30.  B3: Trong cách phân tích ra thừa số nguyên tố của 24 và 30, số mũ nhỏ nhất của thừa số chung 2 là 1, số mũ nhỏ nhất của thừa số chung 3 là 1 nên ƯCLN(24, 30) = 2.3= 6  - GV cho HS nhận xét cách tìm ƯCLN (24, 30) ở phần này với phần **Thực hành 3.**  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra quy tắc tìm ƯCLN của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố và nhấn mạnh lại để HS nhớ được các bước làm.  - GV yêu cầu HS đọc hiểu *Ví dụ 5* và cho HS tự lại để nắm được cách làm và cách trình bày.  - GV kiểm tra độ hiểu bài của HS bằng cách tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi hoàn thành **Thực hành 4.**  - GV giới thiệu khái niệm hai só nguyên tố cùng nhau : Hai số có ƯCLN bằng 1 gọi là hai số **nguyên tố cùng nhau**.  - GV đưa ra Ví dụ minh họa như trong SGK và gọi một số HS lấy ví dụ tương tự về hai số nguyên tố cùng nhau.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Cách tìm ƯCLN bằng cách phân tích ra thừa số nguyên tố; Khái niệm hai số nguyên tố cùng nhau.** | **3. Cách tìm ước chung lớn nhất.**  **\* Quy tắc:**  B1: Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố;  B2: Chọn ra các **thừa số nguyên tố chung;**  B3: Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với **số mũ nhỏ nhất**. Tích đó là ƯCLN phải tìm.  *Ví dụ 5:* Tìm ƯCLN của 18 và 30.  18 = 2 . 32  30 = 2. 3. 5  => ƯCLN (18, 30) = 2.3 = 6  **Thực hành 4:**  + Tìm ƯCLN(24, 60)  24 = 2 . 2 . 2 . 3 = 23 . 3   60 = 2 . 2 . 3 . 5 = 22 . 3 . 5  => ƯCLN(24, 60) = 22 . 3 = 12   + Tìm ƯCLN(14, 33)  14 = 2 . 7   33 = 1 . 33  => ƯCLN(14, 33) = 1  + Tìm ƯCLN (90, 135, 270)   90 = 2. 32 . 5   135 = 33 . 5   270 = 2 . 33 . 5  => ƯCLN(90, 135, 270) = 32 . 5 = 45  - Khái niệm hai số nguyên tố cùng nhau: Hai số **nguyên tố cùng nhau** là hai số có ƯCLN bằng 1.  VD: ƯCLN(14, 33) = 1 => 14 và 33 là hai số nguyên tố cùng nhau. |

**Hoạt động 4: Ứng dụng trong rút gọn phân số**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết phân số tối giản và biết cách rút gọn về phân số tối giản.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dẫn dắt, cho HS đọc hiểu nội dung trong SGK và trả lời câu hỏi:  + Phân số tối giản là thế nào?  + Cách rút gọn để được phân số tối giản.  - GV nêu Ví dụ, phân tích cụ thể cho HS dễ hình dung hơn, sau đó cho HS tự lấy ví dụ và thực hiện rút gọn.  - GV yêu cầu HS vận dụng hoàn thành Thực hành 5  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Khái niệm phân số tối giản, Cách rút gọn về phân số tối giản.** | **4. Ứng dụng trong rút gọn phân số.**  - Ta **rút gọn phân số** bằng cách chia cả tử và mẫu của phân số đó cho một ước chung khác 1 (nếu có).  *Chú ý:* Để rút gọn một phân số,, ta co thể chia cả tử và mẫu của phân số đó cho ước chung lớn nhất của chúng để được **phân số tối giản**  VD:  chưa tối giản và ƯCLN(18, 30) = 6  =>  Ta có:  là phân số tối giản.  **Thực hành 5:**  + Có: ƯCLN ( 24, 108) **=** 12    + Có: ƯCLN ( 80, 32) **=** 16 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:*  **2 + 3+ 4 –** (tr39 - SGK ).

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.*

*- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.*

**Bài 2 :**

a) ƯCLN(1, 16) = **1.**

b) 8 = 23

    20 = 22 . 5

=> ƯCLN(8, 20) = 22= **4**.

c) 84 = 22 . 3 . 7

    156 = 22 . 3 . 13

=> ƯCLN(84, 156) = 22 . 3 =**12**.

d) 16 = 24

    40 = 23 . 5

    176 = 24 . 11

=> ƯCLN(16, 40, 176) = 23 = **8**.

**Bài 3 :**

**a)** A = {1; 2; 3; 6}

*- Nhận xét:* Ta thấy tập hợp ƯC (18, 30) = {1; 2; 3; 6} nên tập hợp ƯC (18, 30) giống với tập hợp A.

**b)**

**i.** 24 = 23 . 3

    40 = 23 . 5

=> ƯCLN(24, 40) = 23 = 8.

Vậy: ƯC(24, 40) = Ư(8) = {1; 2; 3; 4; 8}.

**ii.** 42 = 2 . 3 . 7

    98 = 2 . 72

=> ƯCLN(42, 98) = 2 . 7 = 14.

Vậy: ƯC (42, 98) = Ư(14) = {1; 2; 7; 14}.

**iii.** 180 = 22 . 32 . 5

      234 = 2 . 32 . 13

=> ƯCLN(180, 234) = 2 . 32= 18

Vậy: ƯC(180, 234) = Ư(18) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}.

**Bài 4 :**

+ Có: ƯCLN ( 28, 42) **=** 14



+ Có: ƯCLN ( 60, 135) **=** 15



+ Có: ƯCLN ( 288, 180) **=** 15



**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 5**

**Bài 5 :**

Gọi độ dài lớn nhất có thể của dây ruy băng là x ( cm)

Theo bài ra => x = ƯCLN ( 140, 168, 210) =

Ta có: 140 = 22 . 5 . 7

           168 = 23 . 3 . 7

           210 = 2 . 3 . 5 . 7

=> ƯCLN(140, 168, 210) = 2 . 7 = 14.

=> Độ dài lớn nhất có thể của mỗi đoạn dây ngắn được cắt ra là: 14 cm.

- Mỗi đoạn dây khác nhau có thể cắt được số đoạn dây ngắn là:

Đoạn dây dài 140 cm cắt được: 140 : 14 = 10 (đoạn).

Đoạn dây dài 168 cm cắt được: 168 : 14 = 12 (đoạn).

Đoạn dây dài 210 cm cắt được: 210 : 14 = 15 (đoạn).

- Số đoạn dây nuy băng ngắn chị Lan có được là:

10 + 12 + 15 = 37 (đoạn dây).

Vậy chị Lan có được tổng cộng **37** đoạn dây nuy băng ngắn sau khi cắt.

*- GV cho HS đọc và tìm hiểu thềm phần «  Em có biết » - SGK – tr39*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Đọc và ghi nhớ nội dung chính của bài.

- Vận dụng kiến thức làm bài tập **3** + **4 + 6 + 7 (SBT- tr32)**

BSH:- Đọc và tìm hiểu trước bài sau: “**Ôn tập giữa kì 1”.**

**NS: 18/10/2024**

**ND: 28/10/2024 Tiết24-25: ÔN TẬP GIỮA KÌ I**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

***-*** HS củng cố, rèn luyện kĩ năng:

+ Biểu diễn tập hợp.

+ Thực hiện phép toán cộng, trừ, nhân, chia và lũy thừa với số mũ tự nhiên.

+ Vận dụng tính chất chia hết của một tổng.

+ Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.

+ Tìm các ước và bội.

+ Phân tích một số tự nhiên nhỏ thành tích các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.

+ Tìm ƯCLN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.

+ Tìm ƯCthông qua ƯCLN.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Nâng cao kĩ năng giải toán.

+ Gắn kết các kĩ năng bài học lại với nhau.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, giáo án tài liệu, 5 bút dạ ( gốm 1 đỏ và 4 xanh hoặc đen)

**2 - HS** : SGK; đồ dùng học tập, giấy A1 theo tổ.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại kiến thức từ đầu chương tới giờ.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Nội dung kiến thức từ bài 1 ->5(TN);bài 1-6(TL).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm hoạt động theo kĩ thuật khăn trải bàn và tổng hợp ý kiến vào giấy A1 thành sơ đồ tư duy theo các yêu cầu như sau:

+ Nhóm 1: Hai cách mô tả một tập hợp và ví dụ; Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia; các tính chất và lũy thừa với số mũ tự nhiên.

+ Nhóm 2: Chia hết và chia có dư; Tính chất chia hết của một tổng; Dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 3, 9 và ví dụ

+ Nhóm 3: Khái niệm ước và bội; Cách tìm ước và bội; Khái niệm số nguyên tố, hợp số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố và các cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

+ Nhóm 4: Khái niệm ước chung, ước chung lớn nhất,

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý , thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Sau khi hoàn thành thảo luận: Các nhóm treo phần bài làm của mình trên bảng và sau khi tất cả các nhóm kết thúc phần thảo luận của mình GV gọi bất kì HS nào trong nhóm đại diện trình bày.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS trình bày miệng chữa bài tập trắc nghiệm :***Câu 1** *->* **Câu 5.**

**1. C ; 2. C ; 3. D; 4.C ; 5.D**

*- GV yêu cầu HS chữa các bài tập* **1, 2, 3,**  *( SGK-tr46)*

**Bài 1 :**

**a)** A = 37 . 173 + 62 . 173 + 173

        = 173 . (37 + 62 + 1)

        = 173 . 200

        = 17 300

**b)** B = 72 . 99 + 28 . 99 – 900

       = 99 . (72 + 28) – 900

       = 9 900 – 900

       = 9 000

**c)** C = 23 . 3 – (110 + 15) : 42

       = 8 . 3 – (1 + 15) : 42

       = 8 . 3 – 16 : 42

       = 8 . 3 –  1

       = 8 . 3 – 1

       = 23

**d)** D = 62 : 4 . 3 + 2 . 52 – 2100.

        = 36 : 4 . 3 + 2 . 25 - 1

        = 27 + 50 – 1

        = 76

**Bài 2:**

**a)**  chia hết cho 2 và 5 khi chữ số tận cùng của nó là 0

=> y = 0

 chia hết cho 3 khi tổng các chữ số của nó cũng chia hết cho 3

Nên 1 + 2 + x + 0 + 2 + 0 ⋮ 3

=> x + 5 ⋮ 3 và 0 ≤ x ≤ 9

=> x ∈ {1; 4; 7}

Vậy để  chia hết cho 2; 3 và 5 thì **y = 0** và **x ∈ {1; 4; 7}.**

**b)**  chia hết cho 5 mà không chia hết cho 2 khi chữ số tận cùng của nó là 5

=> y = 5

chia hết cho 9 khi tổng các chữ số của nó cũng chia hết cho 9

Nên 4 + 1 + 3 + x + 2 + 5 ⋮ 3

=> x + 15 ⋮ 9 và 0 ≤ x ≤ 9

=> x = 3

Vậy để  chia hết cho 5 và 9 mà không chia hết cho 2 thì **y = 5** và **x = 3.**

**Bài 3 :**

**a)** Theo đề bài: 84 a và 180 a => a ∈ ƯC(84, 180) và a > 6.

Ta có: 84 = 22 . 3 . 7

           180 = 22 . 32 . 5

ƯCLN(84, 180) = 22 . 3

=> a ∈ ƯC(84, 180) = Ư(12) = {1; 2; 3; 4; 6; 12}

Mà a > 6.

=> a = 12

Vậy A = {12}.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.*

*- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bài 4 :**

Số tiền lớp 6A bỏ ra để nhập hàng là:

100 . 16 500 + 70 . 9 800 = 2 336 000 (đồng)

Số tiền lớp 6A bán được là:

93 . 20 000 + 64 . 15 000 = 2 820 000 (đồng)

Số tiền lãi lớp 6A thu được là:

2 820 000 - 2 336 000 = 484 000 (đồng) < 500 000 (đồng)

Vậy: Với mục tiêu số tiền lãi thu được là 500 000 đồng thì lớp 6A **không hoàn thành** mục tiêu đã đề ra.

**Bài 5 :**

Lần 1: Phân chia thành 2 tế bào con

Lần 2: Phân chia thành 4 tế bào con => 4 = 22

Lần 3: Phân chia thành 8 tế bào con => 8 = 23

=> Ta nhận thấy các tế bào phân chia theo lũy thừa của cơ số 2.

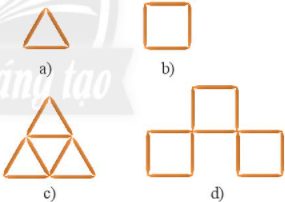
Vậy:

Số tế bào con có được sau lần phân chia thứ tư là: 24 = **16** tế bào

Số tế bào con có được sau lần phân chia thứ năm là: 25 = **32** tế bào

Số tế bào con có được sau lần phân chia thứ sáu là: 26 = **64** tế bào.

**Bài 6:**



a) Ở trường hợp a, Huy dùng 3 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: 36 : 3 = **12** hình.

b) Ở trường hợp b, Huy dùng 3 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: 36 : 4 = **9** hình.

c) Ở trường hợp c, Huy dùng 9 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: 36 : 9 = **4** hình.

d) Ở trường hợp d, Huy dùng 12 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: 36 : 12 = **3** hình.

**Bài 8:**

Gọi: Số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm có thể chia được là: x ( túi, x N\*)

Theo đề bài => x = ƯCLN( 48, 32, 56)

48 = 24.3

32 = 25

56 = 23.7

* ƯCLN( 48, 32, 56) = 23 = 8

Vậy số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm có thể chia được là : 8 túi.

Khi đó, số lượng vở trong mỗi túi là : 48 : 8 = 6 ( quyển)

số lượng thước kẻ trong mỗi túi là : 32 : 8 = 4 ( chiếc)

số lượng bút chì trong mỗi túi là : 56 : 8 = 7 (chiếc)

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

Hướng dẫn tự học ở nhà:

Bài vừa học: xem lại lí thuyết và bài tập vừa ôn

Tiết sau kiểm tra giữa kì 1

NS:22/10/2024

Tiết 26-27 **KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN TOÁN - LỚP 6**

**NĂM HỌC: 2024- 2025**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | Số tự nhiên  (24 tiết) | Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên | 4  (TN1;3;4;8) | 3  (TL 13a,  b  14a) |  | 3  (TL  14b, c;  16a) |  |  |  | 1  (TL  13.c) | **45** |
| Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và ước chung lớn nhất | 4  (TN2;56;7) |  |  |  |  | 1  TL16  b |  |  | **25** |
| **2** | Các hình phẳng trong thực tiễn  (8 tiết) | Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. | 1  (TN9) |  |  |  |  |  |  |  | **2,5** |
| Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. | 2  (TN10; 11) |  |  |  |  |  |  |  | **5** |
| Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn | 1  (TN12) | 1  (TL15a) |  | 1  (TL  15b) |  |  |  |  | **22,5** |
| **Tổng** | | | **12** | 4 |  | **4** |  | **1** |  | 1 | 22 |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | 20% |  | **30%** |  | 15% |  | 5% | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **80%** | | | | **20%** | | | | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN TOÁN - LỚP 6**

**NĂM HỌC: 2024- 2025**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Tập hợp các số tự nhiên**  **(23 tiết)** | Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên.  Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên  – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. | 6  (TN  1;2;3  TL  13a,b,14a) |  |  |  |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.  – Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.  – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...). |  | 3  (TL  14b,c; 16a) |  | 1  (TL  13.c) |
|  |  | Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và ước chung lớn nhất | ***Nhận biết :***  – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.  – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.  – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.  – Nhận biết được phân số tối giản. | 5  (TN4;  5;6;7;8) |  |  |  |
| ***Vận dụng:***  – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không.  – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.  – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất;của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất.  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...).. |  |  | 1  (TL  16b) |  |
| **2** | Các hình phẳng trong thực tiễn  (8 tiết) | Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. | ***Nhận biết:***  – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. | 2  (TN  9,10) |  |  |  |
| Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. Chu vi và diện tích một số hình trong thực tiễn | ***Nhận biết***  – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân | 3  (TN11;12;  TL15a) |  |  |  |
| ***Vận dụng :***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản***)*** gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên. |  | 1  (TL15b) |  |  |
| Tổng số câu | | | | 16 | 4 | 1 | 1 |
| Tổng số điểm | | | | 5 | 3 | 1,5 | 0,5 |
| Tỉ lệ | | | | 50% | 30% | 15% | 5% |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2024- 2025**

**ĐỀ 1**

**MÔN TOÁN. LỚP 6**

**THỜI GIAN: 90 phút.**

**I.TRẮC NHIỆM:**  (Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng)

**Câu 1**: Cho tập hợp chọn khẳng định **sai**?

A. 12 B. C. D.

**Câu 2**: Trong các số sau số nào là số tự nhiên?

1. B. C. 2023 D.3 2,3

**Câu 3**: Trong các số tự nhiên sau số nào là số nguyên tố

A. 25 B. 11 C. 1 D. 33

**Câu 4**: Kết quả của phép tính

A. 25 B. C. 14 D. .

**Câu 5**: Chọn câu **sai** trong các câu sau: Nếu a m và b m thì

A. a + b m. B. a - b m. C. a . b m. D. a + b  m.

**Câu 6**: Số vừa chia hết cho 3 vừa chia hết cho 5 là

A. 425. B. 693. C. 660. D. 256.

**Câu 7**: Trong các số sau đây số nào là ƯCLN( 24; 36) ?

A. 6.  B. 8.  C. 12. D. 24

**Câu 8**: Giá trị của 24 là

1. 16 B. 8 C. 4 D. 32

**Câu 9**: Yếu tố nào sau đây không phải của hình chữ nhật?

**A**. Hai cặp cạnh đối diện song song **B.** Có 4 góc vuông

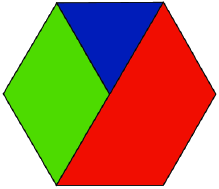
**C.** Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau **D.** Hai đường chéo vuông góc với nhau

**Câu 10:** Hình có 4 góc bằng nhau và 4 cạnh bằng nhau là hình gì?

A. Hình chữ nhật B. Hình vuông C. Hình bình hành D. Hình thoi

**Câu 11:** Hình thoi có cạnh là 7cm thì chu vi là:

**A.** 28 cm  **B.** 14cm **C.** 49cm **D.** 7cm

**Câu 12:** Trong hình dưới đây gồm có các hình nào, chọn câu trả lời đúng và đầy đủ?

**A.** Hình thang cân, hình thoi, tam giác đều

**B.** Hình thoi, hình thang cân, lục giác đều

**C.** Tam giác đều, hình thang cân, hình bình hành

**D.** Hình thoi, hình thang cân, tam giác đều, lục giác đều

**II. TỰ LUẬN**: (7 điểm)

**Câu 13**(1,5đ) Thực hiện phép tính (bằng cách hợp lý nếu có thể)

1. 
2. 28.64 + 28.36
3. 

**Câu 14(1,5đ)** Tìm x biết

1. 
2. 2.(x-38) = 60
3.  và x > 8

**Câu 15**(2 đ) Một nền nhà hình chữ nhật có chiều rộng là 6 m và chiều dài là 8 m.

a) Tính diện tích nền nhà đó ?

b) Người ta dự định lót nền nhà bằng những viên gạch hình vuông có diện tích 16. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch để lót kín nền nhà đó?

**Câu 16**(2đ)

a. Lớp  tổ chức thăm và tặng quà cho các bạn trong lớp có hoàn cảnh khó khăn. Dự định mỗi gói quà bao gồm  quyển vở giá đồng một quyển,  cái bút giá  đồng một cái,  bộ thước giá đồng một bộ. Hỏi mỗi gói quà có tổng giá trị bao nhiêu tiền?

b.Đội văn nghệ của một trường có 18 nam và 30nữ về một huyện để biểu diễn. Muốn phục vụ đồng thời tại nhiều địa điểm. Đội dự định chia thành các tổ gồm cả nam và nữ,số nam được chia đều vào các tổ, số nữ cũng vậy. Có thể chia nhiều nhất thành bao nhiêu tổ?

-------HẾT-------

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I.TRẮC NGHIỆM**: (3đ) Mỗi câu khoanh đúng 0,25 đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | C | C | B | A | D | C | C | A | D | B | A | D |

**II.TỰ LUẬN**: (7 đ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| câu | | Đáp án | Điểm |
| 13  (1,5đ) | a | =(135+365)+(70+130)  =500+200  =700 | 0,25  0,25 |
| b | 28.64 + 28.36 = 28.(64+36)  = 28.100  =2800 | 0,25  0,25 |
| c |  | 0,25  0,25 |
| 14  (1,5đ) | a | x= 82-19  x=63 | 0,25  0,25 |
| b | 2.(x-38) = 60  x-38=60:2  x-38= 30  x=30+38  x=68 | 0,25  0,25 |
| c | và x > 8 | 0,25  0,25 |
| 15  (2đ) | a | Diện tích nền nhà:  6.8=48 (m2) | 1 |
| b | Đổi 48m2 = 4800dm2  4800:16=300  Cần 300 viên gạch để lót kín nền nhà. | 1 |
| 16  (2đ) | a | Mỗi gói quà có tổng giá trị là:  10.10000 + 5.5000 + 15000 = 140000 (đồng)  Vậy mỗi gói quà có tổng giá trị là 140000 đồng. | 0,5  0,5 |
| b | . Gọi a là số tổ cần chia  a=UCLN(18,30)  18=2.32  30=2.3.5  UCLN(18,30)=2.3=6  Vậy chia được nhiều nhất là 6 tổ | 0,5  0,5 |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2024- 2025**

**ĐỀ 2**

**MÔN TOÁN. LỚP 6**

**THỜI GIAN: 90 phút.**

**I.TRẮC NHIỆM:**  (Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng)

**Câu 1**: Cho tập hợp . Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

**A. **. **B. **. **C. **. **D. **.

**Câu 2**: Các số la mã  được đọc lần lượt là

**A.**. **B. **. **C. **. **D. **.

**Câu 3**: Kết quả viết tích dưới dạng một lũy thừa bằng

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 4**: Số nào sau đây là ước của 24?

**A.**. **B.**. **C. **. **D.**.

**Câu 5.** Số nào sau đây **chia hết** cho 3?

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 6:**Cho  Giá trị của  là

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 7.** Trong các số sau, số nào vừa chia hết cho  và chia hết cho 5 ?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

## Câu 8: Giá trị của 34 là:

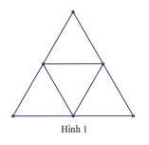
## A. 12 . B. 81. C. 27 D. 7.

**Câu 9**: Yếu tố nào sau đây **không phải** của hình thoi?

A.Hai đường chéo vuông góc với nhau B.Hai cạnh đối bằng nhau

C.Hai cạnh đối song song D.Có bốn góc vuông

**Câu 10**: Số hình tam giác đều có trong hình vẽ 1 là:

**A.** 1. **B. 4**. **C.** 3. **D. 5**. 

**Câu 11**: Hình vuông có cạnh là 7cm thì chu vi là:

**A.** 28cm  **B.** 14cm **C.** 49cm **D.** 7cm

Câu 12: Khẳng định nào sau đây **sai?**

**A.**Hai đường chéo của hình vuông bằng nhau.

B. Hai góc kề một đáy của hình thang cân bằng nhau.

C. Trong hình thoi hai góc đối không bằng nhau.

D. Trong hình chữ nhật, hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | | |
|  |  |  |  |

**II. TỰ LUẬN**: (7 điểm)

**Câu 13**: (1,5 đ)Thực hiện phép tính (bằng cách hợp lý nếu có thể)

1. 135 + 360 + 65 + 40
2. 39.13+87.39
3. 

**Câu 14**: (1,5 đ) Tìm x biết

1. x + 15 = 42
2. 
3.  và 

**Câu 15**(2đ) Bác An có một mảnh vườn hình vuông với chiều dài cạnh là 40m.

a.Tính chu vi mảnh vườn.

b.Bác An dự định làm hàng rào xung quanh vườn bằng các dây thép gai. Biết mỗi mét dây thép gai có giá là 50 000 đồng. Hỏi bác An cần chi bao nhiêu tiền cho việc làm hàng rào?

**Câu 16**: (2đ)

a. Bạn An có 200 nghìn đồng để mua đồ dùng học tập dịp đầu năm học. An đã mua 15 quyển vở, 4 bút bi, 2 bút chì và 1 bộ thước. Biết rằng mỗi quyển vở có giá 10 nghìn đồng, mỗi cây bút bi hoặc bút chì đều có giá 5 nghìn đồng, còn bộ thước có giá 18 nghìn đồng. Hỏi bạn An có đủ tiền để mua các món đồ trên không?

b.Đội văn nghệ của một trường có 48 nam và 72 nữ về một huyện để biểu diễn. Muốn phục vụ đồng thời tại nhiều địa điểm. Đội dự định chia thành các tổ gồm cả nam và nữ,số nam được chia đều vào các tổ, số nữ cũng vậy. Có thể chia nhiều nhất thành bao nhiêu tổ?

-------HẾT-------

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I.TRẮC NGHIỆM**: (3đ) Mỗi câu khoanh đúng 0,25 đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | D | A | C | B | B | D | C | B | D | D | A | C |

**II.TỰ LUẬN**: (7 đ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu | | Đáp án | Điểm |
| 13  (1,5đ) | a | 135 + 360 + 65 + 40 = (135+65)+(360+40)  = 200+400  = 600 | 0,25  0,25 |
| b | 39.13+87.39= 39.(13+87)  =39.100  = 3900 | 0,25  0,25 |
| c | = | 0,25  0,25 |
| 14  (1,5đ) | a | x + 15 = 42  x= 42-15  x=27 | 0,25  0,25 |
| b | 30 – x = 92:4  30-x=23  x= 30-23  x= 7 | 0,25  0,25 |
| c | và    Vì x>6 nên | 0,25  0,25 |
| 15  (2đ) | a | Chu vi mảnh vườn  40.4=160 (m) | 1 |
| b | Số tiền Bác An phải chi cho việc làm hàng rào  160.50 000 = 8 000 000 (đ)  Vậy Bác An phải chi 8 triệu đồng để làm hàng rào | 1 |
| 16  (2đ) | a | Tổng số tiền bạn An phải trả khi mua các món đồ trên là :  15.10 + (4+2).5 + 18 = 198 ( nghìn đồng)  Vậy bạn An đủ tiền mua các món đồ trên vì 198 nghìn đồng < 200 nghìn đồng | 0,5  0,5 |
| b | Gọi a là số tổ cần chia  a=UCLN(48,72)  48=24.3  72=23.32  UCLN(48,72)=23.3=24  Vậy chia được nhiều nhất là 24 tổ | 0,5  0,5 |

# NS:30/11/2024

**ND:4/11/2024**

# Tiết 28-30 BỘI CHUNG, BỘI CHUNG NHỎ NHẤT(3 tiết)

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được các khái niệm về bội chung, bội chung nhỏ nhất, ứng dụng của bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Tìm được tập hợp các bội chung của hai hoặc ba số và chỉ ra được BCNN của các số đó.

+ Tìm được BCNN của hai hoặc ba số.

+ Tìm được tập hợp bội chung của hai hoặc ba số thông qua tìm BCNN.

+ Vận dụng được khái niệm và cách tìm BCNN của hai hoặc ba số trong quy đồng mẫu số các phân số và giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, giáo án.

**2 - HS** : SGK; Đồ dùng học tập; Ôn tập khái niệm về ước đã học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở đến nội dung cần học về bội chung và bội chung nhỏ nhất.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt vấn đề thông qua phần khởi động trong SGK: “Có cách nào tìm được mẫu số chung nhỏ nhất của các phân số không? Ví dụ : Tìm mẫu số chung nhỏ nhất của các phân số sau: và .”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS đọc, suy nghĩ, thảo luận nhóm và suy đoán, giải thích.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới : Để giúp chúng ta giải được bài toán nhanh nhất, ngoài cách làm của các bạn, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Bội chung.**

**a) Mục tiêu:**

+ Củng cố cách tìm bội của một số tự nhiên.

+ Hình thành khái niệm bội chung và thấy được ý nghĩa của việc tìm BC.

+ Biết cách tìm bội chung của hai số a; b và mở rộng cho 3 số.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc, tìm hiểu **HĐKP1,** hướng dẫn và yêu cầu HS trao đổi nhóm hoàn thành.  - GV phân tích rút ra kiến thức và cho HS đọc hiểu khái niệm, kí hiệu về BC.  - GV phân tích và cho HS đọc hiểu *Ví dụ 1*.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 1**.  - GV dẫn dắt, cho một vài HS phát biểu **Cách tìm bội chung của hai số a và b.**  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 2 để hiểu và rõ cách trình bày.  - GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 2.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **1. Bội chung.**  **HĐKP1:**  a) Dựa vào hình ta thấy, sau 12 giây thì hai dây đèn cùng phát sáng lần tiếp theo kể từ lần đầu tiên.  b) B(2) = {0; 2; 4; 6; 8; 10; 12; 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26;…}      B(3) = {0; 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30; 33; 36; 39…}  Vậy: Hai tập hợp này có một số phần tử chung như: 6; 12; 18;…  - **Bội chung** của hai hay nhiều số là bội của tất cả các số đó.  KH: BC(a,b); BC (a, b, c).  **Thực hành 1:**  a) Đúng  Vì:  B(4) = {0; 4; 8; 12; 16; 20; 24;…}  B(10) = {0; 10; 20; 30; 40; 50;…}  => 20 ∈ BC(4, 10).  b) Sai  Vì:  B(14) = {0; 14; 28; 42; 56;…}  B(18) = {0; 18; 36; 54;…}  => 36 ∉ BC(14, 18).  c) Đúng  Vì:  B(12) = {0; 12; 24; 36; 48; 60; 72; 84;…}  B(18) = {0; 18; 36; 54; 72; 90;…}  B(36) = {0; 36; 72; 108;…}  Nên 72 ∈ BC(12, 18, 36).  **\* Cách tìm bội chung của hai số a và b:**  - Viết tập hợp B(a) và B(b).  - Tìm những phần tử chung của B(a) và B(b).  **Thực hành 2:**  a) B(3) = {0; 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30; 33; 36; 39; 42; 45; 48; 51…}      B(4) = {0; 4; 8; 12; 16; 20; 24; 38; 32; 36; 40; 44; 48; 52…}      B(8) = {0; 8; 16; 24; 32; 40; 48; 56; 64; 72; 80;…}  b) M = {0; 12; 24; 36; 48}  c) K = {0; 24; 48} |

**Hoạt động 2: Bội chung nhỏ nhất**

**a) Mục tiêu:**

+ Hình thành khái niệm BCNN và thấy được ý nghĩa của việc tìm BCNN.

+ Gợi cho HS biết mối liên hệ giữa BCNN của hai số a, b và các thừa số nguyên tố chung (nếu có) của chúng.

+ Biết cách tìm BCNN thông qua sự phân tích ra thừa số nguyên tố.

+ Biết cách tìm BC thông qua tìm BCNN.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dẫn dắt, cho HS đọc, tìm hiểu đề bài **HĐKP2.**  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt, hướng dẫn HS rút ra khái niệm.  - GV cho 1 vài HS đọc hiểu khái niệm và kí hiệu trong SGK.  - GV lưu ý cho HS Nhận xét trong SGK.  - GV phân tích, cho HS đọc hiểu *Ví dụ 3*.  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 4.  - GV phân tích, hướng dẫn HS cách làm và cho HS tự giải lại Ví dụ 4 vào vở.  - GV yêu cầu HS vận dụng khái niệm hoàn thành **Thực hành 3**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS  . **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận, phát biểu, trình bày bảng, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính:  **Khái niệm BCNN; Cách tìm bội chung từ BCNN.** | **2. Bội chung nhỏ nhất.**  **HĐKP2:**  - Ta có: B(6) = {0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; 48…}               B(8) = {0; 8; 16; 24; 32; 40; 48;…}  => BC(6, 8) = {0; 24; 48…}    Vậy số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp BC(6, 8) là 24  *- Nhận xét:* Số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp bội chung của hai số 6, 8 là bội chung nhỏ nhất của 6, 8.  - Ta có: B(3) = {0; 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30; 33; 36; 39…}               B(4) = {0; 4; 8; 12; 16; 20; 24; 38; 32; 36; 40; 44; 48; 52…}               B(8) = {0; 8; 16; 24; 32; 40; 48;…}  => BC(3, 4, 8) = {0; 24; 48;…}    Vậy số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp BC(2, 4, 8) là 24.  *- Nhận xét:* Số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp bội chung của ba số 2, 4, 8 là bội chung nhỏ nhất của 2, 4, 8.  *- Khái niệm:* **Bội chung nhỏ nhất** của hai hay nhiều số là số bé nhất trong tập hợp các bội chung của các số đó.  Kí hiệu: BCNN (a, b); BCNN (a, b, c)  *- Nhận xét:* Tất cả các bội chung của a và b đều là bội của BCNN(a, b). Mọi số tự nhiên đều là bội của 1.  Do đó, mọi a, b N\* ta có:  BCNN ( a, 1) = a; BCNN(a, b, 1) = BCNN(a, b).  *Ví dụ 4:*  Gọi: Số HS của lớp đó là: x ( học sinh, x N\*, x 42)  Theo đề bài => x BC ( 4, 6) = {0; 12; 24; 36; 48;...}  Vì x 42 và x : 5 dư 1 => x = 36  Vậy lớp đó có 36 học sinh  **Thực hành 3:**  B(4) = {0; 4; 8; 12; 16; 20; 24; 28; 32;…}  B(7) = {0; 7; 14; 21; 28; 35;…}  => BCNN(4, 7) = 28  - Ta có: BCNN(4, 7) = 4 . 7 => Hai số 4 và 7 là hai số nguyên tố cùng nhau. |

**Hoạt động 3: Tìm bội chung nhỏ nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.**

**a) Mục tiêu:**

+ Gợi cho HS biết mối liên hệ giữa BCNN của hai số a, b và các thừa số nguyên tố chung (nếu có) của chúng.

+ Củng cố cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

+ Biết cách tìm BCNN thông qua sự phân tích ra thừa số nguyên tố.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc quy tắc trong SGK.  - GV lấy VD, thuyết trình giảng, hướng dẫn cho HS: Tìm BCNN ( 12, 90, 150)  B1: Phân tích các số 12, 90 và 150 ra thừa số nguyên tố, ta được:  12 = 22 . 3  90 = 2. 32  150 = 2. 3. 52  B2: Các thừa số nguyên tố chung và riêng là: 2, 3 và 5  B3: Lập tích các thừa số chung và riêng đã chọn với số mũ lớn nhất của nó: 22. 32. 52.  Vậy BCNN ( 12, 90, 150) = 22. 32. 52 = 900.  - GV cho 1 vài HS rút đọc lại quy tắc tìm BCNN của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố và nhấn mạnh lại để HS nhớ được các bước làm.  - GV yêu cầu HS đọc hiểu *Ví dụ 5* và cho HS tự lại để nắm được cách làm và cách trình bày.  - GV kiểm tra độ hiểu bài của HS bằng cách tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi hoàn thành **Thực hành 4.**  - GV lưu ý cho HS phần Chú ý và cho HS ghi vở.  - Gv yêu cầu HS vận dụng kiến thức hoàn thành **Thực hành 5**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Cách tìm BCNN bằng cách phân tích ra thừa số nguyên tố.** | **3. Cách tìm bội chung nhỏ nhất.**  **\* Quy tắc:**  B1: Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố;  B2: Chọn ra các **thừa số nguyên tố chung và riêng;**  B3: Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với **số mũ lớn nhất của nó**. Tích đó là BCNN phải tìm.  *Ví dụ 5:* Tìm BCNN của 12, 90 và 150.  12 = 22 . 3  90 = 2. 32  150 = 2. 3. 52  => BCNN ( 12, 90, 150) = 22. 32. 52 = 900.  **Thực hành 4:**  + Tìm BCNN(24, 30)  24 = 2 . 2 . 2 . 3 = 23 . 3   30 = 2 . 3 . 5 = 2 . 3 . 5  => BCNN(24, 30) = 22. 3. 5 = 120  + Tìm BCNN (3, 7, 8)   3 = 3   7 = 7   8 = 23  => Tìm BCNN (3, 7, 8) = 23. 3. 7 = 168  + Tìm BCNN(12, 16, 48)  12 = 22. 3  16 = 24  48 = 24.3  => BCNN(12, 16, 48) = 24.3 = 48  Chú ý:  - Nếu các số đã cho từng đôi một nguyên tố cùng nhau thì BCNN của chúng là tích của các số đó. VD: BCNN(3, 7, 8) = 3. 7. 8 = 168.  - Trong các số đã cho, nếu số lớn nhất là bội của các số còn lại thì BCNN của các số đã cho chính là số lớn nhất ấy. Ví dụ: BCNN(12, 16, 48) = 48  **Thực hành 5:**  BCNN (2, 5, 9) = 2.5.9 = 90  BCNN (10, 15, 30) = 30 |

**Hoạt động 4: Ứng dụng trong quy đồng mẫu các phân số**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dunng cách tìm BCNN để quy đồng mẫu hai phân số.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc quy tắc trong SGK và trả lời câu hỏi:  *Muốn quy đồng mẫu số nhiều phân số ta làm như thế nào?*  - GV chốt kiến thức, gọi 1 vài em phát biểu lại Quy tắc trong SGK.  - GV nêu Ví dụ, phân tích cụ thể cho HS dễ hình dung hơn, sau đó cho HS tự lấy ví dụ và thực hiện quy dồng.  - GV yêu cầu HS vận dụng quy tắc hoàn thành **Thực hành 6**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Cách quy đồng mẫu số nhiều phân số.** | **4. Ứng dụng trong quy đồng mẫu các phân số.**  Muốn quy đồng mẫu số nhiều phân số ta có thể làm như sau:  B1: Tìm một bội chung của các mẫu số ( thường là BCNN) để làm mẫu số chung.  B2: Tìm thừa số phụ của mỗi mẫu số ( bằng cách chia mãu số chung cho từng mẫu số riêng).  B3: Nhân tử số và mẫu số của mỗi phân số với thừa số phụ tương ứng.  **Thực hành 6:**  1) Quy đồng mẫu các phân số sau:  a) Có BCNN (12, 30) = 60      b) Có BCNN ( 2, 5, 8) = 40        2) Thực hiện các phép tính sau:  a) Có: BCNN (6, 8) = 24    b) Có: BCNN(24, 30) = 120 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:*  **1 + 2+ 4 –** (tr43-44 - SGK ).

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.*

*- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.*

**Bài 1 :**

a) Ta có:

6 = 2.3

14 = 2.7

=> BCNN(6, 14) = 42

=> BC(6, 14) = {0; 42; 84; 126;…}.

b) Ta có:

6 = 2.3

20 = 22.5

30 = 2. 3. 5

BCNN(6, 20, 30) = 60

=> BC(6, 20, 30) = {0; 60; 120; 180; 240;…}.

c) Vì hai số 1 và 6 là hai số nguyên tố cùng nhau

=> BCNN(1, 6) = 6.

d) Ta có: 10 = 2 . 5

                12 = 22 . 3

=> BCNN(10, 1, 12) = 22 . 3 . 5 = 60.

e) Vì hai số 7 và 14 là hai số nguyên tố cùng nhau

=> BCNN(5, 14) = 5 . 14 = 70

**Bài 2 :**

**a)** A = {0; 48; 96; 144; 192;…}

*- Nhận xét*: Tập hợp BC(12, 16) chính là tập hợp A.

**b)**

**i.** 24 = 23 . 3

  36 = 22 . 32

=> BCNN(24, 36) = 23 . 32 = 72

=> BC(24, 36) = B(72) = {0; 72; 144; 216;…}.

**ii.** 42 = 2 . 3 . 7

    60 = 22 . 3 . 5

=> BCNN(42, 60) = 420

=> BC(42, 60) = B(420) = {0; 420; 840; 1260;…}.

**iii.** 60 = 22 . 3 . 5

    150 = 2 . 3 . 52

=> BCNN(60, 150) = 22 . 3 . 52 = 300

=> BC(60, 150) = B(300) = {0; 300; 600; 900; 1200;…}.

iv. 28 = 22 . 7

     35 = 5 . 7

=> BCNN(28, 35) = 22 . 5 . 7 = 140

=> BC(28, 35) = B(140) = {0; 140; 280; 420; 560;…}.

**Bài 4:**

a) Có: BCNN (15, 10) = 30

b) Có: BCNN (6, 9, 12) = 36

c) Có: BCNN (24, 21) = 168

d) Có: BCNN (36, 24) = 72

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 5**

**Bài 5 :**

Gọi Số bông sen chị Hòa có là: x ( bông, x N\*, 200 x 300)

Theo bài ra => x BC ( 3, 5, 7)

Ta có: 3 = 3

           5 = 5

           7 = 7

=> BCNN(3, 5, 7) = 3 .5. 7 = 105

=> x BC( 3, 5, 7) = { 0; 105; 210; 315; …}

Mà 200 x 300 => x = 210

Vậy số bông sen chị Hòa có 210 bông.

*- GV cho HS đọc và tìm hiểu thềm phần «***Em có biết***» - SGK – tr44*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Đọc và ghi nhớ nội dung chính của bài.

- Vận dụng kiến thức làm bài tập  **6 + 7 + 8 (SBT- tr35, 36)**

- Đọc và tìm hiểu trước bài sau: “**Hoạt động thực hành và trải nghiệm”:**

+ Ôn lại nội dung kiến thức về ước, ước chung, ước chung lớn nhất và phép chia hai số tự nhiên.

+Mỗi HS chuẩn bị 1 HCN có chiều dài 28 cm, chiểu rộng 16cm; thước kẻ, bút chì màu.

# NS: 5/11/2024

ND:11/11/2024

# Tiết 31. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Biết chia hình chữ nhật thành các ô vuông đều nhau ( kích thước được cho bởi bài toán ƯC, ƯCLN)

- Tìm hiểu về dân số và diện tích của các quốc gia, biết cách tính mật độ dân số và nhận biết xem quốc gia nào có mật độ dân số lớn nhât, nhỏ nhất.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Vận dụng được kiến thức tìm ước, ước chung, ước chung lớn nhất vào bài thực hành.

+ Vận dụng được kiến thức về phép chia hai số tự nhiên để giải quyết một vấn đề thực tiễn

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, bài giảng, giáo án ppt, phiếu bài tập; phòng máy

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; chuẩn bị cắt trước tấm bìa trắng thành hình chữ nhật có kích thước 28 × 16, kéo, thước kẻ, bút chì màu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Củng cố lại kiến thức cho HS.

+ Gợi mở vấn đề, dẫn dắt vào bài mới.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hỏi đáp kiến thức cũ nhanh qua các câu hỏi sau:

+ Nêu các bước tìm ƯCLN của hai hay nhiều số tự nhiên.

+ Nêu cách tìm ƯC từ ƯCLN.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS chú ý, nhớ lại kiến thức và giơ tay phát biểu

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV mời 1 HS phát biểu đối với mỗi 1 câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài thực hành.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**Hoạt động 1: Chia hình chữ nhật thành các ô vuông**

**a) Mục tiêu:**

+ Củng cố kiến thức tìm ước, ước chung, ước chung lớn nhất.

+ Vận dụng được kiến thức tìm ước, ước chung, ước chung lớn nhất để thực hiện được các hoạt động theo yêu cầu.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Hình chữ nhật được chia đều thành các ô vuông theo yêu cầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV kiểm tra và đánh giá phần chuẩn bị của HS.

- GV hướng dẫn HS thực hiện theo nhóm đôi theo các yêu cầu sau:

+ Tìm ƯCLN(28,16)

+ Sử dụng thước kẻ, bút để chia hết tờ giấy hình chữ nhật đã chuẩn bị thành các hình vuông bằng nhau: mỗi hình vuông có độ dài cạnh bằng ƯCLN ( 28, 16) cm.

+ Tô màu các ô vuông của hình chữ nhật sao cho hai ô liền nhau không cùng màu

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.

- GV: quan sát và trợ giúp HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Hai HS lên bảng tìm ƯCLN(28, 16)

- Sau khi hoàn thành sản phẩm, các nhóm nộp lại cho GV.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá chung quá trình thực hành của các nhóm.

**Hoạt động 2: Tìm hiểu diện tích và dân số của các quốc gia.**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng được kiến thức về phép chia hai số tự nhiên để giải quyết vấn đề thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK, phiếu bài tập và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành được phiếu bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS quan sát SGK, phiếu bài tập và cho HS đọc phần **Tiến hành hoạt động**.

- GV hướng dẫn HS tra cứu và tìm kiếm các thông tin về dân số và diện tích của 10 quốc gia trong phiếu bài tập.

- HS hoàn thành yêu cầu của **Hoạt động 2** vào phiếu bài tập dưới sự hướng dẫn của GV.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành yêu cầu.

- GV: quan sát và trợ giúp HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS hoàn thành phiếu bài tập.

- Sau khi hoàn thành xong bảng, HS giơ tay phát biểu trình bày miệng ( quốc gia có mật độ dân số lớn nhất, nhỏ nhất.)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, tổng kết.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**Họ và tên : ………………………….**

**Lớp :………**

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

**PHIẾU BÀI TẬP**

**Tìm hiểu diện tích và dân số quốc gia.**

a = b.q + r trong đó : a là dân số.

b là diện tích

q là mật độ dân số của mỗi quốc gia ( người/km2)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Quốc gia** | **Dân số ( người)** | **Diện tích (km2)** | **q** | **r** |
| 1 | Việt Nam | 96 208 984 | 331 231 | 290 | 151 994 |
| 2 | Nhật Bản |  |  |  |  |
| 3 | Malaysia |  |  |  |  |
| 4 | Hàn  Quốc |  |  |  |  |
| 5 | Philippin |  |  |  |  |
| 6 | Ai Cập |  |  |  |  |
| 7 | Mỹ |  |  |  |  |
| 8 | Nga |  |  |  |  |
| 9 | Thái Lan |  |  |  |  |
| 10 | Pháp |  |  |  |  |

***Kết luận :***

- Quốc gia có mật độ dân số lớn nhất là :

…………………………………………….

- Quốc gia có mật độ dân số nhỏ nhất là :

……………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại nội dung kiến thức toàn bộ các bài trong chương.

- Xem các bài tập : “**Bài tập cuối chương I”**

- Làm trước các bài tập trắc nghiệm và các bài tập tự luận: **1, 2, 3, 4** ( SGK –tr45,46).

NS:5/11/2024

# ND: 21/11/2024 TIẾT 32- 33 : BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 1

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

***-*** HS củng cố, rèn luyện kĩ năng:

+ Biểu diễn tập hợp.

+ Thực hiện phép toán cộng, trừ, nhân, chia và lũy thừa với số mũ tự nhiên.

+ Vận dụng tính chất chia hết của một tổng.

+ Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.

+ Tìm các ước và bội.

+ Phân tích một số tự nhiên nhỏ thành tích các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.

+ Tìm ƯCLN, BCNN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.

+ Tìm ƯC, BC thông qua ƯCLN, BCNN.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Nâng cao kĩ năng giải toán.

+ Gắn kết các kĩ năng bài học lại với nhau.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, giáo án tài liệu, 5 bút dạ ( gốm 1 đỏ và 4 xanh hoặc đen)

**2 - HS** : SGK; đồ dùng học tập, giấy A1 theo tổ.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại kiến thức từ đầu chương tới giờ.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Nội dung kiến thức từ bài 1 ->bài 13.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm hoạt động theo kĩ thuật khăn trải bàn và tổng hợp ý kiến vào giấy A1 thành sơ đồ tư duy theo các yêu cầu như sau:

+ Nhóm 1: Hai cách mô tả một tập hợp và ví dụ; Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia; các tính chất và lũy thừa với số mũ tự nhiên.

+ Nhóm 2: Chia hết và chia có dư; Tính chất chia hết của một tổng; Dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 3, 9 và ví dụ

+ Nhóm 3: Khái niệm ước và bội; Cách tìm ước và bội; Khái niệm số nguyên tố, hợp số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố và các cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

+ Nhóm 4: Khái niệm ước chung, ước chung lớn nhất, bội chung, bội chung nhỏ nhất; Các bước tìm ƯCLN, BCNN bằng cách phân tích ra thừa số nguyên tố; Cách tìm ƯC, BC thông qua ƯCLN, BCNN.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý , thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Sau khi hoàn thành thảo luận: Các nhóm treo phần bài làm của mình trên bảng và sau khi tất cả các nhóm kết thúc phần thảo luận của mình GV gọi bất kì HS nào trong nhóm đại diện trình bày.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS trình bày miệng chữa bài tập trắc nghiệm :***Câu 1** *->* **Câu 6.**

**1. C ; 2. C ; 3. D; 4.C ; 5.D ; 6.C.**

*- GV yêu cầu HS chữa các bài tập* **1, 2, 3, 7** *( SGK-tr46)*

**Bài 1 :**

**a)** A = 37 . 173 + 62 . 173 + 173

        = 173 . (37 + 62 + 1)

        = 173 . 200

        = 17 300

**b)** B = 72 . 99 + 28 . 99 – 900

       = 99 . (72 + 28) – 900

       = 9 900 – 900

       = 9 000

**c)** C = 23 . 3 – (110 + 15) : 42

       = 8 . 3 – (1 + 15) : 42

       = 8 . 3 – 16 : 42

       = 8 . 3 –  1

       = 8 . 3 – 1

       = 23

**d)** D = 62 : 4 . 3 + 2 . 52 – 2100.

        = 36 : 4 . 3 + 2 . 25 - 1

        = 27 + 50 – 1

        = 76

**Bài 2:**

**a)**  chia hết cho 2 và 5 khi chữ số tận cùng của nó là 0

=> y = 0

 chia hết cho 3 khi tổng các chữ số của nó cũng chia hết cho 3

Nên 1 + 2 + x + 0 + 2 + 0 ⋮ 3

=> x + 5 ⋮ 3 và 0 ≤ x ≤ 9

=> x ∈ {1; 4; 7}

Vậy để  chia hết cho 2; 3 và 5 thì **y = 0** và **x ∈ {1; 4; 7}.**

**b)**  chia hết cho 5 mà không chia hết cho 2 khi chữ số tận cùng của nó là 5

=> y = 5

chia hết cho 9 khi tổng các chữ số của nó cũng chia hết cho 9

Nên 4 + 1 + 3 + x + 2 + 5 ⋮ 3

=> x + 15 ⋮ 9 và 0 ≤ x ≤ 9

=> x = 3

Vậy để  chia hết cho 5 và 9 mà không chia hết cho 2 thì **y = 5** và **x = 3.**

**Bài 3 :**

**a)** Theo đề bài: 84 a và 180 a => a ∈ ƯC(84, 180) và a > 6.

Ta có: 84 = 22 . 3 . 7

           180 = 22 . 32 . 5

ƯCLN(84, 180) = 22 . 3

=> a ∈ ƯC(84, 180) = Ư(12) = {1; 2; 3; 4; 6; 12}

Mà a > 6.

=> a = 12

Vậy A = {12}.

**b)** Vì b 12, b 15, b 18 nên b ∈ BC(12, 15, 18) và 0 < b < 300

Ta có: 12 = 22 . 3

           15 = 3 . 5

           18 = 2 . 32

=> BCNN(12, 15, 18) = 22 . 32 . 5 = 180

=> b ∈ BC(12, 15, 18) = B(180) = {0; 180; 360;…}

Mà  0 < b < 300

=> b = 180

Vậy B = {180}.

**Bài 7:**

**a)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | 8 | 24 | 140 |
| b | 10 | 28 | 60 |
| ƯCLN(a, b) | 2 | 4 | 20 |
| BCNN(a, b) | 40 | 168 | 420 |
| ƯCLN(a, b) . BCNN(a, b) | 80 | 672 | 8 400 |
| a.b | 80 | 672 | 8 400 |

**b)** Nhận xét: Từ bảng trên ta thấy:

a . b = ƯCLN(a, b) . BCNN(a, b)

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.*

*- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 4+ 5+ 6+ 8 ( SGK –tr46,47)**

**Bài 4 :**

Số tiền lớp 6A bỏ ra để nhập hàng là:

100 . 16 500 + 70 . 9 800 = 2 336 000 (đồng)

Số tiền lớp 6A bán được là:

93 . 20 000 + 64 . 15 000 = 2 820 000 (đồng)

Số tiền lãi lớp 6A thu được là:

2 820 000 - 2 336 000 = 484 000 (đồng) < 500 000 (đồng)

Vậy: Với mục tiêu số tiền lãi thu được là 500 000 đồng thì lớp 6A **không hoàn thành** mục tiêu đã đề ra.

**Bài 5 :**

Lần 1: Phân chia thành 2 tế bào con

Lần 2: Phân chia thành 4 tế bào con => 4 = 22

Lần 3: Phân chia thành 8 tế bào con => 8 = 23

=> Ta nhận thấy các tế bào phân chia theo lũy thừa của cơ số 2.

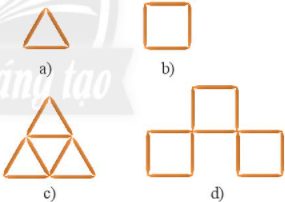
Vậy:

Số tế bào con có được sau lần phân chia thứ tư là: 24 = **16** tế bào

Số tế bào con có được sau lần phân chia thứ năm là: 25 = **32** tế bào

Số tế bào con có được sau lần phân chia thứ sáu là: 26 = **64** tế bào.

**Bài 6:**



a) Ở trường hợp a, Huy dùng 3 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: 36 : 3 = **12** hình.

b) Ở trường hợp b, Huy dùng 3 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: 36 : 4 = **9** hình.

c) Ở trường hợp c, Huy dùng 9 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: 36 : 9 = **4** hình.

d) Ở trường hợp d, Huy dùng 12 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: 36 : 12 = **3** hình.

**Bài 8:**

Gọi: Số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm có thể chia được là: x ( túi, x N\*)

Theo đề bài => x = ƯCLN( 48, 32, 56)

48 = 24.3

32 = 25

56 = 23.7

* ƯCLN( 48, 32, 56) = 23 = 8

Vậy số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm có thể chia được là : 8 túi.

Khi đó, số lượng vở trong mỗi túi là : 48 : 8 = 6 ( quyển)

số lượng thước kẻ trong mỗi túi là : 32 : 8 = 4 ( chiếc)

số lượng bút chì trong mỗi túi là : 56 : 8 = 7 (chiếc)

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể)  - Đánh giá đồng đẳng: HS tham gia vào việc đánh giá sản phẩm học tập của các HS khác | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp thuyết trình | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận.  - Sơ đồ tư duy |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm nốt Bài 9 (SGK - tr 47)

- Xem trước nội dung chương mới và đọc trước bài mới “ **Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên”**

**NS:16/11/2024**

**ND:18/11/2024**

**CHƯƠNG 2: SỐ NGUYÊN**

# TIẾT 34 +35: SỐ NGUYÊN ÂM VÀ TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được số nguyên âm, số nguyên dương, tập hợp các số nguyên và ý nghĩa của chúng trong đời sống thực tế.

- Nhận biết được số đối của một số nguyên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Đọc và viết được số nguyên dương và số nguyên âm trong các ví dụ thực tiễn

+ Mô tả được tập hợp số nguyên và biết cách biểu diễn số nguyên không quá lớn trên trục số.

+ Tìm số đối của một số nguyên.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; năng lực giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** PPT trình chiếu hoặcmột số đồ vật hoặc tranh ảnh có số nguyên âm ( số âm nói chung) và các dụng cụ vẽ hình ( để vẽ trục số).

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK, có thể tìm hiểu trước số nguyên âm và số âm nói chung.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ hứng thú học tập.

- HS nhận biết ban đầu về số âm và số dương và thấy nó xuất hiện trong những hình ảnh, đồ vật, bản tin trong đời sống.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK, hình ảnh trên màn chiếu .

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS đọc và trả lời câu hỏi phần HĐKĐ trong SGK.

- GV chiếu hình ảnh và giới thiệu “ Đồng hồ đo nhiệt độ trong phòng”, “Nhiệt kế thủy ngân vàng” và đặt vấn đề: Các em thấy ngoài các số quen thuộc như số tự nhiên 10, 20, 30 là những số dương, còn có các số với dấu “-”đứng trước, đó là các số âm. Vậy số âm có ý nghĩa gì trong đời sống và có quan hệ như thế nào với các số đã học?”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Từ các ví dụ trên chúng ta sẽ đi tìm hiểu rõ hơn về tập hợp số nguyên.”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Làm quen với số nguyên âm**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết số nguyên âm, biết cách đọc, viết và thấy được sự cần thiết phải xây dựng tập hợp số nguyên âm để thực hiện được phép trừ hai số tự nhiên tùy ý.

- HS nhận biết ý nghĩa số âm trong một số tình huống thực tế.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

+ HS nhận biết và đọc viết được số nguyên âm, số nguyên dương.

+ HS hoàn thành được phần ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc, sau đó hướng dẫn và cho HS trao đổi nhóm đôi thực hiện hoàn thành các yêu cầu của **HĐKP1.**  - GV giảng, phân tích, dẫn dắt cho HS rút ra khái niệm số nguyên âm.  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 1 để học sinh rõ hơn về cách đọc số nguyên âm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK và trả lời theo yêu cầu của GV  - GV: quan sát và trợ giúp các nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Lắng nghe, ghi chú, phát biểu  - HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại dấu hiệu nhận biết số nguyên âm và cách đọc số nguyên âm. | **1. Làm quen với số nguyên âm**  **HĐKP1:**  a) – Các chỉ số nhiệt độ ở trên mực 0: 10 độ C, 20 độ C, 30 độ C, 40 độ C, 50 độ C      – Các chữ số nhiệt độ ở dưới mực 0 có mang dấu âm ( - ).  b) Các bậc thang có mang dấu trừ nằm ở dưới mực nước biển.  c) Những phép tính thực hiện được trên tập hợp số tự nhiên là 2 - 5.  **=> Số nguyên âm** được ghi như sau: -1; -2; -3; … và được đoc là: âm một, âm hai, âm ba,…  **Thực hành 1:**  **-4oC :** Âm bốn độ xê.  **-10oC:** Âm mười độ xê.  **-23oC:** Âm hai ba độ xê. |

**Hoạt động 2: Tập hợp số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- HS ôn lại tập hợp số tự nhiên và làm quen với tập hợp các số nguyên; biết cách đọc, viết số nguyên.

- Củng cố lại cách dùng kí hiệu và .

- Vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn, áp dụng kiến thức liên môn, vận dụng tổng hượp các kĩ năng thông qua việc:

+ Tính tiền lãi hoặc lỗ trong mua bán.

+ Tính các độ cao trên hoặc dưới mực nước biển của nhà giàn.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc, trao đổi **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt, giới thiệu cho HS:  + Các số tự nhiên khác 0 còn được gọi là số nguyên dương .  + Số nguyên dương có thể được viết là: +1;+2;+3;… hoặc thông thường bỏ đi dấu “+” và chỉ ghi là: 1; 2; 3;…  + Các số -1; -2; -3;… là các số nguyên âm.  + Số 0 không phải là số nguyên âm và cũng không phải là số nguyên dương.  - GV cho 1 vài HS đọc lại nội dung trong SGK về khái niệm, kí hiệu tập số nguyên.  - GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 2.**  - GV cho HS đọc nội dung mở rộng trong SGK (tr50,51) và phân tích thêm cho HS hiểu sự cần thiết của số nguyên trong thực tiễn.  - HS đọc hiểu Ví dụ 3.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành **Thực hành 3.**  - GV cho HS trao đổi, thảo luận hoàn **Vận dụng**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - GV giảng, phân tích.  - HS chú ý lắng nghe hoàn thành các yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS chú ý lắng nghe, giơ tay phát biểu và trình bày miệng tại chỗ; HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV : kiểm tra, chữa và nêu kết quả.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | | **2. Tập hợp số nguyên**  **\* HĐKP2:**  = { …; -4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3;…} là tập hợp gồm các số tự nhiên và số đối của số tự nhiên.  => Tập hợp gồm các số nguyên âm, số 0 và số nguyên dương được gọi là **tập hợp số nguyên.**  Kí hiệu:  = { …; -4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3;…}  **Thực hành 2:**  a) -4 => Đúng  b) 5 => Đúng  c) 0 => Đúng  d) -8 => Sai. Vì -8  e) 6 => Đúng  g) 0 => Đúng  **Thực hành 3:**  - Độ cao của đỉnh Phan – xi – băng là **3 143** m.  - Độ sâu của đáy vịnh Cam Ranh là **- 32** m.  - Độ cao của đỉnh Everest là **8 848** m.  - Độ sâu của đáy khe Mariana là **– 10 994** m.  - Độ sâu của đáy sông Sài Gòn là **– 20**m.  **Vận dụng:**  a) Các số nguyên chỉ số tiền lãi là: **200** (nghìn đồng); **180** (nghìn đồng); **140** (nghìn đồng).      Các số nguyên chỉ số tiền lỗ là:**- 50** (nghìn đồng); **- 80** (nghìn đồng).      Số nguyên chỉ số tiền hòa vồn là: **0** (nghìn đồng).  b) Các số nguyên chỉ độ cao của hệ thống nhà giàn là:  - 15m; -9m; -4m; 8m; 18m; 25m. |

**Hoạt động 3: Biểu diễn số nguyên trên trục số**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhớ lại được tia số và thứ tự của các số tự nhiên.

+ Tìm hiểu về biểu diễn các số trên trục số

+ Luyện kĩ năng vẽ trục số và biểu diễn các số nguyên trên trục số đó.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hiện **HĐKP3** theo yêu cầu sau:  *+ Vẽ một đường thẳng nằm ngang, trên đó đánh dấu các điểm cách đều nhau như trong hình.*  *+ Chọn một điểm để ghi số 0 và gọi đó là điểm 0, các điểm bên phải điểm 0 biểu diễn các số nguyên dương và được ghi là 1; 2; 3; … Các điểm bên trái điểm 0 biểu diễn các số nguyên âm và được ghi là -1; -2; -3;..*  - GV vẽ hình, giảng và phân tích về trục số biểu diễn tập hợp các số nguyên.  - GV cho 1, 2 HS đọc lại nội dung trong SGK.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 4.**  - Gv lưu ý cho HS:  Ta cũng có thể vẽ trục số thẳng đứng. Khi đó, chiều từ dưới lên trên là chiều dương, chiều từ trên xuống dưới là chiều âm của trục số.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoàn thành yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.  - GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu vào vở.  - 2HS lên bảng vẽ trục số.  - GV : kiểm tra, chữa và nêu kết quả.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **3. Biểu diễn số nguyên trên trục số**  **HĐKP3:**    - Hình biểu diễn các số nguyên như trên gọi là **trục số**.  - Điểm 0 ( không) được gọi là **điểm gốc** trục số.  - Chiều từ trái sang phải gọi là **chiều dương**, chiều từ phải sang trái gọi là **chiều âm** của trục số.  - Điểm biểu diễn số nguyên a trên trục số gọi là điểm a.  **Thực hành 4:**    *\* Chú ý:* Ta cũng có thể vẽ trục số thẳng đứng.    Khi đó, chiều từ dưới lên trên là chiều dương, chiều từ trên xuống dưới là chiều âm của trục số. |

**Hoạt động 4 : Số đối của một số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS nhận biết số đối của một số nguyên, đặc điểm cơ bản của hai số nguyên đối nhau.

- Biết cách tìm số đối của một số nguyên.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn, yêu cầu HS hoàn thành **HĐKP4**.  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra khái niệm hai số đối nhau.  - GV yêu cầu 1, 2 HS đọc lại khái niệm hai số đối nhau trong SGK.  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 5.  - GV lưu ý cho HS phần Chú ý.  - GV yêu cầu HS vận dụng hoàn thành **Thực hành 5**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoàn thành yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.  - GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS chú ý lắng nghe, giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - GV : kiểm tra, chữa và nêu kết quả.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **4. Số đối của một số nguyên.**  **HĐKP4:**    Trên trục số, mỗi điểm -6; 6 cách điểm 0: sáu đơn vị.  => Hai số nguyên trên trục số nằm ở hai phía của điểm 0 và cách đều điểm 0 được gọi là **hai số đối nhau.**  ***\* Chú ý:***  - Số đối của số nguyên dương là một số nguyên âm.  - Số đối của một số nguyên âm là một số nguyên dương.  - Số đối của 0 là 0.  **Thực hành 5:**  Số đối của **5** là **– 5**.  Số đối của**- 4** là **4**.  Số đối của **- 10** là **10**.  Số đối của **2 020** là **– 2 020**. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 2 ; 3 ; 4 ; 6 ( SGK – tr53, 54)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành vở.*

**Bài 2 :**

a) 9 => Đúng

b) -6 => Sai. Vì -6

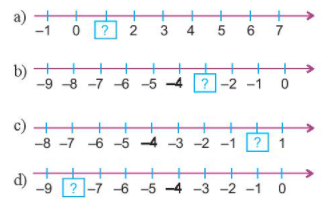
c) -3 => Đúng

d) 0 => Đúng.

e) 5 => Đúng

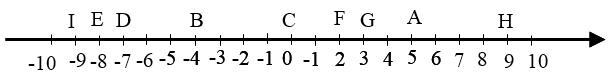
g) 20 => Đúng

**Bài 3:**



a) 1 ; b) -3 ; c) 0 ; d) -8

**Bài 4:**



**Bài 6:**

Số đối của**– 5** là **5**.

Số đối của **– 10** là**10**.

Số đối của **4** là **- 4**.

Số đối của **0** là**0.**

Số đối của **– 100** là **100**.

Số đối của **2 021** là **– 2 021**

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức, làm các bài tập vận dụng.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* ***bài******1 ; 5*** *( SGK – tr53, 54)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận, hoàn thành vở và trình bày.*

**Bài 1**:

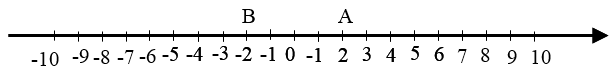
a) Thưởng 5 điểm trong cuộc thi đấu ; +5

b) Bớt 2 điểm vi phạm luật : -2

c) Tăng 1 bậc lương do làm việc hiệu quả : +1

d) Hạ 2 bậc xếp loại do thi đấu kém : -2

**Bài 6 :**



Những điểm A, B nằm cách điểm 0 hai đơn vị biểu diễn các số nguyên **2** và **– 2**.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

  **Đồng hồ đo nhiệt độ trong phòng Nhiệt kế thủy ngân vàng**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ kiến thức đã học, tự lấy được các ví dụ về số nguyên.

- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **1+ 2+ 6 + 7** (SBT- tr46, 47).

- Chuẩn bị bài mới “ **Thứ tự trong tập hợp số nguyên**”.

Ngày soạn: 24/11/2024

Ngày dạy:25/11/2024

# TIẾT 36: THỨ TỰ TRONG TẬP HỢP SỐ NGUYÊN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số nguyên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ So sánh được hai số nguyên.

+ Vận dụng được việc sắp thứ tự các số nguyên trong các môn học hoặc trong một số tình huống thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; năng lực giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, Tài liệu giáo án, giáo án ppt

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gây sự chú ý của HS vào chủ đề bài học.

- HS hình thành nhu cầu so sánh hai số nguyên.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK, hình ảnh trên màn chiếu .

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide hoặc cho HS quan sát SGK đọc và trả lời câu hỏi phần **HĐKĐ1** trong SGK:

“Nhiệt độ trung bình trong tháng Một tại hai địa điểm: Vostok ( Vô –xtốc) và Ottawa ( Ốt - ta - oa) lần lượt là -31oC và -7oC. Theo em, trong tháng Một, nơi nào lạnh hơn?”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi, thảo luận hoàn thành câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “ Làm thế nào để so sánh số nguyên âm?”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: So sánh hai số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- Tìm hiểu về biểu diễn các số trên trục số và biết so sánh hai số nguyên qua vị trí điểm biểu diễn của chúng trên trục số.

- Luyện kĩ năng so sánh hai số nguyên và vận dụng quy tắc so sánh hai số nguyên vào tình huống thực tế.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK,tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV vẽ hình, nhắc lại kiến thức cũ và dẫn dắt:  Cho hai số tự nhiên a và b. Ta đã biết trên tia số nếu điểm a nằm trước điểm b thì a < b. Đối với số nguyên, điều đó còn đúng hay không?  - GV vẽ hình, giảng và phân tích về trục số biểu diễn tập hợp các số nguyên.  b  a  0  - GV cho một vài HS đọc nội dung kiến thức trong SGK.  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 1.  - GV lưu ý cho HS phần Nhận xét như trong SGK.  - GV yêu cầu HS vận dụng quy tắc so sánh hoàn thành phần **Thực hành.**  - GV cho HS trao đổi, thảo luận hoàn thành **Vận dụng 1**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK, chú ý lắng nghe và hoàn thành theo yêu cầu của GV  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Lắng nghe, ghi chú, phát biểu  - HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá quá trình học tập và chốt kiến thức. | **1. So sánh hai số nguyên**  **HĐKP1:**  Trong tháng Một, Ottawa lạnh hơn. Bởi vì – 37 < - 7 (nhiệt độ ở Ottawa là – 37 oC thấp hơn nhiệt độ ở Vostok là – 7oC.  => **Khi biểu diễn hai số nguyên a, b trên trục số nằm ngang, nếu điểm a nằm bên trái điểm b thì ta nói a nhỏ hơn b hoặc b lớn hơn a và ghi là: a < b hoặc b > a.**  b  a  0  *\* Nhận xét*:  - Mọi số nguyên dương đều lớn hơn số 0.  - Mọi số nguyên âm đều nhỏ hơn số 0.  - Mọi số nguyên âm đều nhỏ hơn bất kì số nguyên dương nào.  - Với hai số nguyên âm, số nào có số đối lớn hơn thì số đó nhỏ hơn.  **Thực hành:**  a) – 10 < - 9  b) 2 > - 15  c) 0 > - 3  **Vận dụng 1:**  Trong ba số nguyên đã cho thì:  a là số nguyên dương  b là số nguyên âm  c bằng 0. |

**Hoạt động 2: Thứ tự trong tập hợp số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện kĩ năng so sánh hai số nguyên và vận dụng kĩ năng so sánh số nguyên âm vào một tình huống thực tế.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc, trao đổi và làm **HĐKP2.**  - GV phân tích và cho HS đọc hiểu và trình bày lại *Ví dụ 2.*  - GV cho HS trao đổi, hoàn thành **Vận dụng 2.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS giơ tay phát biểu và trình bày miệng tại chỗ; HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV : kiểm tra, chữa và nêu kết quả.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2. Tập hợp số nguyên**  **\* HĐKP2:**  Thứ tự tăng dần của các số: - 5 < - 2 < 0 < 2 < 4.  *Ví dụ 2:*  Năm 2560 TCN viết dưới dạng số nguyên là -2560  Năm 2018 viết dưới dạng số nguyên là 2018.  Có: -2560 < 2018  => Công trình xây dựng kim tự tháp Kheops, Ai Cập được hoàn thành trước.  **Vận dụng 2:**  Vì: - 180 (m) > - 1 000 (m) > - 4 000 (m) > - 6 000 (m)  Nên ta sắp xếp các sinh vật biển theo thứ tự giảm dần của độ cao của môi trường sống như sau: Cá cờ xanh (Blue marlin); Cá hố (Ribbon fish); Cá đèn (Lantern fish); Sao biển (Brittle fish). |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1 ;2 ; 3 ; 4  ( SGK – tr58)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành vở.*

**Bài 1 :**

a) 6**>** 5

b) – 5 **<** 0

c) – 6 **<** 5

d) – 8 **<** -6

e) 3 **>** - 10

g) – 2 **>** - 5.

**Bài 2:**

Số đối của –**5** là **5**.

Số đối của –**4** là **4**.

Số đối của **– 1** là **1**.

Số đối của **0** là **0**.

Số đối của **10** là **– 10**.

Số đối của **– 2 021** là **2** **021**.

**Bài 3:**

Sắp xếp theo thứ tự tăng dần: - 8 < - 6 < - 4 < - 2 < 0 < 2 < 4 < 6 < 8.

Biểu diễn trên trục số:



**Bài 4:**

**a)** A = {- 3; - 2}

**b)** B = {- 1; 0; 1; 2}

**c)** C = {- 2; -1}

**d)** D = {0; 1; 2; 3; 4; 5}

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức, làm các bài tập vận dụng.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* ***bài 5*** *( SGK – tr56)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận, hoàn thành vở và trình bày.*

**Bài 5:**

Sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao nhiệt độ như sau: –51 oC < -15 oC < –2 oC < 8 oC < 12 oC.

Vậy các địa điểm có nhiệt độ theo thứ tự từ thấp đến cao lần lượt là: Alaska (A-la-xca); New York (Niu Oóc); Montana (Mon– ta–na); Florida (Phlo-ra-đa); Hawaii (Ha–oai).

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ kiến thức đã học.

- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **2+ 4** (SBT- tr 49).

- Chuẩn bị bài mới “ **Phép cộng và phép trừ số nguyên**”.

# NS:25/11/2024

# ND:27/11/2024 TIẾT 37-39

# BÀI 3: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ HAI SỐ NGUYÊN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được các quy tắc cộng, trừ số nguyên.

- Nhận biết được tính chất của phép cộng số nguyên.

- Nhận biết được số đối của một số nguyên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Thực hiện được các phép cộng trong tập hợp số nguyên.

+ Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng các số nguyên trong tính toán.

+ Thực hiện được các phép trừ trong tập hợp số nguyên.

+ Có kĩ năng chuyển được phép trừ sang phép cộng với số đối trong tính toán.

+ Giải được một số bài toán liên quan đến cộng và trừ số nguyên có nội dung thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; năng lực giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:**  Chuẩn bị vẽ sẵn ( trên giấy hoặc tệp trình chiếu) hình minh họa một số phép toán sẽ sử dụng trong bài.

**2 - HS** : Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, đọc lại vấn đề biểu diễn số nguyên trên trục số và minh họa phép cộng số tự nhiên bằng tia số.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Giúp HS nhận thức nhu cầu sử dụng các phép tính cộng, trừ số nguyên. HS hiểu bài toán mở đầu dẫn đến phép cộng hai số âm (-3) + (-5).

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu “ Nhiệt độ ban ngày ở Sapa vào một ngày mùa dông là -3oC . Nếu ban đêm giảm thêm 5oC nữa thì nhiệt độ ở đó sẽ là bao nhiêu?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Bài toán mở đầu dẫn đến phép cộng hai số âm (-3) + (-5). Để biết cách tính kết quả chính xác tổng của hai số nguyên trên, cũng như hiểu rõ hơn về các tính chất của phép cộng, phép trừ, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Cộng hai số nguyên cùng dấu**

**a) Mục tiêu:**

+ Tìm hiểu về cách cộng hai số nguyên bằng cách biểu diễn trên trục số.

+ Hình thành kĩ năng cộng hai số nguyên.

+ Củng cố ý nghĩa số nguyên âm và kĩ năng cộng hai số nguyên âm trong bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc, tìm hiểu đề **HĐKP1.**  - GV phân tích, hướng dẫn, yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP1.**  - GV dẫn dắt, đi đến quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu trong hộp kiến thức.  - GV cho 1 số HS đọc lại quy tắc.  - GV phân tích, nhấn mạnh cho HS:  **Tổng của hai số nguyên cùng dấu luôn cùng dấu với hai số nguyên đó:**  + Tổng của hai số nguyên âm là một số nguyên âm:  **(-a) + (-b) = - (a +b)**  + Tổng của hai số nguyên dương là một số nguyên dương:  **(+a) + (+b) = a + b**  - GV hướng dẫn, phân tích *Ví dụ 1* để HS hiểu rõ quy tắc.  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **Vận dụng 1.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Quy tắc cộng hai số cùng dấu.** | **1. Cộng hai số nguyên cùng dấu**  **HĐKP1:**  a) Kết quả của hành động trên là:  (+2) + (+3) = +5    b) Kết quả của hành động trên là:  (-2) + (-3) = -5    - Kết quả trên cho thấy điểm mà người đó dừng lại bằng với số đối của tổng (2+3).  =>  - Muốn **cộng hai số nguyên dương**, ta cộng chúng như cộng hai số tự nhiên.  - Muốn **cộng hai số nguyên âm**, ta cộng hai số đối của chúng rồi thêm dấu trừ đằng trước kết quả.  - Tổng của hai số nguyên cùng dấu luôn cùng dấu với hai số nguyên đó.  *Chú ý:*  Cho a, b là hai số nguyên dương, ta có:  (+a) + (+b) = a + b  (-a) + (-b) = - (a +b)  **Thực hành 1:**  a) 4 + 7 = 11  b) (-4) + (-7) = - (4+7) = -11  c) (-99) + (-11) = - (99+11) = -110  d) (+99) + (+11) = + (99+11) = 110  e) (-65) + (-35) = - (65 + 35) = -100  **Vận dụng 1:**  Bác Hà nợ bác Lan 80 nghìn đồng được biểu diễn: -80 (nghìn đồng)  Bác Hà nợ bác Lan 40 nghìn đồng được biểu diễn: -40 (nghìn đồng)  => Tổng số tiền bác Hà nợ bác Lan là:  (-80) + (-40) = **-120** (nghìn đồng) |

**Hoạt động 2: Cộng hai số nguyên khác dấu**

**a) Mục tiêu:**

+ Củng cố kĩ năng tìm số đối.

+ Tìm hiểu về cách cộng hai số nguyên khác dấu bằng cách biểu diễn trên trục số.

+ Hiểu quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu và vận dụng vào bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\* Cộng hai số đối nhau:**  - GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm hai số đối nhau.  - GV cho HS đọc, phân tích đề bài **HĐKP2**.  - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm hoàn thành **HĐKP2**  - GV cho HS nhận xét, rút ra kiến thức: **Tổng hai số nguyên đối nhau luôn bằng 0** : **a + (-a) = 0**  - GV yêu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành **Vận dụng 2.**  **\* Cộng hai số nguyên không đối nhau:**  - GV yêu cầu HS thực hiện thảo luận cặp đôi hoàn thành **HĐKP3.**  - GV cho HS rút ra quy tắc **Cộng hai số nguyên không đối nhau** như trong SGK.  - GV yêu cầu một vài HS phát biểu lại quy tắc.  - GV lưu ý cho HS:  Khi cộng hai số nguyên trái dấu:  + Nếu số dương lớn hơn số đối của số âm thì ta có tổng dương.  + Nếu số dương bằng số đối của số âm thì ta có tổng bằng 0.  + Nếu số dương bé hơn số đối của số âm thì ta có tổng âm.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm bốn đọc hiểu *Ví dụ 2* và *Ví dụ 3* để hình dung rõ về quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu*.*  - GV yêu cầu HS vận dụng quy tắc hoàn thành **Thực hành 2,** 2 HS lên bảng trình bày.  - GV cho HS thảo luận nhóm làm **Vận dụng 3.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, trình bày bảng, hoàn thành vở.  + HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu.*** | **2. Cộng hai số nguyên khác dấu**  **\* Cộng hai số đối nhau**  **HĐKP2:**  a) Người đó dừng lại tại điểm 0.    - Kết quả của phép tính: (+4) + (-4) = 0.  b) Người đó dừng lại tại điểm 0.    - Kết quả của phép tính: (-4) + (+4) = 0.  **=> Tổng của hai số nguyên đối nhau luôn luôn bằng 0: a + (-a) = 0**  **Vận dụng 2:**  Thẻ tín dụng của bác Tám ghi nợ 2 000 000 đồng được biểu diễn: - 2 000 000 (đồng).  Bác Tám nạp vào thẻ 2 000 000 đồng được biểu diễn: 2 000 000 (đồng).  => Số tiền bác Tám có trong tài khoản là: (- 2 000 000) + 2 000 000 = **0** (đồng). Bởi vì (- 2 000 000) và 2 000 000 là hai số đối nhau.  **\* Cộng hai số nguyên không đối nhau:**  **HĐKP3:**  a) Người đó dừng lại tại điểm +4.    - Kết quả của phép tính:  (-2) + (+6) = 4  b) Người đó dừng tại điểm -4.    - Kết quả của phép tính:  (+2) + (-6) = -4  => Muốn cộng hai số nguyên khác dấu không đối nhau, ta làm như sau:  - Nếu số dương lớn hơn số đối của số âm thì ta lấy số dương trừ đi số đối của số âm.  - Nếu số dương bé hơn số đối của số âm thì ta lấy số đối của số âm trừ đi số dương rồi thêm dấu trước kết quả.  ***Chú ý:***  Khi cộng hai số nguyên trái dấu:  - Nếu số dương lớn hơn số đối của số âm thì ta có tổng dương.  - Nếu số dương bằng số đối của số âm thì ta có tổng bằng 0.  - Nếu số dương bé hơn số đối của số âm thì ta có tổng âm.  **Thực hành 2:**  a) 4 + (-7) = - (7 – 3) = - 3  b) (-5) + 12 = 12 – 5 = 7  c) (-25) + 72 = 72 – 25 = 47  d) 49 + (-51) = - (51 – 49) = -2  **Vận dụng 3:**  a) Ta có: (-3) + 5 = 5 - 3 = 2  => Thang máy dừng lại ở tầng 2.  b) Ta có 3 + (-5) = - (5 - 3) = - 2  => Thang máy dừng lại ở tầng hầm (-3) |

**Hoạt động 3: Tính chất của phép cộng**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết các tính chất của phép cộng.

- Luyện kĩ năng áp dụng các tính chất của phép cộng số nguyên để tính hợp lí.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **a) Tính chất giao hoán:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm hoàn thành **HĐKP4**:  + Nhóm 1 và nhóm 3 tính và so sánh:  **(-1) + (-3) và (-3) + (-1)**  + Nhóm 2 và nhóm 4 tính và so sánh:  **( -7) + (+6) và (+6) + (-7)**  - GV dẫn dắt, cho các nhóm rút ra tính chất giao hoán trong SGK.  - GV lưu ý cho HS : **a + 0 = 0 + a**.  **b) Tính chất kết hợp:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 **HĐKP5**:  Tính và so sánh kết quả:  [(-3) + 4] + 2 ; (-3) + (4+2) ; [(-3) +2] + 4  - GV dẫn dắt cho HS rút ra tính chất kết hợp như trong SGK.  - GV lưu ý cho HS phần Chú ý trong SGK:  + Tổng (a +b) + c hoặc a + (b+c) là tổng của ba số nguyên a, b, c và viết là a + b +c; a, b, c là các số hạng của tổng.  + Để tính tổng của nhiều số, ta có thể thay đổi tùy ý thứ tự các số hạng ( tính giao hoán), hoặc nhóm tùy ý các số hạng ( tính kết hợp) để việc tính toán được đơn giản và thuận lợi hơn.  - GV phân tích mẫu Ví dụ 4 và cho HS trình bày lại vào vở.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 3.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, trình bày bảng, hoàn thành vở.  + HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Các tính chất của phép cộng các số nguyên.*** | **2. Tính chất của phép cộng**  **a) Tính chất giao hoán**  **HĐKP4:**  Ta có:  (-1) + (-3) = - 4  (-3) + (-1) = - 4  => (-1) + (-3) = (-3) + (-1)  Ta có:  (-7) + (-6) = -13  (-6) + (-7) = -13  =>  (-7) + (-6) = (-6) + (-7)  **Phép cộng số nguyên có tính chất giao hoán, nghĩa là:**  **a + b = b + a**  *Chú ý:*  **a + 0 = 0 + a**  **b) Tính chất kết hợp**  **HĐKP5:**  Ta có: [(-3) + 4] + 2 = 1 + 2 = 3             (-3) + (4 + 2) = (-3) + 6 = 3             [(-3) + 2] + 4 = (-1) + 4 = 3  => [(-3) + 4] + 2 = (-3) + (4 + 2) = (-3) + (4 + 2)  **Phép cộng các số nguyên có tính chất kết hợp:**  **( a + b) + c = a + (b + c)**  ***Chú ý:***  + Tổng (a +b) + c hoặc a + (b+c) là tổng của ba số nguyên a, b, c và viết là a + b +c; a, b, c là các số hạng của tổng.  + Để tính tổng của nhiều số, ta có thể thay đổi tùy ý thứ tự các số hạng ( tính giao hoán), hoặc nhóm tùy ý các số hạng ( tính kết hợp) để việc tính toán được đơn giản và thuận lợi hơn.  **Thực hành 3:**  a) 23 + (-77) + (-23) + 77 = [23 + (-23)] + [(-77) + 77] = 0.  b) (-2 020) + 2 021 + 21 + (-22) = [(-2 020) + 2 021] + [21 + (-22)] = 1 + (-1) = 0. |

**Hoạt động 4: Phép trừ hai số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- Tìm hiểu về cách thực hiện phép trừ ( Quy tắc trừ hai số nguyên)

- Hình thành và luyện kĩ năng trừ hai số.

- Áp dụng phép trừ vào bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dẫn dắt: “Ta đã biết phép trừ số tự nhiên a – b ( a b). Còn phép trừ số nguyên thì sao?”  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm trao đổi và hoàn thành **HĐKP6.**  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra nhận xét:  **Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b:**  **a - b = a + (-b)**  - GV hướng dẫn và cho HS đọc hiểu *Ví dụ 5* để hiểu rõ quy tắc trừ.  - GV phân tích cho HS phần Chú ý trong SGK.  - GV hướng dẫn Ví dụ 6 và cho HS trình bày vở.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm và hoàn thành **Thực hành 4**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Quy tắc trừ hai số nguyên .*** | **4. Phép trừ hai số nguyên**  **HĐKP6:**  a) Mũi khoan đang ở độ cao: 5 - 10 = -5 (m) số với mực nước biển.  b) Ta có:  5 - 2 = 3  5 + (-2) = 5 - 2 = 3  => 5 – 2 = 5 + (-2)  **Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b:**  **a – b = a + (-b)**  ***Chú ý:***  - Cho hai số nguyên a và b.. Ta gọi a –b là hiệu của a và b ( a được gọi là số bị trừ, b là số trừ)  - Phép trừ luôn thực hiện được trong tập hợp số nguyên.  => Hiệu của hai số nguyên a và b là tổng của a và số đối của b.  **Thực hành 4:**  a) 6 – 9 = 6 + (-9) = -(9 – 6) = -3  b) 23 – (-12) = 23 + 12 = 35  c) (-35) – (-60) = (-35) + 60 = 60 – 35 = 25  d) (-47) – 53 = (-47) + (-53) = - (47 + 53) = -100  e) (-43) – (-43) = (-43) + 43 = 0 |

**Hoạt động 5 : Quy tắc dấu ngoặc**

**a) Mục tiêu:**

- Làm quen, nhận biết quy tắc dấu ngoặc.

- Làm quen với việc bỏ dấu ngoặc trong trường hợp trong ngoặc chỉ có một số âm (hoặc dương) và mở rộng khái niệm tổng.

- Khám phá và hình thành kĩ năng vận dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm tổ chức thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn hoàn thành **HĐKP7.**  - GV, dẫn dắt, giảng và phân tích cho HS cách bỏ dấu ngoặc trong trường hợp đơn giản.  - GV cho một vài HS đọc lại quy tắc trong SGK.  - GV yêu cầu HS đọc hiểu Ví dụ 7 và trình bày lại vào vở.  - Gv kiểm tra độ hiểu bài của HS qua việc yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 5.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, hoàn thành vở, lên bảng trình bày.  + HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và lưu ý những sai lầm HS hay mắc và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Quy tắc dấu ngoặc.** | **HĐKP7:**  a) Ta có:   * (4 + 7) = - 11 * (-4 - 7) = - (4 + 7) = -11   => - (4 + 7) = (-4 - 7)  b) Ta có:   * (12 - 25) = (-12) + 25 = 13 * (-12 + 25) = 25 – 12 = 13   => - (12 - 25) = (-12 + 25)  c) Ta có:   * (-8 + 7) = 8 – 7 = 1 * (8 – 7) = 1   => - (-8 + 7) = (8 - 7)  d) Ta có:   * +(- 15 - 4) = (-15) + 4 = - (15 + 4) = - 19 * (-15 – 4) = -19   => +(- 15 – 4) = (-15 – 4)  e) Ta có:   * +(23 – 12) = 23 - 12 = 11 * (23 – 12) = 11   => +(23 – 12) = (23 – 12)  KL: Khi bỏ dấu ngoặc, nếu đằng trước dấu ngoặc:   * Có dấu “+”, thì vẫn giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc:   **+ ( a + b - c) = a + b – c**   * Có dấu “ – ”, thì phải đổi dấu tất cả các số hạng trong ngoặc.   **- ( a + b - c) = -a - b + c**  **Thực hành 5:**  T = -9 + (-2) – (-3) + (-8)     = -9 - 2 + 3 - 8     = -16 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:* **Bài 1 ; 2 ; 5 ; 6 ; 7 ( SGK - 63, 64)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án, hoàn thành vở, lên bảng trình bày.*

**Bài 1 :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a | b | Dấu của ( a + b) |
| 25 | 46 | + |
| -51 | -37 | - |
| -234 | 112 | - |
| 2027 | -2021 | + |

**Bài 2 :**

a) 23 + 45 = 68

b) (-42) + (-54) = - (42 + 54) = - 96

c) 2 025 + (-2 025) = 0

d) 15 + (-14) = (15 – 14) = 1

e) 33 + (-135) = - (135 – 33) = 102

**Bài 5 :**

a) 6 – 8 = -2

b) 3 – (-9) = 3 + 9 = 12

c) (-5) – 10 = - (10 + 5) = -15

d) 0 – 7 = -7

e) 4 – 0 = 4

g) (-2) – (-10) = (-2) + 10 = 10 – 2 = 8

**Bài 6:**

a) S = (45 – 3 756) + 3 756 = 45 – 3 756 + 3 756 = 45 + [(– 3 756) + 3 756] = 45

b) S = (-2 021) - (199 – 2 021) = (-2 021) + (-199)  + 2 021 = - 199

**Bài 7:**

a) (4 + 32 + 6) + (10 – 36 - 6) = 4 + 32 + 6 + 10 – 36 – 6 = 10

b) (77 + 22 – 65) - (67 +  12 - 75) = 77 + 22 – 65 – 67 – 12 + 75 = 30

c) - (-21 +  43 + 7) – (11 – 53 - 17) = 21 – 43 – 7 – 11 + 53 + 17 = 30

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 3 ; 4 ; 8 ( SGK – tr 63, 64)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, hoàn thành vở và lên trình bày bảng.*

**Bài 3:**

Tàu ngầm đang ở độ sâu 20 m được biểu diễn: - 20 (m)

Tàu tiếp tục lặn thêm 15 m được biểu diễn: - 15 (m)

=> Độ sâu là: (-20) + (-15) = - 35 (m)

Vậy khi đó tàu ngầm ở độ sâu **35 m.**

**Bài 4 :**

Thang máy ở tầng 3 : +3

Thang máy đi lên tầng 7 : + 7

Thang máy đi xuống 12 tầng : -12

Ta có: 3 + 7 + (-12) = 10 + (-12) = -2

Vậy cuối cùng thang máy dừng lại tại tầng (-2).

**Bài 8 :**

a) Năm sinh của Archimedes: - 287

    Năm mất của Archimedes: - 212

b) Ta tính tuổi của Archimedes bằng: (-212) - (-287) = (-212) + 287 = 75 (tuổi)

Vậy Archimedes mất năm **75** tuổi.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ các quy tắc cộng trừ số nguyên

- Hoàn thành nốt các bài tập và làm thêm **Bài 1+ 5 + 7+8 ( SBT -tr51, 52)**

- Chuẩn bị bài mới “ **Phép nhân và phép chia hết hai số nguyên**”

Ngày soạn: 1/12/2024

Ngày dạy: 5/12/2024

# TIẾT 40 -42

# BÀI 4: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA HAI SỐ NGUYÊN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được quy tắc nhân hai số nguyên.

- Nhận biết được các tính chất của phép nhân số nguyên.

- Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.

- Nhận biết được ý nghĩa của quan hệ chia hết trong một số bài toán thực tiễn.

- Biết tìm bội và ước của một số nguyên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Thực hiện được phép tính nhân, chia trong tập hợp các số nguyên.

+ Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tập hợp các số nguyên trong tính toán ( tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).

+ Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn sử dụng các phép tính cộng, trừ, và nhân, chia số nguyên.

+ Vận dụng được tính chia hết của số nguyên vào các tình huống thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; năng lực giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV** : SGK, tài liệu giảng dạy, giáo án ppt,SBT

**2 - HS** : Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, SGK, SBT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS nhận thức nhu cầu sử dụng phép nhân số nguyên.

- Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu :

*Thực hiện các phép tính sau:*

a) (-10). 5

b) (-50) : 5

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm đôi, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Bài toán mở đầu thực hiện phép toán nhân số nguyên âm (-10) .5 và phép chia hai số nguyên (50) : 5. Để biết cách tính kết quả chính xác của các phép tính trên, tích của hai số nguyên âm là số thế nào? Tìm thương của phép hết hai số nguyên như thế nào, chnsg ta sẽ tìm hiểu trong bài mới ngày hôm nay?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Nhân hai số nguyên khác dấu**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhớ lại định nghĩa phép nhân hai số tự nhiên.

- Tìm hiểu cách nhân hai số khác dấu bằng cách đưa về phép cộng.

- Hình thành và luyện kĩ năng nhân hai số trái dấu.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV phân tích, hướng dẫn, yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP1.**  - GV dẫn dắt, đi đến quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu trong hộp kiến thức.  - GV cho 1 số HS đọc lại quy tắc.  - GV phân tích, nhấn mạnh cho HS phần *Chú ý*:  **Cho a, b , ta có:**  **(+a). (-b) = -a.b**  **(-a). (+b) = -a.b**  - GV cho HS đọc hiểu *Ví dụ 1* để hiểu rõ quy tắc sau đó hoàn thành vở và trình bày bảng.  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **Vận dụng 1.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, hoàn thành vở, lên bảng trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.** | **1.Nhân hai số nguyên khác dấu**  **HĐKP1:**  a) (-4).3 = (-4) + (-4) + (-4) = -12  b) (-5) . 2 = (-5) + (-5) = -10      (-6) . 3 = (-6) + (-6) + (-6) = -18  c) Dấu của tích hai số nguyên khác đều là mang dấu **âm**.  **=> Quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu:**  - Tích của hai số nguyên khác dấu luôn là một số nguyên âm.  - Khi nhân hai số nguyên khác dấu, ta nhân số dương với số đối của số âm rồi thêm dấu (-) trước kết quả nhận được.  *\* Chú ý:* Cho a, b , ta có:  (+a). (-b) = -a.b  (-a). (+b) = -a.b  **Thực hành 1:**  a) (-5) . 4 = - (5 . 4) = -20  b) 6 . (-7) = - (6 . 7) = -42  c) (-14) . 20 = -(14 . 20) = -280  d) 51 . (-24) = - (51 . 24) = -1224  **Vận dụng 1:**  Chị Mai nhận được số tiền là:  20 . (+50 000) + 4 . (-40 000)  = 100 000 – 160 000 = 840 000 (đồng). |

**Hoạt động 2: Nhân hai số nguyên cùng dấu**

**a) Mục tiêu:**

- Tìm hiểu cách nhân hai số nguyên dương, hai số nguyên âm.

- Hình thành và luyện kĩ năng nhân hai số âm.

- Khắc sâu quy luật về dấu của một tích hai số.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS trao đổi, thảo luận nhóm đôi hoàn thành **HĐKP2**.  - GV dẫn dắt, cho HS nhận xét, rút ra **Quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu.**  - GV cho một vài HS đọc, phát biểu lại quy tắc.  - GV lưu ý, nhấn mạnh cho HS phần *Chú ý.*  - GV yêu cầu HS đọc hiểu *Ví dụ 2* để hình dung, hiểu rõ hơn về quy tắc.  *.*  - GV yêu cầu HS vận dụng quy tắc hoàn thành **Thực hành 2,** 2 HS lên bảng trình bày.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, trình bày bảng, hoàn thành vở.  + HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu.*** | **2. Nhân hai số nguyên cùng dấu**  **HĐKP2:**  **a) Nhân hai số nguyên dương**  (+3) . (+4) = 3 . 4 = 12  (+5) . (+2) = 5 . 2 = 10  **b) Nhân hai số nguyên âm**  (-1) . (-5) = 5  (-2) . (-5) = 10  **=> Quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu:**  - Khi nhân hai số nguyên cùng dương, ta nhân chúng như nhân hai số tự nhiên.  - Khi nhân hai số nguyên cùng âm, ta nhân hai số đối của chúng.  *Chú ý:*   * Cho hai số nguyên dương a và b, ta có:   (-a) . (-b) = (+a) . (+b) = a . b   * Tích của hai số nguyên cùng dấu luôn là một số nguyên dương.   **Thực hành 2:**  a = (-2) . (-3) = 2 . 3 = 6  b = (-15) . (-6) = 15 . 6 = 90  c = (+3) . (+2) = 3 . 2 = 6  d = (-10) . (-20) = 10. 20 = 200 |

**Hoạt động 3: Tính chất của phép nhân các số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- Nhắc lại các tính chất của phép nhân số nguyên, tương tự đối với nhân số tự nhiên.

- Vận dụng các tính chất của phép nhân trong tính toán.

- Luyện kĩ năng xác định dấu và tính tích của nhiều thừa số, tính nhẩm và nâng cao kĩ năng giải toán.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **a) Tính chất giao hoán:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm hoàn thành **HĐKP4**:  + Nhóm 1 và nhóm 3 tính và so sánh:  **(-1) + (-3) và (-3) + (-1)**  + Nhóm 2 và nhóm 4 tính và so sánh:  **( -7) + (+6) và (+6) + (-7)**  - GV dẫn dắt, cho các nhóm rút ra tính chất giao hoán trong SGK.  - GV lưu ý cho HS : **a + 0 = 0 + a**.  **b) Tính chất kết hợp:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 **HĐKP5**:  Tính và so sánh kết quả:  [(-3) + 4] + 2 ; (-3) + (4+2) ; [(-3) +2] + 4  - GV dẫn dắt cho HS rút ra tính chất kết hợp như trong SGK.  - GV lưu ý cho HS phần Chú ý trong SGK:  + Tổng (a +b) + c hoặc a + (b+c) là tổng của ba số nguyên a, b, c và viết là a + b +c; a, b, c là các số hạng của tổng.  + Để tính tổng của nhiều số, ta có thể thay đổi tùy ý thứ tự các số hạng ( tính giao hoán), hoặc nhóm tùy ý các số hạng ( tính kết hợp) để việc tính toán được đơn giản và thuận lợi hơn.  - GV phân tích mẫu Ví dụ 4 và cho HS trình bày lại vào vở.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 3.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, trình bày bảng, hoàn thành vở.  + HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Các tính chất của phép cộng các số nguyên.*** | **3. Tính chất của phép nhân các số nguyên.**  **a) Tính chất giao hoán**  **HĐKP3:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **a** | **b** | **a.b** | **b.a** | | 4 | 3 | 12 | 12 | | -2 | -3 | 6 | 6 | | -4 | 2 | -8 | -8 | | 2 | -9 | -18 | -18 |   => Phép nhân hai số nguyên có tính chất giao hoán:  **a.b = b.a**  *\* Chú ý:*   * a.1 = 1.a = a * a.0 = 0.a= 0 * Cho hai số nguyên x, y:   Nếu x.y = 0 thì x = 0 hoặc y = 0.  **b) Tính chất kết hợp**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **a** | **b** | **c** | **(a.b).c** | **a.(b.c)** | | 4 | 3 | 2 | 24 | 24 | | -2 | -3 | 5 | 30 | 30 | | -4 | 2 | 7 | -56 | -56 | | -2 | -9 | -3 | 54 | -18 |   **=> Phép nhân số nguyên có tính chất kết hợp:**  **(a.b) . c = a. (b.c)**  *Chú ý:*  Áp dụng tính chất kết hợp của phép nhân, ta có thể viết tích của nhiều số nguyên:  **a.b.c =a.(b.c) = (a.b).c**  **Thực hành 3:**  a) P là số **dương;** Q là số **âm.**  b) Tích của các số nguyên âm có số thừa số là số lẻ thì có dấu “-” .  c) Tích của các số nguyên âm có thừa số là số chẵn thì có dấu “+”.  **c)** **Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.**  **HĐKP5:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **a** | **b** | **c** | **a.(b+c)** | **a.b+a.c** | | 4 | 3 | 2 | 20 | 20 | | -2 | -3 | 5 | -4 | -4 | | -4 | 2 | 7 | -36 | -36 | | -2 | -9 | -3 | 24 | 24 |   => Phép nhân số nguyên có tính chất phân phối đối với phép cộng:  **a.(b+c) = a.b + a.c**  Phép nhân số nguyên cũng có tính chất phân phối đối với phép trừ:  **a.(b-c) = ab - ac**  **Thực hành 4:**  (-2) . 29 + (-2) . (-99) + (-2) . (-30)  = (-2) . [29 + (-99) + (-30)]  = (-2) . (-100)  = 200 |

**Hoạt động 4: Quan hệ chia hết và phép chia hết trong tập hợp số nguyên.**

**a) Mục tiêu:**

- HS biết cách thực hiện phép chia hết và rèn kĩ năng thực hiện phép chia hết của hai số nguyên.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm trao đổi và hoàn thành **HĐKP6.**  - GV dẫn dắt: Tương tự như số tự nhiên,một số nguyên có thể viết thành tích của các số nguyên khác, chẳng hạn:  -12 =3. (-4) = (-6).2 = (-1). 2. 2. 3 = ...  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra kiến thức:  **Cho a, b và b 0. Nếu có số nguyên q sao cho a = b.q thì:**   * **Ta nói a chia hết cho b, kí hiệu là a** * **Trong phép chia hết, dấu của thương hai số nguyên cũng giống như dấu của tích.**   **Ta gọi q là thương của phép chia a cho b, kí hiệu a: b = q.**  **a - b = a + (-b)**  - GV hướng dẫn và cho HS đọc hiểu *Ví dụ 7, Ví dụ 8* để hiểu rõ về quan hệ chia hết trong tập số nguyên sau đó trình lại vào vở.  - GV cho HS hoạt động nhóm hoàn thành **Thực hành 5**.  - GV hướng dẫn, yêu cầu HS hoàn thành **Vận dụng 2**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  - Các HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **4. Quan hệ chia hết và phép chia hết trong tập số nguyên**  **HĐKP6:**  Trung bình mỗi phút tàu lặn được:  (-12) : 3 = -4 (m)  => **Cho a, b và b 0. Nếu có số nguyên q sao cho a =b.q thì:**   * **Ta nói a chia hết chia b, kí hiệu a b.** * **Trong phép chia hết, dấu của thương hai số nguyên cũng giống như dấu của tích.**   **Ta gọi q là thương của phép chia a cho b, kí hiệu a: b = q.**  **Thực hành 5:**  a) (- 2 020) : 2 = - 1 010  b) 64 : (-8) = -8  c) (-90) : (-45) = 2  d) (-2 121) : 3 = -707  **Vận dụng 2:**  Trung bình trong một phút máy thay đổi được:  (-12) : 6 = - 2oC |

**Hoạt động 5 : Bội và ước của một số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- Tìm hiểu khái niệm ước và bội trong Z.

- Biết cách tìm ước và bội của một số nguyên và rèn kĩ năng tìm ước và bội.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu 1, 2 HS nhắc lại khái niệm ước và bội trong N. Sau đó, tương tự GV giảng, trình bày khái niệm ước và bội trong tập Z như SGK:  **Cho a,b . Nếu a thì ta nói a là bội của b và b là ước của a.**  - GV giảng và phân tích mẫu *Ví dụ 9* cho HS để HS hình dung rõ hơn về khái niệm ước và bội.  - GV yêu cầu HS lấy Ví dụ khác về ước và bội.  - GV cho HS vận dụng kiến thức trao đổi cặp đôi hoàn **Thực hành 6** vào vở, sau đó lên bảng trình bày.  - GV lưu ý cho HS:  *Nếu c vừa là ước của a, vừa là ước của b thì c cũng được gọi là ước chung của a và b.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, hoàn thành vở, lên bảng trình bày.  + HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả và lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Khái niệm ước và bội.** | **-** Khái niệm ước và bội:  **Cho a, b .Nếu a thì ta nói a là bội của b và b là ước của a.**  VD: 15 (-3) =15 là bội của (-3) và (-3) là ước của 12.  **Thực hành 6:**  a) – 10 là một bội của 2  b) Ư(5) = {-1; 1; 5; -5}  *Lưu ý:*  NẾu c vừa là ước của a, vừa là ước của b thì c cũng được gọi là ước chung của a và b. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:* **Bài 1 ; 3 ; 4 ; 7 ; 8 ; 9 ; 10( SGK - tr70)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án, hoàn thành vở, lên bảng trình bày.*

**Bài 1 :**

a) (-3) . 7 = - 21

b) (-8) . (-6) = 48

c) (+12) . (-20) = -240

d) 24 . (+50) = 1200

**Bài 3 :**

a) Vì (+4) . (- 8) ra kết quả mang dấu âm  => (+4) . (- 8) < 0.

b) Vì (- 3) . 4 ra kết quả mang dấu âm => (- 3) . 4 < 4.

c) Vì (- 5) . (- 8) và (+5) . (+8) ra kết quả mang giá trị dương. => (- 5) . (- 8) = (+5) . (+8).

**Bài 4:**

a) (- 3) . (- 2) . (- 5) . 4 = - 120.

b) 3 . 2 . (- 8) . (- 5) = 240.

**Bài 7:**

a) (- 24) . x = - 120

x = (- 120) : (- 24)

x = 5

b) 6 . x = 24

x = 24 : 6

x = 4

**Bài 8:**

Hai số nguyên khác nhau a và b thỏa mãn a ⋮ b và b ⋮ a.

=> Khi đó a và b là số đối của nhau.

**Bài 9:**

Ư(6) = {1; -1; 2; -2; 3; -3; 6; -6}

Ư(1) = {1; -1}

Ư(13) = {1; -1; 13; -13}

Ư(-25) = {1; -1; 5; -5; 25; -25}

**Bài 10:**

B(5) = {0; 5; 25;…}

B(-5) = {0;  -5; -25;…}

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 5 ; 6 ; 11 ; 12 ( SGK - tr 70).**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, hoàn thành vở và lên trình bày bảng.*

**Bài 5 :**

- Cứ mỗi phút giảm 2 oC

=> Sau 5 phút nhiệt độ giảm: 5 . 2 = 10 oC.

Vậy: Sau 5 phút nữa nhiệt độ trong kho là: 8 – 10 = **- 2oC.**

**Bài 6 :**

Nhiệt độ bên ngoài trung bình mỗi phút tăng lên 4oC

=> Sau 10 phút nữa nhiệt độ tăng: 4 . 10 = 40oC.

Vậy: Sau 10 phút nữa nhiệt độ bên ngoài máy bay là:  - 28 + 40 = **12oC.**

**Bài 11:**

Sau 7 ngày nhiệt độ tại đây là – 39oC

=> Sau 7 ngày nhiệt độ thay đổi: – 25 + (– 39) = – 14oC => Sau 7 ngày nhiệt độ giảm 14oC.

=> Trung bình mỗi ngày nhiệt độ giảm: 14 : 7 = - 2oC.

***Kết luận:*** Trung bình mỗi ngày nhiệt độ thay đổi 2oC.

**Bài 12:**

Ta có: Một quý sẽ gồm có 3 tháng.

- Số tiền lãi của bác Ba: 60 : 3 = 20 (triệu đồng)

- Số tiền lỗ của bác Tư: 12 : 3 = 4 (triệu đồng)

***Kết luận:*** Bình quân trong một tháng số tiền lãi/lỗ của mỗi người là:

+ Bác Ba lãi: 20 triệu đồng ( Có 20 triệu đồng).

+ Bác Tư lỗ: 4 triệu đồng ( Có - 4 triệu đồng).

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học thuộc, ghi nhớ các nội dung kiến thức trong bài

- Hoàn thành nốt các bài tập .

- Đọc và xem trước bài “ **Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Vui học cùng số nguyên**”

- Chuẩn bị trước các dụng cụ, nguyên liệu cho bài sau:

1. Nhóm 4 người: 100g đậu đỏ, 100g đậu đen, khay đựng.

2. Mỗi tổ:

+ GV hướng dẫn 4 tờ giấy A1/ 4 tổ vẽ sẵn cành cây nằm ngang chiếm tỉ lệ 1/3 tờ giấy A1 và tô màu theo sở thích riêng của mỗi nhóm

+ Kéo, bút dạ.

+ Cắt sẵn 7 tấm bìa giấy kích thước 8×8, mỗi tấm bìa ghi sẵn một số từ -3 3

+ Các tấm bìa nhỏ kích thước 5×5, mỗi tấm bìa vẽ các con sóc màu khác nhau và ghi tên 1 thành viên của nhóm ở dưới. Ví dụ: Mai - Sóc trắng; Đạt - sóc đen…

NS: 15/12/2024

# ND: 16/12/2024 Tiết 43. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

***VUI HỌC CÙNG SỐ NGUYÊN***

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Làm quen với các mô hình biểu diễn số nguyên âm và số nguyên dương.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Thực hành các phép toán cộng, trừ số nguyên trên mô hình thông qua các hoạt động trò chơi.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, tài liệu bài giảng, giáo án ppt.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; Dụng cụ, nguyên liệu mà GV đã giao từ buổi trước:

a. Nhóm 4 người: 100g đậu đỏ, 100g đậu đen, khay đựng.

b. Mỗi tổ:

+ GV hướng dẫn 4 tờ giấy A1/ 4 tổ vẽ sẵn cành cây nằm ngang chiếm tỉ lệ 1/3 tờ giấy A1 và tô màu theo sở thích riêng của mỗi nhóm

+ Kéo, bút dạ.

+ Cắt sẵn 7 tấm bìa giấy kích thước 8×8, mỗi tấm bìa ghi sẵn một số từ -3 3

+ Các tấm bìa nhỏ kích thước 5×5, mỗi tấm bìa vẽ các con sóc màu khác nhau và ghi tên 1 thành viên của nhóm ở dưới. Ví dụ: Mai - Sóc trắng; Đạt - sóc đen…

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức cộng, trừ số nguyên

- Gợi mở bài thực hành.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Kết quả HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV kiểm tra đồ dùng, nguyên liệu của các nhóm mà GV đã hướng dẫn chuẩn bị từ buổi trước.

- GV đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức cũ:

*+Nêu quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu.*

*+ Nêu quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu.*

*+ Nêu quy tắc cộng hai số đối nhau.*

*+ Nêu quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu không đối nhau.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV nêu câu hỏi

- HS nhớ lại kiến thức và giơ tay phát biểu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Bài ngày hôm nay chúng ta cùng thực hành thực hiện các phép toán cộng, trừ số nguyên trên mô hình thông qua các hoạt động trò chơi.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**Hoạt động 1: Trò chơi “Cộng đậu đỏ, đậu đen”**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS làm quen với việc thêm một mô hình biểu diễn số nguyên âm và số nguyên dương.

- Thực hành các phép toán cộng và trừ số nguyên trên mô hình đó thông qua các hoạt động trò chơi.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành các nhóm ( khoảng 4 học sinh)

- GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn luật chơi cho cả lớp: hạt đậu đỏ tượng trưng cho số nguyên dương, hạt đậu đen tượng trưng cho số nguyên âm.

+ Mỗi số nguyên dương được thay bằng một số lượng hạt đậu đỏ tương ứng.

+ Mỗi số nguyên âm được thay bằng một số lượng hạt đậu đen tương ứng.

+ Khi cộng hai số nguyên cùng dấu, ta chỉ cần cộng số hạt đậu cùng màu.

+ Khi cộng hai số nguyên khác dấu, ta loại dần từng cặp đậu đỏ, đậu đen.

+ GV chiếu slide biểu diễn Ví dụ cho HS dễ hình dung.

(+2) + 1 = +3

(-3) + (+2)= -1

(-2) + (-3)= -4

(+2)+ (-1)= +1

- GV cho các nhóm thực hành sử dụng mô hình để thực hiện các phép tính sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm 1, 3, 5** | **Nhóm 2, 4, 6** | **Nhóm 7, 9, 11** | **Nhóm 8, 10** |
| a) (+3) + (+1) | b) (+2) + (+2) | c) (- 1) + (- 2) | d) (- 2) + (- 3) |
| e) (- 2) + (+3) | g) (+2) + (- 2) | h) 2 + (- 5) | i) (-4) + (+5) |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung và thực hành thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.

- GV: quan sát và trợ giúp các nhóm.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện các nhóm nêu cách sử dụng mô hình để thực hiện phép toán của nhóm mình.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, chữa.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm và lưu ý HS những sai lầm hay mắc phải.

**Hoạt động 2: Trò chơi “ Sóc leo cành cây”**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS tính nhẩm cộng, trừ số nguyên trên trục số thông qua một trò chơi hào hứng ( có thắng, thua).

**b) Nội dung:** GV chia lớp thành 4 nhóm và hướng dẫn tổ chức các nhóm thực hiện.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm tương ứng với 4 tổ.

- GV hướng dẫn các nhóm vẽ trục số kéo dài từ gốc cành đến đầu cành, với các giá trị từ - 5 đến 5.

+ Tại điểm -5 ghi chữ gốc cành.

+ Tại điểm 5 ghi chữ đầu cành.

- GV hướng dẫn cách chơi:

+ Đầu tiên, mỗi người lần lượt trộn lẫn các tấm bìa rồi rút được tấm bìa ghi số nào thì đặt hình sóc có tên của mình lên điểm đó trên cành cây.

+ Sau đó, mỗi người cùng trộn lẫn các tấm bìa và rút bìa như lần đầu, lấy số tại điểm mình đang đứng cộng với số rút được.

+ Ở lần kế tiếp thì lấy số tại điểm mình đang đứng trừ cho số rút được

+ Phải đảm bảo trộn lẫn các tấm bìa trước khi rút và phải luân phiên cộng, trừ, cộng, ... cho số đã rút được.

+ Người thắng là người đầu tiên có vị trí nhỏ hơn -5 ( nghĩa là đã đến được thân cây và leo xuống đất), hoặc là người cuối cùng còn lại trên cành cây.

- Người thua là người có vị trí nhỏ hơn +5 ( nghĩa là đã vượt quá đầu cành và rơi xuống đất).

- GV tổ chức cho các nhóm chơi và tìm ra người chiến thắng, GV tán thưởng và trao thưởng cho người chiến thắng đồ dùng học tập hoặc bim bim..

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành yêu cầu.

- GV: quan sát và trợ giúp các nhóm HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Các nhóm thực hiện trò chơi, tìm ra người chiến thắng và báo cáo GV.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, tổng kết.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức chương 2.

- Xem và chuẩn bị làm trước một số bài tập của bài sau: hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm, các bài tập **1, 2, 3, 4** “**Bài tập cuối chương 2**” ( SGK – tr73).

- Chuẩn bị sản phẩm sơ đồ tư duy tổng kết nội dung chương II ra giấy A1 theo tổ. (GV hướng dẫn cụ thể)

# NS: 15/12/2024

ND: 19/12/2024

# TIẾT 44+ 45 : BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 2

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

***-*** HS củng cố, rèn luyện kĩ năng:

+ Biểu diễn tập hợp số nguyên, so sánh số nguyên.

+ Thực hiện phép toán cộng, trừ, nhân, chia số nguyên.

+ Các tính chất của phép cộng và phép nhân số nguyên.

+ Khái niệm và cách tìm ước, bội của một số nguyên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Nâng cao kĩ năng giải toán.

+ Gắn kết các kĩ năng bài học lại với nhau, giúp HS trong việc giải và trình bày giải toán.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, giáo án tài liệu, 5 bút dạ ( gốm 1 đỏ và 4 xanh hoặc đen)

**2 - HS** : SGK; đồ dùng học tập, giấy A1 theo tổ.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS tổng hợp, liên kết kiến thức của các bài học từ Bài 1 Bài 4.

**b) Nội dung:** Đại diện các nhóm HS trình bày phần chuẩn bị của mình, các nhóm khác chú ý lắng nghe, nhận xét và cho ý kiến.

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung kiến thức từ bài 1 Bài 4 một cách đầy đủ, ngắn gọn, trực quan.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho các nhóm treo sản phẩm sơ đồ tư duy của nhóm mình lên bảng.

- GV chỉ định đại diện nhóm trình bày ( Theo thứ tự lần lượt từ Tổ 1 Tổ 4 hoặc thứ tự GV thấy hợp lý)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để đưa ra nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm trao đổi, nhận xét và bổ sung nội dung cho các nhóm khác.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS trình bày miệng chữa bài tập trắc nghiệm :***Câu 1** *->* **Câu 4.**

**1. D ; 2. D ; 3. A; 4.C .**

*- GV yêu cầu HS chữa các bài tập* **1, 2, 3** *( SGK-tr73)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, giơ tay lên bảng trình bày.*

**Bài 1 :**

**a)** 73 – (2 – 9) = 73 – 2 + 9 = 80.

**b)** (- 45) – (27 – 8) = - 45 – 27 + 8 = - 64.

**Bài 2:**

a) x2 = 4

x . x = 4

=> **x = 2** hoặc **x = - 2**.

b) x2 = 81

x . x = 81

=> **x = 9** hoặc **x = - 9**.

**Bài 3 :**

**a)** 12 : 6 = 2

**b)** 24 : (- 8) = -3

**c)** (- 36) : 9 = -4

**d)** (- 14) : (- 7) = 2

*- GV yêu cầu HS hoàn thành* ***bài 6 ( SGK -tr73)***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, hoàn thành vở, 2 HS lên bảng trình bày.*

**Bài 6:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | 3 |  | a | b | c | d |  | -4 |  |

Theo quy luật, tích ở ba ô liên tiếp đều bằng 60, nghĩa là a.b.c = 60; b.c.d = 60

Suy ra: a.b.c = b.c.d => a = d

Do đó ta được dãy số:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| -4 | x | 3 | -4 | x | 3 | -4 | x | 3 | -4 | x |

Nhìn vào ta thấy: theo quy luật: x .. 3 . (-4) = 60 => x = -5

Vậy điền dãy số hoàn chỉnh như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| -4 | -5 | 3 | -4 | -5 | 3 | -4 | -5 | 3 | -4 | -5 |

*- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 4+ 5+ 7+ 8 ( SGK –tr73)**

**Bài 4 :**

Ta biết rằng các năm sinh TCN được quy định là số âm.

Ta có: 1 601 > 1 596 > 1 441 > - 287 > - 570 > - 624.

=> Các chỉ số năm sinh của nhà toán học theo thứ tự giảm dần: 1 601; 1 596; 1 441; 287 TCN; 570 TCN; 624 TCN.

**Bài 5 :**

Khoảng cách theo chiều thẳng đứng giữa máy bay và tàu ngầm:

5 000 – (- 1 200) = 6 200 (m).

Vậy: Khoảng cách theo chiều thẳng đứng giữa máy bay và tàu ngầm là 6 200 m.

**Bài 7:**

***Bài toán:***Một người đang đứng yên ở điểm O, người đó bước đi bước về điểm A bên trái 15  bước, rồi đi ngược lại về điểm B bên phải 25 bước.  Hỏi người đó đang đứng điểm bao nhiêu đơn vị? Quy định đi về bên trái biểu hiện số âm, đi về bên phải biểu diễn số dương. Biết khoảng cách mỗi bước chân là một đơn vị.

=> Người đó đang đứng điểm: - 15 + 25 = 10 (đơn vị)

**Bài 8:**

Sau một năm, số tiền công ty có được là: 225 – 280 + 655 = 600 (triệu đồng)

=> Sau một năm công ty lãi 600 triệu đồng

Bình quân mỗi tháng công ty lãi: 600 : 12 = 50 (Triệu đồng)

Vậy: Bình quân mỗi tháng công ty lãi **50 triệu đồng.**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể)  - Đánh giá đồng đẳng: HS tham gia vào việc đánh giá sản phẩm học tập của các HS khác | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp thuyết trình.  - Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận.  - Sơ đồ tư duy |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp .

- Xem trước nội dung chương mới và đọc trước bài mới: Ôn tập HK1 theo đề cương

# NS: 21/12/2024

ND: 23/12/2024

# TIẾT 46+ 47 : ÔN TẬP HỌC KÌ 1

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

***-*** HS hệ thống hóa kiến thức từ đầu năm đến nay.

+ Các phép tính trên tập hợp số nguyên, số tự nhiên.

+ Các tính chất của phép cộng và phép nhân số nguyên, số tự nhiên.

+ Khái niệm và cách tìm ước, bội của một số nguyên, số tự nhiên

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Nâng cao kĩ năng giải toán.

+ Gắn kết các kĩ năng bài học lại với nhau, giúp HS trong việc giải và trình bày giải toán.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, giáo án tài liệu,đề cương ôn tập

**2 - HS** : SGK; đồ dùng học tập, đề cương ôn tập.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS tổng hợp, liên kết kiến thức của các bài học .

**b) Nội dung:** Đại diện các nhóm HS trình bày phần chuẩn bị của mình, các nhóm khác chú ý lắng nghe, nhận xét và cho ý kiến.

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung kiến thức từ bài một cách đầy đủ, ngắn gọn, trực quan.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho các nhóm treo sản phẩm sơ đồ tư duy của nhóm mình lên bảng.

- GV chỉ định đại diện nhóm trình bày ( Theo thứ tự lần lượt từ Tổ 1 Tổ 4 hoặc thứ tự GV thấy hợp lý)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để đưa ra nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm trao đổi, nhận xét và bổ sung nội dung cho các nhóm khác.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS chữa các bài tập* **1, 2, 3, 7** *( SGK-tr46)*

**Bài 1 :**

**a)** A = 37 . 173 + 62 . 173 + 173

        = 173 . (37 + 62 + 1)

        = 173 . 200

        = 17 300

**b)** B = 72 . 99 + 28 . 99 – 900

       = 99 . (72 + 28) – 900

       = 9 900 – 900

       = 9 000

**c)** C = 23 . 3 – (110 + 15) : 42

       = 8 . 3 – (1 + 15) : 42

       = 8 . 3 – 16 : 42

       = 8 . 3 –  1

       = 8 . 3 – 1

       = 23

**d)** D = 62 : 4 . 3 + 2 . 52 – 2100.

        = 36 : 4 . 3 + 2 . 25 - 1

        = 27 + 50 – 1

        = 76

**Bài 2:**

**a)**  chia hết cho 2 và 5 khi chữ số tận cùng của nó là 0

=> y = 0

 chia hết cho 3 khi tổng các chữ số của nó cũng chia hết cho 3

Nên 1 + 2 + x + 0 + 2 + 0 ⋮ 3

=> x + 5 ⋮ 3 và 0 ≤ x ≤ 9

=> x ∈ {1; 4; 7}

Vậy để  chia hết cho 2; 3 và 5 thì **y = 0** và **x ∈ {1; 4; 7}.**

**b)**  chia hết cho 5 mà không chia hết cho 2 khi chữ số tận cùng của nó là 5

=> y = 5

chia hết cho 9 khi tổng các chữ số của nó cũng chia hết cho 9

Nên 4 + 1 + 3 + x + 2 + 5 ⋮ 3

=> x + 15 ⋮ 9 và 0 ≤ x ≤ 9

=> x = 3

Vậy để  chia hết cho 5 và 9 mà không chia hết cho 2 thì **y = 5** và **x = 3.**

**Bài 3 :**

**a)** Theo đề bài: 84  a và 180 a => a ∈ ƯC(84, 180) và a > 6.

Ta có: 84 = 22 . 3 . 7

           180 = 22 . 32 . 5

ƯCLN(84, 180) = 22 . 3

=> a ∈ ƯC(84, 180) = Ư(12) = {1; 2; 3; 4; 6; 12}

Mà a > 6.

=> a = 12

Vậy A = {12}.

**b)** Vì b 12, b 15, b 18 nên b ∈ BC(12, 15, 18) và 0 < b < 300

Ta có: 12 = 22 . 3

           15 = 3 . 5

           18 = 2 . 32

=> BCNN(12, 15, 18) = 22 . 32 . 5 = 180

=> b ∈ BC(12, 15, 18) = B(180) = {0; 180; 360;…}

Mà  0 < b < 300

=> b = 180

Vậy B = {180}.

**Bài 7:**

**a)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | 8 | 24 | 140 |
| b | 10 | 28 | 60 |
| ƯCLN(a, b) | 2 | 4 | 20 |
| BCNN(a, b) | 40 | 168 | 420 |
| ƯCLN(a, b) . BCNN(a, b) | 80 | 672 | 8 400 |
| a.b | 80 | 672 | 8 400 |

**b)** Nhận xét: Từ bảng trên ta thấy:

a . b = ƯCLN(a, b) . BCNN(a, b)

*- GV yêu cầu HS chữa các bài tập* **1, 2, 3** *( SGK-tr73)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, giơ tay lên bảng trình bày.*

**Bài 1 :**

**a)** 73 – (2 – 9) = 73 – 2 + 9 = 80.

**b)** (- 45) – (27 – 8) = - 45 – 27 + 8 = - 64.

**Bài 2:**

a) x2 = 4

x . x = 4

=> **x = 2** hoặc **x = - 2**.

b) x2 = 81

x . x = 81

=> **x = 9** hoặc **x = - 9**.

**Bài 3 :**

**a)** 12 : 6 = 2

**b)** 24 : (- 8) = -3

**c)** (- 36) : 9 = -4

**d)** (- 14) : (- 7) = 2

*- GV yêu cầu HS hoàn thành* ***bài 6 ( SGK -tr73)***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, hoàn thành vở, 2 HS lên bảng trình bày.*

**Bài 6:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | 3 |  | a | b | c | d |  | -4 |  |

Theo quy luật, tích ở ba ô liên tiếp đều bằng 60, nghĩa là a.b.c = 60; b.c.d = 60

Suy ra: a.b.c = b.c.d => a = d

Do đó ta được dãy số:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| -4 | x | 3 | -4 | x | 3 | -4 | x | 3 | -4 | x |

Nhìn vào ta thấy: theo quy luật: x .. 3 . (-4) = 60 => x = -5

Vậy điền dãy số hoàn chỉnh như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| -4 | -5 | 3 | -4 | -5 | 3 | -4 | -5 | 3 | -4 | -5 |

**Bài 4 :**

Ta biết rằng các năm sinh TCN được quy định là số âm.

Ta có: 1 601 > 1 596 > 1 441 > - 287 > - 570 > - 624.

=> Các chỉ số năm sinh của nhà toán học theo thứ tự giảm dần: 1 601; 1 596; 1 441; 287 TCN; 570 TCN; 624 TCN.

**Bài 5 :**

Khoảng cách theo chiều thẳng đứng giữa máy bay và tàu ngầm:

5 000 – (- 1 200) = 6 200 (m).

Vậy: Khoảng cách theo chiều thẳng đứng giữa máy bay và tàu ngầm là 6 200 m.

**Bài 7:**

***Bài toán:***Một người đang đứng yên ở điểm O, người đó bước đi bước về điểm A bên trái 15  bước, rồi đi ngược lại về điểm B bên phải 25 bước.  Hỏi người đó đang đứng điểm bao nhiêu đơn vị? Quy định đi về bên trái biểu hiện số âm, đi về bên phải biểu diễn số dương. Biết khoảng cách mỗi bước chân là một đơn vị.

=> Người đó đang đứng điểm: - 15 + 25 = 10 (đơn vị)

**Bài 8:**

Sau một năm, số tiền công ty có được là: 225 – 280 + 655 = 600 (triệu đồng)

=> Sau một năm công ty lãi 600 triệu đồng

Bình quân mỗi tháng công ty lãi: 600 : 12 = 50 (Triệu đồng)

Vậy: Bình quân mỗi tháng công ty lãi **50 triệu đồng.**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:-xem lại tấc cả các bài tập đã giải, các kiến thức vừa ôn

BSH: kiểm tra học kì 1

**HỌC KÌ II**

Ngày soạn:12/1/2025

Ngày dạy:13/1/2025

**CHƯƠNG V: PHÂN SỐ**

# TIẾT 50: PHÂN SỐ VỚI TỬ SỐ VÀ MẪU SỐ LÀ SỐ NGUYÊN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết dùng phân số để biểu thị số phần như nhau trong tình huống thực tiễn đơn giản hay để biểu thị thương của phép chia số nguyên cho số nguyên

- Nhận biết và giải thích được hai phân số bằng nhau

- Biết biểu diễn (viết) số nguyên ở dạng phân số

**2. Năng lực**

a.Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

b. Năng lực chú trọng:

+ Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh**: vở ghi, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*:

|  |  |
| --- | --- |
| GV yêu cầu cả lớp quan sát tình huống trong sách giáo khoa  *Bạn thứ nhất: Năm đầu tiên lỗ 20 triệu đồng*  *Bạn thứ hai: Năm thứ hai không lỗ cũng không lãi*  *Bạn thứ ba: Năm thứ ba lãi 17 triệu đồng*  Hình vẽ cho biết thông tin gì? Tình huống ở hình vẽ yêu cầu ta dự đoán điều gì? |  |
| HS thảo luận theo nhóm và trả lời sau 5 phút | |

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Mở rộng khái niệm phân số**

**a. Mục tiêu**: Hiểu được thế nào là phân số dương, phân số âm và cách dùng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận về số âm hay số dương chỉ số tiền lỗ hay tiền lãi  - Gv dùng tình huống kết quả kinh doanh năm thứ nhất để HS trao đổi về số tiền mỗi người có, qua đó giớ thiệu, mô tả về phân số với tử số là số nguyên, cách đọc phân số  - Gv chú y cho HS phân số đã được dùng để ghi thương của phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên và tương tự vậy ở lớp 6 này, ta coi phân số như là thương của phép chia số nguyên cho số nguyên  - GV nêu Ví dụ 2  - GV yêu cầu hs làm thực hành 1. HS đứng tại chỗ trả lời  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Ta có thể sử dụng phân số  để chỉ số tiền (triệu đồng) mỗi người có được trong năm thứ ba. Tương tự, ta có thể dùng phân số  (âm hai mươi phần ba) để chỉ số tiền mỗi người có trong năm thứ nhất.  **Thực hành 1**  : Trừ mười một phần năm, tử số: -11, mẫu số: 5  : Trừ ba phần tám, tử số: -3, mẫu số: 8 |

**Hoạt động 2: Phân số bằng nhau**

**a. Mục tiêu**: Cách viết hai phân số bằng nhau, điều kiện bằng nhau của hai phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV để HS quan sát hình vẽ và phát biểu-  - GV chốt lại bằng mô tả (không dùng thuật ngữ định nghĩa mà chỉ nêu mô tả tổng quát bằng nhau và mô tả điều kiện bằng nhau)  - Thực hành 2: Gv giới thiệu ví dụ để minh họa mô tả và sau đó làm Thực hành 2 để củng cố ban đầu về khái niệm phân số bằng nhau  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  a) Hình b minh họa cho sự bằng nhau của hai phân số  và  b) Tích 3.8 = 4.6. Với hình b, ta có 4.5 = 10.2  **Thực hành 2**  a) Cặp phân số  và  bằng nhau, vì -8.-30 = 15.16  b) Cặp phân số  và  không bằng nhau vì 7.(-16) khác 15. |

**Hoạt động 3: Biểu diễn số nguyên ở dạng phân số**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách biểu diễn số nguyên ở dạng phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV viết ví dụ và phân tích. Yêu cầu HS lấy ví dụ tương tự  - GV tổ chức HĐKP 3, sau đó giới thiệu thuật ngữ  - Thực hành 3: GV yêu cầu HS làm để củng cố ban đầu  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 3:**  Ví dụ: Thương của phép chia -8 cho 1 là -8 và cũng viết thành phân số  **Thực hành 3** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Bài tập 1, 2, 3 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  Vẽ lại hình bên và tô màu để phân số biểu thị phần tô màu bằng 512  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1110.jpg?itok=1GIPDtha**  **Câu 2:**  Đọc các phân số sau  a)             b)  c)          d)  **Câu 3:**  Một bể nước có 2 máy bơm để cấp và thoát nước. Nếu bể chưa có nước, máy bơm thứ nhất sẽ bơm đầy bể trong 3 giờ. Nếu bể đầy nước, máy bơm thứ hai sẽ hút hết nước trong bể sau 5 giờ. Dùng phân số có tử số là số âm hay số dương thích hợp để biểu thị lượng nước mỗi máy bơm được sau 1 giờ so với lượng nước mà bể chứa được | **Câu 1:**  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1110_0.jpg?itok=A6s4FV6Q  **Câu 2:**  Mười ba phần trừ ba  Trừ hai mươi lăm phần sáu  Không phần năm  Trừ năm mươi hai phần năm  **Câu 3:**  Phân số biểu thị lượng nước máy bơm thứ nhất bơm được trong 1 giờ là  Phân số biểu thị lượng nước máy bơm thứ hai bơm được trong 1 giờ là: |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Bài tập 4, 5 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Tìm cặp phân số bằng nhau trong các cặp phân số sau:  a)  và b) và  **Câu 5:** Viết các số nguyên sau ở dạng phân số  a) 2                    b) -5                    c) 0 | **Câu 4:**  *Trong các cặp phân số trên, cặp phân số và bằng nhau vì:( -12) . (-8) = 16 . 6*  **Câu 5:**  *a.*  *b.*  *c.* |

*Hướng dẫn tự học ở nhà*

*Bài vừa học: Cần nắm chắc ĐN phân số, phân số bằng nhau,viết số nguyên dưới dạng phân số*

*BTVN: 3;4;5 SGK trang9 tập 2*

*Bài sắp học:* TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ

Ngày soạn:12/1/2025

Ngày dạy:13/1/2025

# Tiết 51 : TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ

**I. MỤC TIÊU**

- Biết hai tính chất cơ bản của phân số và dùng nó để tạo lập phân số bằng phân số đã cho

- Biết quy đồng mẫu số hai phân số

- Biết rụt gọn phân số

**1. Kiến thức, kĩ năng**

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** sgk, giáo án

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: GV cho phân số  lên bảng. Phân số  bằng phân số nào?

Gọi hs trả lời tại chỗ. Yêu cầu một số hs khác lên bảng lấy ví dụ tương tự.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tính chất 1**

**a. Mục tiêu**: Nắm được tính chất 1: Nếu cả tử và mẫu của một phân số với cùng một số nguyên khác không thì ta được một phân số mới bằng phấn số đã cho.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn hs tiếp cận nhờ HĐKP1  - GV hướng dẫn hs quan sát và phát biểu dự đoán, tính chất và ghi tóm tắt  - HS tham gia thực hiện ví dụ  - Gv dùng BT1 hay tự nêu bài tập tương tự để củng cố ban đầu về tính chất thứ nhất  - GV giới thiệu dạng biểu diễn số nguyên thành phân số có mẫu tùy : hs tham gia xây dựng và giải thích sự hợp lí (dựa vào tính chất 1). HS nêu ví dụ tương tự  - Gv giới thiệu kĩ năng quy đồng mẫu số hai phân số: Gv yêu cầu HS đã biết quy đồng mẫu số hai phân số cụ thể nào đó với từ và mẫu là số tự nhiên và yêu cầu hs nêu cơ sở thực hiện thay thế hai phân số có mẫu số khác nhau bằng hai phân số mới lần lượt bằng chúng (nhân cả tử và mẫu với số tự nhiên)  - GV yêu cầu hs thực hiện VD2. Tứ đó nêu kĩ năng quy đồng mẫu số các phân số với phân số có tử và mẫu là số nguyên  - GV cho HS làm thực hành (bổ sung) sau để củng cố ban đầu  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  a) Nhân cả tử và mẫu của phân số  với số nguyên 7 thì được phân số  b) Hai phân số trên bằng nhau, vì 3.35 = -5.-21  c) Ví dụ: Phân số - và phân số |

**Hoạt động 2: Tính chất 2**

**a. Mục tiêu**: HS nắm và vận dụng được tính chất 2

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức thực hiện việc tiếp cận và củng cố Tính chất 1 và kĩ năng quy đồng mẫu số các phân số.  - Gv có thể lưu ‎ về phân số tối giản nhưng không nêu mô tả khái niệm mà chỉ nêu ví dụ để HS biết có thể có khái niệm đó.  - GV chp hs tổ chức HS thực hiện thực hành 2 và có thể có ví dụ tương tự để nêu kiến thức  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  a) Chia cả tử và mẫu của phân số cho cùng số nguyên 5 thì được phân số  b) Hai phân số này bằng nhau, vì -20.-6 = 4.30  c) Ví dụ: Phân số  và phân số  **Thực hành 1:**  Rút gọn  ta được phân số: -  Rút gọn ta được các phân số: , , ....  **Thực hành 2:**    - |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  Áp dụng tính chất 1 và tính chất 2 để tìm một phân số bằng mỗi phân số sau:  a)           b)          c) d)    **Câu 2:**  Rút gọn các phân số sau: **;** **;**  **Câu 3:**  Viết mỗi phân số dưới đây thành phân số bằng nó có mẫu số dương:  **;** **;**  **Câu 4:**  Dùng phân số có mẫu số dương nhỏ nhất để biểu thị xem số phút sau đây chiếm bao nhiêu phần của một giờ?  a) 15 phút  b) 20 phút  c) 45 phút  d) 50 phút | **Câu 1:**  a.  *b.* *c.* *d.*  **Câu 2:**  *;*  *;*  **Câu 3:**  *;*  **Câu 4:**  a.  b.  c.  d. |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 5:**  Dùng phân số để viết mỗi khối lượng sau theo tạ, theo tấn.  a) 20 kg  b) 55 kg  c) 87 kg  d) 91 kg  **Câu 6:**  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1127.jpg?itok=SuBhgSiB | **Câu 5:**  **a.**  *b.*  *c.*  *d.*  **Câu 6:**  *a.*  *b.*  *c.*  *d.* |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:-Biết được hai tính chất cơ bản của phân số. Biết quy đồng mẫu số hai hoặc nhiều phân số. Biết rút gọn phân số.

- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **Bài 2; 3 (SGK TR9)**

BSH:- Chuẩn bị bài mới “ **So sánh phân số cùng mẫu, khác mẫu**”

Ngày soạn:18/1/2025

Ngày dạy:20/1/2025

# TIẾT 52-53: SO SÁNH PHÂN SỐ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết so sánh hai phân số

- Biết sắp xếp một phân số theo thứ tự từ bé đến lớn hay ngược lại

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học (sắp xếp các phân số theo thứ tự, so sánh theo cách hợp lí)

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** sgk, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, đồ dùng học tập, sgk

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**Câu 1:** Nêu quy tắc quy đồng mẫu nhiều phân số.

**Câu 2**:  Khi so sánh hai phân số  và , hai bạn Nga và Minh đều đi đến kết quả là nhưng mỗi người giải thích một khác:

+ Nga cho rằng: vì = ,  = mà  < nên  <

+ Minh giải thích:  vì 3<4 và 4<5 nên <

  Theo em, bạn nào đúng? Vì sao.

GV hỏi:  Em có thể lấy 1 vd khác để chứng minh cách suy luận của Minh là sai không ?

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*:  Ở tiểu học. các con đã được học cách so sánh hai phân số cùng mẫu và khác mẫu  với tử và mẫu là các số tự nhiên và mẫu khác 0. Bằng cách vận dụng kiến thức so sánh hai phân số ở Tiểu học, các con đã so sánh được hai phân số và . Bây giờ, Nga và  Minh muốn so sánh hai phân số nhưng chưa biết làm thế nào? Để giúp hai bạn tìm ra cách làm, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay: SO SÁNH HAI PHÂN SỐ

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: So sánh hai phân số có cùng mẫu số**

**a. Mục tiêu**: Học sinh biết cách so sánh hai phân số cùng mẫu

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV dùng HĐKP 1 yêu cầu HS đưa ra dự đoán, sau đó GV giới thiệu quy tắc thứ nhất  - GV giới thiệu ví dụ 1 và yêu cầu hs đưa ra ví dụ khác  - Thực hành 1: GV yêu cầu HS thực hiện trước khi cho phát biểu cách so sánh trong trường hợp hai phân số có cùng mẫu nhưng mẫu âm  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  Công ty A đạt lợi nhuận ít hơn, do <  **Thực hành 1:**  Giải:  > |

**Hoạt động 2: So sánh hai phân số khác nhau**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách so sánh hai phân số khác nhau

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thực hiện HĐKP2 sau đó cho biết kết quả so sánh hai phân số ban đầu ở HĐKP2  - GV cho HS nêu dự đoán và GV khẳng định quy tắc và giới thiệu ví dụ  - GV cho HS thảo luận về mẫu chung có thể và giới thiệu Nhận xét  - Thực hành 2: HS thực hành cá nhân. 1 HS lên bảng làm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  Ta có: = = ;  = =  Vì > nên >  **Thực hành 2:**  Giải:  Ta có: =  = = =  Vì > nên > |

**Hoạt động 3: Áp dụng quy tắc so sánh phân số**

**a. Mục tiêu**: Biết cách so sánh số nguyên với phân số. Áp dụng tính chất bắc cầu để so sánh các phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Để so sánh phân số với số nguyên, GV có thể cho HS thực hiện Thực hành 3 rồi GV nêu nhận xét  - GV hướng dẫn hs thực hiện HĐKP 3, sau đố nhắc đến tính chất bắc cầu để gợi ‎ HS thực hiện hành động 4  - Gv cần giới thiệu hai cách sắp xếp : tăng dần và giảm dần qua ví dụ với 3 phân số đó.  - Gv giới thiệu thuật ngữ: phân số âm, phân số dương, yêu cầu hs lấy ví dụ khác về phân số âm, phân số dương  - Gv yêu cầu hs thảo luận theo nhóm về so sánh phân số âm, phân số dương, sau đó nhận xét tổng quát  - GV có thể dùng Vận dụng ở SGK để hs thảo luận nhanh  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 3:**  Giải:  Ta có: 2 = = = <  Suy ra: > hay  **Thực hành 4:**  **Giải:**  **Ta có: - 3 =**  = >  Suy ra: > hay -3 > |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Bài tập 1, 2, 3 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** So sánh hai phân số  a) và  b) và  c) và  d) và  **Câu 2:** Tổ 1 gồm 8 bạn có tổng chiều cao là 115 dm. Tổ 2 gồn 10 bạn có tổng chiều cao là 138 dm. Hỏi chiều cao trung bình của các bạn ở tổ nào lớn hơn?  **Câu 3:**  a) So sánh và  với -2 bằng cách viết -2 ở dạng phân số có mẫu số thích hợp  Từ đó suy ra kết quả so sánh với  b) So sánh  với | **Câu 1:**  a. Ta có: = = <  => <  b. Ta có: = = và = =  Vì > nên >  c.Ta có:  = = >  Nên >  **Câu 2:** Chiều cao trung bình của các bạn tổ 1 là:  Chiều cao trung bình của các bạn tổ 2 là:  Ta có:  = =  = =  Vì > nên >  Hay chiều cao trung bình của các bạn tổ 1 lớn hơn  **Câu 3:**  a. Ta có:  - 2 = =  = < nên  = > nên > 2  => <  b. Ta có: = >  nên > |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Bài tập 4 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4***:*  Sắp xếp các số 2 , , , -1, , 0 theo thứ tự tăng dần | **Câu 4***:*  Các số lần lượt theo thứ tự tăng dần là: -1; , , 0 , , 2 |

***Hướng dẫn tự học ở nhà****:*

***Bài vừa học****:Cần nắm cách so sánh 2 phân số, cách sắp xếp các phân số từ nhỏ đến lớn và ngược lại*

***BTVN****:2;3;4 sgk tr15 tập 2.*

# *Bài sắp học:* PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ PHÂN SỐ

Ngày soạn:19/1/2025

Ngày dạy: /2/2025

# TIẾT 54-56: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ PHÂN SỐ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết tìm số đối của phân số đã cho

- Thực hiện được cộng trừ các phân số

- Sử dụng được tính chất phép cộng phân số để tính hợp lí

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học (vận dụng quy tắc, tương tự)

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** Sgk, đồ dùng học tập, vở ghi

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Bài trước chúng ta đã học về so sánh phân số. Bài hôm nay chúng ta tìm hiểu về cách cộng trừ các phân số.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép cộng hai phân số**

**a. Mục tiêu**: HS làm được phép cộng hai phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện các yêu cầu a và b  - Với yêu cầu b, Gv có thể phát triển thêm yêu cầu: xác định số tiền có sau hai tháng (thực chất xác định kết quả phép tính  +  nêu ở b)  - GV có thể để HS thảo luận theo nhóm kết quả số tiền mỗi người có sau hai tháng theo cách khác (VD: sau hai tháng, cả năm người có -2 (triệu) + 3 (triệu), tức là có 1 triệu, nên sau hai tháng, mỗi người có  (triệu) )  - Quy tắc cộng phân số: GV có thể từ kết quả trên, giới thiệu về sự tương tự và để yêu cầu HS nên thử quy tác cộng phân số cùng mẫu số, thảo luận xây dựng ví dụ  - Gv có thể yêu cầu HS nên thử quy tắc cho cộng phân số khác mẫu số, cùng xây dựng ví dụ và làm Thực hành q để củng cố quy tắc cộng phân số khác mẫu  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  a) Tháng đầu mỗi người thu được: , tháng thứ hai thu được  b) Số tiền thu được của mỗi người trong hai toán được biểu thị:  +  **Thực hành 1:**  Giải:  a. +  = +  =  +  =  =  b.  +  = + =  +  =  +  =  = |

**Hoạt động 2: Một số tính chất của phép cộng phân số**

**a. Mục tiêu**: HS nắm được một số tính chất của phép cộng phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nhắc lại tính chất phép cộng số nguyên  - GV giới thiệu các tính chất tương tự của phép cộng phân số và trình bày. Ví dụ 3 để nói về tác dụng các tính chất trong hp lí  - GV cho Hs thực hiện Thực hành 2 để củng cố ban đầu  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 2:**  Giải:  (  + ) +  = (+  + ) =  +  =  +  = |

**Hoạt động 3: Số đối**

**a. Mục tiêu**: Biết cách tìm được số đối của một phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tiến hành theo gợi ‎ ở SGK và sau đó cho HS thực hiện Thực hành 3  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 3:**  Giải:  a. Số đối của  là -  b. Số đối của  là -  c. Số đối của  là -  d. Số đối của  là - |

**Hoạt động 4: Phép trừ hai phân số**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách trừ hai phân số

Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV theo cách ở SGK để giới thiệu Ví dụ 5 và cho HS thực hiện Thực hành 4  - GV có thể để HS khám phá (bổ sung) hình thành phép trừ như phép cộng (cùng mẫu thì trừ tử, khác mẫu cần quy đồng rồi thực hiện trừ). Khám phá này chỉ bổ sung với điều kiện HS hứng thú  - Quy tắc dấu ngoặc: GV sử dụng tương tự quy tắc dấu ngoặc có ở số nguyên để giới thiệu như SGk và cho HS thực hành 5 để làm quen  - GV nêu yêu cầu bằng ví dụ cụ thể, qua đó nêu thành chú y: Có thể nêu chú ‎ trước và có ví dụ minh họa  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 4:**  Giải:  Ta có:  -  =  +  =  +  =  +  =  **Thực hành 5:**  Giải:  - (-  ) – (+ )  =  -  - =  -  =  +  =  +  = +  = |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3, 4

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  a.  + ) +  b.  + (+ )  **Câu 2:** Tìm các cặp phân số đối nhau trong các phân số sau:  ;  ; ; ;  **Câu 3:**  Người ta mở hai vòi nước cùng chảy vào một bể. Vòi thứ nhất mỗi giờ chảy được  bể, vòi thứ hai mỗi giờ chảy được  bể. Nếu mở đồng thơi cả hai vòi, mỗi giờ được mấy phần bể? | **Câu 1:**  a.  + ) +  = (  +  ) +  =  +  =  +  =  +  =  =  b.  + (+ ) = ( + ) +  = ( +  )  =  +  =  +  =  +  =  **Câu 2:** Các cặp phân số đối nhau là:  và  và  và  **Câu 3:**  Nếu mở đồng thơi cả hai vòi, mỗi giờ được:  +  =  +  =  (phần bể)  Đáp số:  bể |

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:**  Bảo đọc hết một quyển sách trong 4 ngày. Ngày thứ nhất đọc được  quyển sách, ngày thứ hai đọc được  quyển sách, ngày thứ ba đọc được  quyển sách. Hỏi hai ngày đầu Bảo đọc nhiều hơn hay ít hơn hai ngày sau? Tìm phân số để chỉ số chênh lệch đó. | **Câu 4:**  Hai ngày đầu Bảo đọc được:  +  =  Hai ngày sau Bảo đọc được là:  1 **-**  =  Vì  >  nên hai ngày đầu Bảo đọc được nhiều hơn hai ngày sau  Phân số chỉ số chênh lệch là:  -  = |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Biết tìm số đối của phân số đã cho. Thực hiện được cộng, trừ các phân số. Sử dụng được tính chất phép cộng phân số để tính hợp lí.

- Vận dụng hoàn thành các bài tập 1 ;2 ;3 ;4 **(SGK TR18)**

BSH:- Chuẩn bị bài mới “ **Phép nhân và phép chia phân số**”

Ngày soạn:3/2/2025

Ngày dạy: 6/2/2025

# Tiết 57+58+59 - BÀI 5: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA PHÂN SỐ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Thực hiện được nhân, chia phân số

- Biết được tính chất phép nhân phân số để tính hợp lí

- Vận dụng được phép nhân và phép chia hai phân số để giải quyết một số tình huống thực tiễn

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học (vận dụng quy tắc) mô hình hóa toán học (gắn với bài toán có nội dung thực tiễn)

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

Kiểm tra bài cũ. GV gọi hs lên bảng làm phép tính

a.  +  b.  - 

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án của hs trên bảng

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Ở bài trước chúng ta đã học về phép cộng và phép trừ phân số. Hôm nay, cô trò mình cùng tìm hiểu về phép nhân và phép chia.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Nhân hai phân số**

**a. Mục tiêu**: Thực hiện được phép nhân hai phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS đọc HĐKP1  - GV giới thiệu quy tắc nhân hai phân số, phân tích qua Ví dụ 1 để hs hiểu  - GV yêu cầu hs làm ngay một thực hành (bổ sung) để củng cố quy tắc  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  Độ cao của đáy sông Sài Gòn là:  -32 .  =  = -20 |

**Hoạt động 2: Một số tính chất của phép nhân phân số**

**a. Mục tiêu**: Nắm được phép nhân có những tính chất nào

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV có thể sử dụng tương tự để HS đưa ra phán đoán về tính chất phép nhân phân số sau khi nhắc về tính chất phép nhân số nguyên  - GV giới thiệu các tính chất phân số với y nói chúng tương tự phép nhân số nguyên và chú ‎ rằng, ta thường vận dụng các tính chất này để tính toán hợp lí như Ví dụ 2 và Thực hành 1 ( HS tham gia vào ví dụ do GV dẫn dắt và chủ động thực hiện thực hành)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 1:**  Giải:  .  ) + (. )  =  . (  =  .  =  = |

**Hoạt động 3: Chia phân số**

**a. Mục tiêu**: HS thực hiện được các phép chia phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV dùng HĐKP2 để HS trao đổi, củng cố quy tắc chia phân số và một dạng tình huống dùng phép chia  - HS tham gia cùng GV xây dựng ví dụ  - Thực hiện phép nhân, phép chia phân số với số nguyên: GV giới thiệu cách tính nhân và chia phân số với số nguyên  - GV yêu cầu HS thực hiện Thực hành 2  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 2:**  Giải:  a.  :  =  .  =  b.  :  =  .  =  c. 4 :  =  :  =  .  =  = -10  d.  : 6 =  .  =  = |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  Tính giá trị của biểu thức:  a. (  :  ) .  b.  : (.)  c. .  +  .  +  .  **Câu 2:**  Một ô tô chạy hết 8 phút trên một đoạn đường với vận tối trung bình 40km/h. Hãy tính độ dài đoạn đường đó. Người lái xe muốn thời gian chạy hết quãng đường đó chỉ 5 phút thì ô tô phải chạy với vận tốc trung bình là bao nhiêu? | **Câu 1:**  a. (  :  ) .  = ( .  =  .  =  =  b.  : (.) =  :  =  :  = .  =  c. .  +  .  +  .  = . ( +  +  ) =  . ( +  + ) =  .  =  =  **Câu 2:**  Đổi 8 phút =  5 phút =  Độ dài quãng đường đó là:  . 40 =  (km)  Người lái xe muốn thời gian chạy hết quãng đường đó chỉ 5 phút thì ô tô phải chạy với vận tốc trung bình là:  = 64 (km/h)  Đáp số: 64 km/h |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 3:** Tính diện tích hình chữ nhật ABCD ở hình bên theo hai cách, trong đó có cách tính tổng diện tích các hình chữ nhật AEFD và EBCF. Hai cách đó minh họa tính chất nào của phép nhân phân số?  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1129.jpg?itok=_h-gv4z5 | Cách 1: Diện tích hình chữ nhật ABCD là:  . ( + ) =  (m2)  => Tính chất phân phối của phép nhân  Cách 2: Diện tích hình chữ nhật ABCD là:  . + .  =  . ( + ) =  9m2)  => Tính chất kết hợp của phép nhân  Đáp số:  (m2) |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Thực hiện được nhân,chia hai phân số.Biết dùng tính chất phép nhân phân số để tính hợp lí

- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **Bài 1 ;2 ; 3 (SGK TR20)**

BSH:- Chuẩn bị bài mới “ **Luyện tập phần các phép tính về phân số**”

NS:9/2/25

ND: 13/2/25 **TIẾT 60. LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Thực hiện được cộng trừ các phân số

- Sử dụng được tính chất phép cộng phân số để tính hợp lí

- Thực hiện được nhân, chia phân số

- Biết được tính chất phép nhân phân số để tính hợp lí

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học (vận dụng quy tắc, tương tự)

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** Sgk, đồ dùng học tập, vở ghi

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Bài hôm nay chúng ta làm một số bài tập các pháp tính về phân số.

**B.** **LUYỆN TẬP :**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 3

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 3:**  Người ta mở hai vòi nước cùng chảy vào một bể. Vòi thứ nhất mỗi giờ chảy được  bể, vòi thứ hai mỗi giờ chảy được  bể. Nếu mở đồng thơi cả hai vòi, mỗi giờ được mấy phần bể? | | **Câu 3:**  Nếu mở đồng thơi cả hai vòi, mỗi giờ được:  +  =  +  =  (phần bể)  Đáp số:  bể |
| **Câu 2:**  Một ô tô chạy hết 8 phút trên một đoạn đường với vận tối trung bình 40km/h. Hãy tính độ dài đoạn đường đó. Người lái xe muốn thời gian chạy hết quãng đường đó chỉ 5 phút thì ô tô phải chạy với vận tốc trung bình là bao nhiêu? | **Câu 2:**  Đổi 8 phút =  5 phút =  Độ dài quãng đường đó là:  . 40 =  (km)  Người lái xe muốn thời gian chạy hết quãng đường đó chỉ 5 phút thì ô tô phải chạy với vận tốc trung bình là:  = 64 (km/h)  Đáp số: 64 km/h | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 4:**  Bảo đọc hết một quyển sách trong 4 ngày. Ngày thứ nhất đọc được  quyển sách, ngày thứ hai đọc được  quyển sách, ngày thứ ba đọc được  quyển sách. Hỏi hai ngày đầu Bảo đọc nhiều hơn hay ít hơn hai ngày sau? Tìm phân số để chỉ số chênh lệch đó. | **Câu 4:**  Hai ngày đầu Bảo đọc được:  +  =  Hai ngày sau Bảo đọc được là:  1 **-**  =  Vì  >  nên hai ngày đầu Bảo đọc được nhiều hơn hai ngày sau  Phân số chỉ số chênh lệch là:  -  = | |
| **Câu 3:** Tính diện tích hình chữ nhật ABCD ở hình bên theo hai cách, trong đó có cách tính tổng diện tích các hình chữ nhật AEFD và EBCF. Hai cách đó minh họa tính chất nào của phép nhân phân số?  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1129.jpg?itok=_h-gv4z5 | | Cách 1: Diện tích hình chữ nhật ABCD là:  . ( + ) =  (m2)  => Tính chất phân phối của phép nhân  Cách 2: Diện tích hình chữ nhật ABCD là:  . + .  =  . ( + ) =  9m2)  => Tính chất kết hợp của phép nhân  Đáp số:  (m2) | |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Thực hiện được các phép toán cộng, trừ, nhân,chia phân số.Biết dùng tính chất phép cộng, nhân phân số để tính hợp lí

-Hoàn thành các bài tập trong sgk

BSH:- Chuẩn bị bài mới “Giá trị một phân số của một số”

Ngày soạn:16/2/2025

Ngày dạy: 17/2/2025

# Tiết 61+62 - BÀI 6: GIÁ TRỊ PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: Mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Tính giá trị phân số của một số khác gì với tìm một số khi biết giá trị phân số của nó? Chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tính giá trị phân số của một số**

**a. Mục tiêu**: HS nắm được quy tắc tính giá trị của phân số  của số a

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv cho hs đọc và gọi hs lên bảng thực hiện HĐXP1  - GV dẫn dắt để có Quy tắc 1  - GV tổ chức HS (có thể qua vấn đáp) về ví dụ 1 (có thể nêu ví dụ tương tự)  - Thực hành 1: GC cho HS làm và thảo luận  - GV chú ‎ 3 bước trong suy nghĩ của HS: nhận dạng, tính, xác định nhiệt độ cần tính  - GV lưu ‎ HS có thể trình bày gọn  - GV có thể “tích hợp”: hai thành ohoos đó ở đâu? Nhiệt độ ở đâu thấp hơn? Vì sao?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  Số trang bạn Hòa đọc được trong ngày thứ nhất là: 80.  = 30 (trang)  Số trang bạn Hòa đọc được trong ngày thứ 2 là: 80. = 32 (trang)  Số trang bạn Hòa đọc được trong ngày thứ ba là: 80 - 32 - 30 = 18 trang  **Thực hành 1:**  Giải:  Nhiệt độ ở Seoul lúc đó là:  -20. = -15 độ C  Đáp số: -15 độ C |

**Hoạt động 2: Tìm một số biết giá trị phân số của số đó**

**a. Mục tiêu**: HS nắm được cách tìm một số khi biết giá trị phân số  của nó là b

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu khám phá, cho HS thảo luận theo nhóm  - GV nêu chú y dạng “ngược” so với HĐKP1  - GV dẫn dắt HS phát biểu Quy tắc 2 và cùng xây dựng ví dụ (có thể nêu thêm ví dụ tương tự để HS thực hành trực tiếp quy tắc tìm một số khi biết giá trị phân số của số đó  - GV cho HS thảo luận hướng giải Thực hành 2.  - Gv có thể phát triển bài toán: số bi xanh bằng bao nhiêu phần của tổng số bi trong túi? Vẽ hình sơ đồ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  Số trang của cuốn truyện là:  36 :  = 60 trang  Đáp số: 60 trang  **Thực hành 2:**  Giải:  Hộp có số viên bi đỏ là:  10 :  = 15 viên  Hộp có số viên bi là:  15 = 10 = 25 ( viên)  Đáp số: 25 viên |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* **Câu 1, 2, 3**

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Một mảnh vườn có diện tích 240m2, được trồng hai loại hoa là hoa cúc và hoa hồng. Phần diện tích trồng hoa cúc chiếm  diện tích cả vườn. Hỏi diện tích trồng hoa hồng là bao nhiêu mét vuông?  **Câu 2:** Bạn Thanh rót sữa từ một hộp giấy đựng đầy sữa vào cốc được 180 ml để uống. Bạn Thanh ước tính sữa trong hộp còn  dung tích của hộp. Tính dung tích hộp sữa.  **Câu 3:** Một bể nuôi cá cảnh dạng khối hộp chữ nhật, có kích thước 30 cm x 40 cm và chiều cao 20 cm. Lượng nước trong bể cao bằng  chiều cao của bể. Tính số lít nước ở bể đó. | **Câu 1:**  Diện tích trồng hoa cúc là:  240.35 = 144 m2  Diện tích trồng hoa hồng là:  240 - 144 = 96 m2  Đáp số:  96 m2  **Câu 2:**  Vì sữa trong hộp còn  dung tích của hộp nên 180 ml sữa đã rót chiếm: 1 -  =  dung tích.  Dung tích hộp sữa là: 180 :  = 900 ml  Đáp số: 900 ml  **Câu 3:**  Diện tích của bể là:  30 x 40 x 20 = 24.000 cm3  Số lít nước ở bể là:  24000.  = 18 000 cm3  Đáp số: 18 000 cm3 |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Một bác nông dân vừa thu hoạch 30 kg cà chua và 12 kg đậu đũa.  a) Bác đem  số cà chua đó đi bán, giá bán mỗi ki-lo-gam cà chua là 12 500 đồng. Hỏi bác nông dân nhận được bao nhiêu tiền?  b) Số đậu đũa bác vừa thu hoạch chỉ bằng số đậu đũa hiện có trong vườn. Nếu bác thu hoạch hết tất cả thì được bao nhiêu ki-lô-gam đậu đũa? | **Câu 4:**  Bác nông dân nhận được số tiền bán cà chua là:  30 . . 12 500 = 300. 000 đồng  Nếu bác thu hoạch hết tất cả thù được số ki-lo-gam đậu đũa là:  12 :  = 16 (kg)  Đáp số: a) 300.000 đồng  b) 16 kg |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

BVH:- Tính được giá trị phân số của một số và tìm được một số khi biết giá trị phân số của nó. Thực hiên được các bước giải một bài toán thực tiễn liên quan đến giá trị phân số của một số.

- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **Bài1;2; 3; 4 (SGK TR22)**

BSH:- Chuẩn bị bài mới “ **Hỗn số**”

Ngày soạn:18/2/25

Ngày dạy:20/2/25

# Tiết 63-64: HỖN SỐ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biến đổi hỗn số ra phân số và ngược lại

- Thực hiện được các bước so sánh và tính toán với hỗn số

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, mô hình hoá toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Trong tiết học ngày học ngày hôm nay cô sẽ giới thiệu với các em về hỗn số. Hỗn số là gì? Cách đọc và viết hỗn số như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu qua tiết học ngày hôm nay.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hỗn số**

**a. Mục tiêu**: Khái niệm hỗn số, cách viết hỗn số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS thực hiện HĐKP1, sau đó giới thiệu thuật ngữ hỗn số trong tình huống trong khám phá và giới thiệu hỗn số như SGK  - GV dẫn dắt HS cùng xây dựng ví dụ để hình dung cách hình thành hỗn số từ phép chia có dư số tự nhiên cho số tự nhiên  - GV nói thêm: coi phân số như là thương của phép chia nên từ đây cũng biết cách chuyển phân số (nếu được) thành hỗn số. Giới thiệu các thuật ngữ phần số nguyên và phần phân số của hỗn số  - GV cho HS thực hiện Thực hành 1 và HS phát biểu về phần số nguyên và phần phân số của hỗn số.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  a)  Người bán đã lấy đúng  b) 11 phần bánh được lấy hai đĩa và 3 phần là đúng  **Thực hành 1:**  Giải:   = 5  Số nguyên: 2  Phần phân số: |

**Hoạt động 2: Đổi hỗn số ra phân số**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách đổi hỗn số và phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức, dẫn dắt HS theo gợi ‎y từ SGK  - GV có thể cho HS thực hành (bổ sung) để củng cố ban đầu cách đổi hỗn số thành phân số  - GV dẫn dắt HS thực hiện Ví dụ 2 (thực chất giải bài toán so sánh một hỗn số với một phân số. HS cần được dẫn dắt để xác định hướng: chuyển hỗn số ra phân số vì đã biết so sánh các phân số.  - GV cho HS tự thực hiện Thực hành 2 (GV hỗ trợ: gợi ‎ thực hiện tính theo cách nào)  - Thông qua ví dụ và thực hành trên, GV nên cho HS thảo luận về cách thực hiện so sánh, tính toán khi gặp phân số và hỗn số (đổi hỗn số ra phân số để thực hiện)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 2:**  Giải:  ( + 3 ) : = ( + ) : = () : = : = .  = |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  Dùng hỗn số viết thời gian ở đồng hồ trong các hình vẽ sau:  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1131.jpg?itok=SUo7oTsx   Thời gian ở Hình a có thể viết là 2 giờ hoặc 14  giờ được không?  **Câu 2:** Sắp xếp các khối lượng sau theo thứ tự từ lớn đến nhỏ  3 tạ; tạ; tạ; 3 ; 365 kg  **Câu 3:** | **Câu 1:**  Hình a: 2  Hình b: 5  Hình c: 6  Hình d: 9  **Câu 2:**  Các khối lượng theo thứ tự từ lớn đến nhỏ:  tạ, 3 tạ, 365 kg, tạ, 3  **Câu 3:**  a. 1 m2  b. m2  c. 2 m2  d. m2  Nếu viết chúng theo đề xi mét vuông:  a. dm2  b. 2 dm2  c. dm2  d. dm2 |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Hai xe ô tô cùng đi được quãng đường 100 km xe taxi chạy trong giờ và xe tải chạy trong 70 phút. So sánh vận tốc hai xe | **Câu 4:** Đổi 70 phút = 1 giờ  Vận tốc của xe taxi là:  100 : 1  *= 100 : = 83 (km/h)*  *Vận tốc của xe taxi là:*  *100 : 1 = 85 (km/h)*  *Ta có: 85 > 83 nên vận tốc của xe taxi lớn hơn* |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm...)*

Ngày soạn:18/2/25

Ngày dạy:25/2/25

# tiết 65: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết phân số có thể dùng trong một số cảnh, vật và hoạt động gần gũi với HS

- Biết sử dụng kiến thức và kĩ năng về phân số giải thích về phân số trong một số cảnh, vật, hoạt động gần gũi với HS

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: toán học và cuộc sống

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Một lá cờ Tổ quốc bằng vải.

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Gv nên giao HS đọc trước giờ thực hành và trải nghiệm khoảng 1-2 tuần, Có thể phân công HS tiếp tục tìm hiểu thêm sau giờ học.

GV cho lớp trưởng treo cờ Tổ quốc lên bảng một cách trang trọng.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về Quốc kì Việt Nam**

**a. Mục tiêu**: Hs tìm hiểu về một lá cờ đúng tiêu chuẩn, việc sử dụng Quốc kì sao cho trang trọng và phù hợp

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả tự thực hành trải nghiệm của cá nhân và nhóm  - GV lưu y: có thể có một số lá cờ có kích thước khác nhau nhưng lá cờ đúng tiêu chuẩn cần thỏa mãn quy định nêu trong Hiến pháp  - Gv có thể cho HS trao đổi lí do khi đưa ra nhận xét về sự phù hợp tiêu chuẩn của mỗi lá cờ được sử dụng trong giờ học  - GV để HS trao đổi về việc sử dụng Quốc kì sao cho trang trọng và thể hiện lòng tự hào về đất nước VN  HS thảo luận câu hỏi: Quan sát là Quốc kì treo trang trọng còn phát hiện điều gì về hình học nữa? (Tính đối xứng...)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới |  |

**Hoạt động 2: Sử dụng phân số trong thực tế**

**a. Mục tiêu:** Có thực quan sát phòng học hay sân trường và thực hành trải nghiệm

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS lấy ví dụ về cách sử dụng phân số trong thực tiễn đời sống  - GV gợi y cho hs một số đối tượng: bảng, sân trường, phòng học  - HS nêu một vài cách sử dụng phân số trong thực tiễn đời sống  - HS phát hiện những phấn số từ các hình thực tế có ở lớp học, trường học như bảng, bàn học, cửa sổ… Từ đố đưa ra những nhận xét về các phân số mà em phát hiện được  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | Gợi y cho HS:  - HS có thể đếm số viên gạch lát sàn trong một lớp học và số viên gạch lát phần bục giảng để xác định xem diện tích phần bục viết bảng chiếm bao nhiêu phần diện tích sàn lớp học  - Ước tính phân số biểu thị diện tích dành cho trồng cây ở sân trường so với diện tích sân trường |